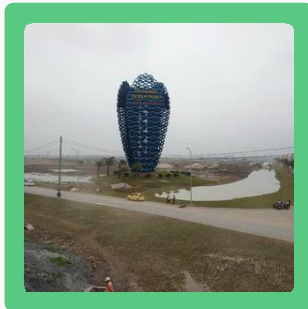




CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM



COMPANY PROFILE HỒ SƠ NĂNG LỰC

Thư Ngỏ

KÍNH GỬI: QUÝ ĐỐI TÁC

Công ty Cổ phần Môi trường Soltech Việt Nam (Soltech) là một trong những đơn vị **thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật và tái chế, sản xuất vật liệu san nền có nguồn gốc từ chất thải rắn trong xây dựng, khai thác khoáng sản, tro xỉ nhiệt điện...** tại Việt Nam.

Chúng tôi hướng đến các giải pháp xanh bền vững, giúp các dự án xây dựng không chỉ đạt tiêu chuẩn về kỹ thuật mà còn đảm bảo yếu tố kinh tế và bảo vệ môi trường. Với đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm và công nghệ tiên tiến, Soltech luôn nỗ lực đem đến những giá trị vượt trội cho từng công trình.

Tâm nhìn và sứ mệnh

Tại Soltech, chúng tôi không chỉ xây dựng công trình, mà còn kiến tạo những giá trị lâu dài, đóng góp vào sự phát triển thịnh vượng và bền vững của cộng đồng. Chúng tôi luôn đặt uy tín, chất lượng, tiến độ và sự hài lòng của đối tác lên hàng đầu.

Năng lực vượt trội

- **Năng lực thi công:** Đảm bảo **tiến độ nhanh chóng** với **đội ngũ kỹ thuật viên chuyên nghiệp** và hệ thống thiết bị hiện đại.
- **Chất lượng vật liệu:** Cung cấp nguồn vật liệu san nền có nguồn gốc xuất xứ, đa dạng, đạt chuẩn về chất lượng và an toàn môi trường.
- **Giải pháp tái chế chất thải rắn xây dựng, khai thác khoáng sản, tro xỉ nhiệt điện... toàn diện:** Hợp tác với các nhà khoa học chuyên ngành, các trường đại học... ứng dụng khoa học kỹ thuật và **công nghệ tiên tiến**, giúp tái chế chất thải rắn làm vật liệu san nền đảm bảo tiêu chuẩn, nhanh chóng, hiệu quả và **bảo vệ môi trường**.

Lý do chọn chúng tôi

1. **Đảm bảo tiến độ và chi phí:** Với quy trình thi công khép kín, chúng tôi cam kết **đáp ứng đúng tiến độ** và tối ưu hóa **chi phí** cho nhà đầu tư.
2. **Kinh nghiệm dự án quy mô lớn:** Đã hoàn thành thành công hàng loạt dự án trọng điểm trên cả nước, từ các khu công nghiệp, khu đô thị đến các dự án cầu đường.
3. **Đội ngũ chuyên nghiệp:** Tập hợp đội ngũ kỹ sư, chuyên gia giàu kinh nghiệm, luôn sáng tạo trong từng giải pháp, mang đến những giá trị khác biệt cho mỗi công trình.
4. **Cam kết bảo vệ môi trường:** Chúng tôi luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và áp dụng những giải pháp xanh, bền vững trong tái chế chất thải rắn làm vật liệu san nền.

Dự án nổi bật

- **Khu đô thị:** Vinhomes Ocean Park 2; Vinhomes Ocean Park 3 tại Văn Giang, Hưng Yên;...
- **Khu công nghiệp:** Khu công nghiệp số 3 huyện Yên Mỹ, Khoái Châu, Ân Thi – tỉnh Hưng Yên. Khu công nghiệp IDICO Cầu Ngàn, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.
- **Cụm công nghiệp:** An Ninh – An Quý, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Đồng hành cùng sự thành công của đối tác

Chúng tôi hiểu rằng, niềm tin và giá trị thực tế là yếu tố quyết định trong mỗi quan hệ hợp tác. Chính vì vậy, chúng tôi luôn không ngừng cải tiến và đổi mới để mang đến những giải pháp tốt nhất cho từng đối tác, giúp đối tác **tiết kiệm chi phí, tăng cường hiệu quả và gia tăng giá trị lâu dài** cho dự án.

Hãy để Công ty Cổ phần Môi trường Soltech Việt Nam đồng hành cùng sự phát triển của đối tác và thành công của dự án. Chúng tôi rất mong có cơ hội được gặp gỡ và trao đổi thêm về các cơ hội hợp tác cụ thể.

Trân trọng!

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM

BÙI CHÍ KIÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC

HỒ SƠ

01

HỒ SƠ PHÁP LÝ

02

CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC

03

TỔ CHỨC CÔNG TY

04

THÔNG TIN CHUNG

05

NĂNG LỰC KINH NGHIỆM

06

HÌNH ẢNH DỰ ÁN

HỒ SƠ PHÁP LÝ

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 0106843930

Đăng ký lần đầu: ngày 11 tháng 05 năm 2015

Đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 25 tháng 04 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SOLTECH VIET NAM ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SOLTECH ENVIRONMENT.,JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số nhà 143 đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.37880240

Fax:

Email: ketoansoltech@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 5.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: BÙI CHÍ KIÊN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 17/10/1969

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001069008251

Ngày cấp: 08/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Tổ 9, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 9, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Đỗ Thanh Huyền

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM

Trụ sở chính: Số 143 đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch: Lô E9, tòa nhà Vimeco đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Email: soltechvietnam@gmail.com/ soltechdauthau@gmail.com

Hotline: 082.755.8866

CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

SỞ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: HAN-00057571

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 724/QĐ-SXD 22/9/2021 của Sở Xây dựng Hà Nội)

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 0106843930

Đăng ký lần đầu: 11/05/2015 Nơi cấp: Sở kế hoạch đầu tư TP. Hà Nội

Tên người đại diện theo pháp luật:

Ông (Bà): **Bùi Chí Kiên** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ trụ sở chính: số nhà 143 đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: 02437880240

Số fax:

Email: soltechvietnam@gmail.com

Website:

Phạm vi hoạt động xây dựng:

- Lĩnh vực hoạt động: (Lĩnh vực/Loại công trình/Hạng)

Thi công XD/Giao thông (Đường bộ)/Hạng II

Thi công XD/Hạ tầng kỹ thuật/Hạng II

Có giá trị đến ngày: 22/9/2031

Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM

Trụ sở chính: Số 143 đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch: Lô E9, tòa nhà Vimenco đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Email: soltechvietnam@gmail.com/ soltechdauthau@gmail.com

Hotline: 082.755.8866

THÔNG TIN CHUNG

1. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM(SOLTECH)

Công ty Cổ phần môi trường Soltech Việt Nam (Soltech) được thành lập ngày 11 tháng 05 năm 2015. Trụ sở công ty: Số 143 đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Văn phòng giao dịch: Lô E9, tòa nhà chung cư Vimenco, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Từ khi thành lập Soltech tập trung đầu tư vào lĩnh vực thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật và tái chế chất thải rắn trong xây dựng, chất thải rắn trong khai thác khoáng sản và tro xỉ nhiệt điện... làm vật liệu san nền.

Với mục tiêu nghiên cứu, sản xuất và ứng dụng các giải pháp công nghệ nhằm cải thiện phương thức sản xuất truyền thống trong hoạt động thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật, tạo ra những dòng sản phẩm hoàn toàn sáng tạo, độc đáo và thân thiện môi trường.

Trên cơ sở các giải pháp tối ưu của Soltech, các chủ đầu tư đã tin nhiệm và giao cho Soltech thi công nhiều dự án hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp như: Khu đô thị Ocean Park1; Vinhomes Dream City (Ocean Park2); Vinhomes Đại An (Ocean Park3). Khu công nghệ cao Láng - Hòa Lạc; khu công nghiệp số 03 (khu công nghiệp sạch); khu công nghiệp IDICO...Hiện tại Soltech là một trong những Nhà thầu thi công hạ tầng kỹ thuật hàng đầu của Công ty Cổ phần Vinhomes thuộc Tập đoàn Vingroup; Công ty cổ phần đầu tư và phát triển đô thị TDH ECOLAND; Tổng công ty IDICO – CTCP...

Soltech đã và đang dần khẳng định được vị thế trong lĩnh vực thi công hạ tầng, từng bước thực hiện hóa khát vọng trở thành doanh nghiệp hàng đầu về thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật và tái chế chất thải rắn trong xây dựng, chất thải rắn trong khai thác khoáng sản, tro xỉ nhiệt điện... làm vật liệu san nền ở Việt Nam vào năm 2030.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM



Trụ sở chính: Số 143 đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
Văn phòng giao dịch: Lô E9, tòa nhà Vimenco đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
Email: soltechvietnam@gmail.com / soltechdauthau@gmail.com
Hotline: 082.755.8866

THÔNG TIN CHUNG

2. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

| | |
|------------------------------|---|
| Tên giao dịch quốc tế | SOLTECH VIETNAM ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY |
| Tên viết tắt | SOLTECH |
| Tên giao dịch trong nước | CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM |
| Văn phòng | Trụ sở chính: Số 143, đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. |
| | Văn phòng Giao dịch: Lô E9 tòa nhà Vimeco, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. |
| Hotline | 082.755.8866 |
| Mã số thuế | 0106843930 |
| Giấy chứng nhận doanh nghiệp | 0106843930 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp |
| Tổng số nhân viên | 85 người |
| Năm thành lập | Năm 2015 |
| Đại diện theo pháp luật | Ông Bùi Chí Kiên |
| Lĩnh vực hoạt động chính | Lĩnh vực khai khoáng: <ul style="list-style-type: none">- Khai thác, vận tải đất san lấp, đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường- Khai thác, nạo vét, tận thu cát xây dựng thông thường trên Sông Hồng Lĩnh vực xây dựng: <ul style="list-style-type: none">- Thiết kế, thi công san nền, giao thông đô thị, công trình thủy lợi, xây dựng dân dụng và công nghiệp, ...- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng- Đầu tư, khai thác mỏ vật liệu cát, đất, đá, ... Lĩnh vực công nghệ kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none">- Cung cấp, lắp đặt, xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải y tế và nước thải công nghiệp. |

- Cải tạo, nâng cấp, áp dụng công nghệ mới vào hệ thống xử lý nước thải.
 - Chuyên giao công nghệ trong lĩnh vực xử lý nước, xử lý khí thải và chất thải rắn
 - Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại
 - Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại
 - Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác
- Lĩnh vực máy móc thiết bị:**
- Máy khai thác, máy thi công, xe vận tải chuyên dụng cho hoạt động khai thác, vận chuyển đất cát san lấp, đá bazan
 - Sản xuất thiết bị điện, điện tử phục vụ cho hệ thống xử lý nước thải
 - Cung cấp các loại máy móc thiết bị chuyên dụng cho hoạt động quan trắc môi trường
 - Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
 - Cung cấp máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
 - Cung cấp máy móc, thiết bị phục vụ ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi
- Lĩnh vực hoá chất, vật liệu:**
- Cung cấp các vật tư, chế phẩm cho xử lý nước thải (Đệm vi sinh, đĩa phân phối khí, chủng vi sinh, chế phẩm sinh học)
 - Cung cấp hóa chất phục vụ xử lý nước (Hóa chất keo tụ, ổn định pH, ...)

TỔ CHỨC CÔNG TY

1. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM

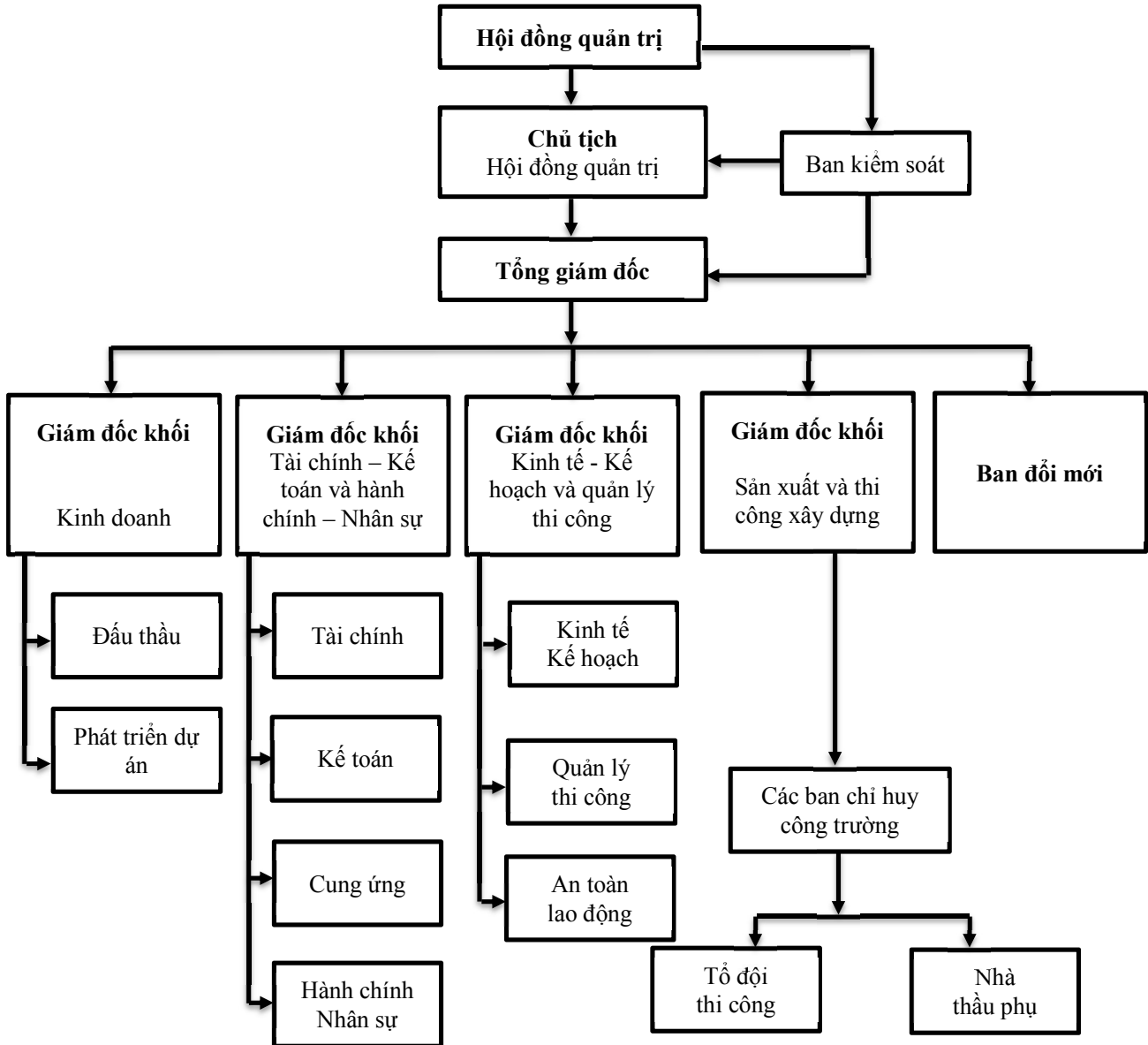
Trụ sở chính: Số 143 đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch: Lô E9, tòa nhà Vimenco đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Email: soltechvietnam@gmail.com / soltechdauthau@gmail.com

Hotline: 082.755.8866

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



NĂNG LỰC KINH NGHIỆM



- 1. Năng lực tài chính**
- 2. Năng lực về nhân sự**
- 3. Năng lực về máy móc và thiết bị**
- 4. Các dự án điển hình đã thực hiện**

NĂNG LỰC VỀ TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TRƯỚC ĐÂY CỦA NHÀ THẦU

Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Môi trường Soltech Việt Nam

Tóm tắt các số liệu về tài chính trong 3 năm tài chính gần đây

| STT | | NĂM 2023 | NĂM 2024 | NĂM 2025 |
|-----|----------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| 1 | Tổng tài sản | 119.599.564.178 | 146.710.289.910 | 106.101.138.635 |
| 2 | Tổng nợ phải trả | 87.194.424.509 | 97.472.581.416 | 56.483.062.011 |
| 3 | Tài sản ngắn hạn | 113.588.482.811 | 136.546.409.868 | 78.802.421.671 |
| 4 | Doanh thu | 69.824.760.974 | 122.823.917.764 | 211.066.160.364 |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 83.883.702 | 290.362.533 | 475.460.162 |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 67.106.962 | 232.290.026 | 380.368.130 |

DOANH THU BÌNH QUÂN HÀNG NĂM

TỪ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

| Số liệu doanh thu hàng năm từ hoạt động xây dựng cho 3 năm gần nhất | |
|---|------------------------|
| Năm | Số tiền (VNĐ) |
| 2023 | 69.824.760.974 |
| 2024 | 122.823.917.764 |
| 2025 | 211.066.160.364 |
| Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động xây dựng | 303.714.839.102 |



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM
Trụ sở chính: Số 143 đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
Văn phòng giao dịch: Lô E9, tòa nhà Vimenco đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
Email: soltechvietnam@gmail.com/ soltechdauthau@gmail.com
Hotline: 082.755.8866

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **B 01 – DN**
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NĂM)

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giá định hoạt động liên tục)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

[01] Tên người nộp thuế: Công ty Cổ phần Môi trường Soltech Việt Nam

[02] Mã số thuế: 0106843930

[03] Địa chỉ: Số nhà 143 đường Phú Diễn,
Phường Phú Diễn

[04] Quận/Huyện: Quận Bắc Từ Liêm
[05] Tỉnh/Thành phố: Hà Nội

[06] Điện thoại:

[07] Fax:

[08] E-mail:

BCTC đã được kiểm toán:

Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|--------------|------------------------|-----------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+ 120 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 113.588.482.811 | 77.817.409.977 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110 = 111 + 112) | 110 | | 12.156.163.740 | 7.675.205.958 |
| 1. Tiền | 111 | VI.01 | 12.156.163.740 | 7.675.205.958 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 0 | 0 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120 = 121 + 122 + 123) | 120 | | 0 | 5.000.000.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | 0 | 0 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2) | 122 | | 0 | 0 |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 0 | 5.000.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130 = 131 + 132 +...+ 137 + 139) | 130 | | 5.001.002.654 | 2.786.565.703 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | VI.03.a | 157.550.000 | 814.267.099 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 4.563.591.794 | 1.924.185.104 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | 0 | 0 |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | 0 | 0 |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | 0 | 0 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | VI.04.a | 279.860.860 | 48.113.500 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | | 0 | 0 |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | VI.05 | 0 | 0 |
| IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149) | 140 | VI.07 | 86.292.579.666 | 54.783.624.579 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 86.292.579.666 | 54.783.624.579 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | 0 | 0 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác (150= 151 + 152 +...+ 155) | 150 | | 10.138.736.751 | 7.572.013.737 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | VI.13.a | 228.592.165 | 435.416.094 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 7.834.364.323 | 5.220.123.063 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | VI.17.b | 2.075.780.263 | 1.916.474.580 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | 0 | 0 |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | VI.14.a | 0 | 0 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200= 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260) | 200 | | 6.011.081.367 | 4.601.440.135 |
| I- Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 +...+ 216 + 219) | 210 | | 0 | 0 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | VI.03.b | 0 | 0 |

| | | | | |
|--|------------|--------------|------------------------|-----------------------|
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | 0 | 0 |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | 0 | 0 |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | 0 | 0 |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | 0 | 0 |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | VI.04.b | 0 | 0 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | | 0 | 0 |
| II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227) | 220 | | 6.011.081.367 | 4.601.440.135 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223) | 221 | VI.09 | 6.011.081.367 | 4.601.440.135 |
| - Nguyên giá | 222 | | 7.321.698.182 | 5.414.202.727 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (1.310.616.815) | (812.762.592) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226) | 224 | VI.11 | 0 | 0 |
| - Nguyên giá | 225 | | 0 | 0 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 226 | | 0 | 0 |
| 3. Tài sản cố định vô hình (227 = 228 + 229) | 227 | VI.10 | 0 | 0 |
| - Nguyên giá | 228 | | 0 | 0 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | 0 | 0 |
| III. Bất động sản đầu tư (230 = 231 + 232) | 230 | VI.12 | 0 | 0 |
| - Nguyên giá | 231 | | 0 | 0 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 232 | | 0 | 0 |
| IV. Tài sản đang dở dài hạn (240 = 241 + 242) | 240 | VI.08 | 0 | 0 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | VI.08.a | 0 | 0 |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | VI.08.b | 0 | 0 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn (250 = 251 + ... + 255) | 250 | | 0 | 0 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | 0 | 0 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | 0 | 0 |
| 3. Đầu tư khác vào đơn vị khác | 253 | | 0 | 0 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*) | 254 | | 0 | 0 |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | 0 | 0 |
| V. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 263 + 268) | 260 | | 0 | 0 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | VI.13.b | 0 | 0 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | VI.24.a | 0 | 0 |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | 0 | 0 |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | VI.14.b | 0 | 0 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 119.599.564.178 | 82.418.850.112 |
| C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 87.194.424.509 | 50.080.817.405 |
| I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 + ... + 323 + 324) | 310 | | 87.194.424.509 | 50.080.817.405 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | VI.16.a | 17.921.826.967 | 11.199.261.999 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 45.490.944.762 | 14.379.139.110 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | VI.17.a | 16.776.740 | 1.741.700 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 0 | 0 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | VI.18.a | 0 | 0 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | 0 | 1.000.000.000 |

| | | | | |
|--|------------|--------------|-----------------------|-----------------------|
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | 0 | 0 |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | VI.20.a | 23.500.674.596 | 23.500.674.596 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | VI.19.a | 0 | 0 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | | 264.201.444 | 0 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | VI.23.a | 0 | 0 |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 0 | 0 |
| 13. Quỹ bình ôn giá | 323 | | 0 | 0 |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | 0 | 0 |
| II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 +...+ 342 + 343) | 330 | | 0 | 0 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | 0 | 0 |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | 0 | 0 |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | VI.18.b | 0 | 0 |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | 0 | 0 |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | 0 | 0 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | VI.20.b | 0 | 0 |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | VI.19.b | 0 | 0 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | 0 | 0 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | 0 | 0 |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | 0 | 0 |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | VI.24.b | 0 | 0 |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | VI.23.b | 0 | 0 |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | 0 | 0 |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430) | 400 | | 32.405.139.669 | 32.338.032.707 |
| I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 +...+ 421 + 422) | 410 | VI.25 | 32.405.139.669 | 32.338.032.707 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu (411 = 411a + 411b) | 411 | | 33.000.000.000 | 33.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 33.000.000.000 | 33.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | 0 | 0 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 0 | 0 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | 0 | 0 |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 0 | 0 |
| 5. Cổ phiếu quỹ (*) | 415 | | 0 | 0 |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | 0 | 0 |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | 0 | 0 |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 0 | 0 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | 0 | 0 |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 0 | 0 |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421 = 421a + 421b) | 421 | | (594.860.331) | (661.967.293) |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | (661.967.293) | (955.097.072) |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 67.106.962 | 293.129.779 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | | 0 | 0 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (430 = 431 + 432) | 430 | VI.28 | 0 | 0 |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | 0 | 0 |

| | | | | |
|--|------------|--|------------------------|-----------------------|
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCD | 432 | | 0 | 0 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 119.599.564.178 | 82.418.850.112 |

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 27 tháng 03 năm 2024

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đỗ Thị Phương Lan

Nguyễn Thị Nhung

Bùi Chí Kiên

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú:

- Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại "Mã số" chỉ tiêu.
- Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).
- Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì "Số cuối năm" có thể ghi là "31.12.X"; "Số đầu năm" có thể ghi là "01.01.X".
- Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM.**

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số: **B 02**
– **DN**
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC Ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023

[02] Tên người nộp thuế: Công ty Cổ phần Môi trường Soltech Việt Nam

[03] Mã số thuế: 0106843930

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VII.1 | 69.824.760.974 | 276.358.596.721 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VII.2 | 0 | 0 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | | 69.824.760.974 | 276.358.596.721 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VII.3 | 65.640.824.386 | 270.583.576.531 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 20 | | 4.183.936.588 | 5.775.020.190 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VII.4 | 362.923.056 | 10.854.844 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VII.5 | 53.906.623 | 0 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 0 | 0 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VII.8 | 0 | 0 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VII.8 | 3.393.837.335 | 5.631.265.549 |
| 10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)} | 30 | | 1.099.115.686 | 154.609.485 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VII.6 | 30.286.946 | 0 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VII.7 | 1.045.518.930 | 0 |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | (1.015.231.984) | 0 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 83.883.702 | 154.609.485 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VII.10 | 16.776.740 | 0 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | VII.11 | 0 | 0 |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | 67.106.962 | 154.609.485 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | | 0 | 0 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | | 0 | 0 |

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 27 tháng 03 năm 2024
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đỗ Thị Phương Lan

Nguyễn Thị Nhung

Bùi Chí Kiên

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

(* Chi áp dụng tại công ty cổ phần

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM.**

PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp) (*)

Mẫu số: **B 03**
– **DN**
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023

[02] Tên người nộp thuế: Công ty Cổ phần Môi trường Soltech Việt Nam

[03] Mã số thuế: 0106843930

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|-----------------------|-------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | | 106.237.749.873 | 328.359.022.929 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | | (99.066.607.020) | (329.859.392.073) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (4.059.451.998) | (3.373.714.358) |
| 4. Tiền lãi vay đã trả | 04 | | (53.906.623) | 0 |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 05 | | (30.921.897) | (65.304.109) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 27.505.330.498 | 13.015.778.229 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (31.255.346.495) | (18.239.205.849) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (723.153.662) | (10.162.815.231) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (60.090.000) | (79.740.000) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 0 | 0 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (25.000.000.000) | (5.000.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 30.000.000.000 | 0 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | 0 | 0 |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 0 | 0 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 0 | 0 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 4.939.910.000 | (5.079.740.000) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | 0 | 26.000.000.000 |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | 0 | 0 |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 19.131.664.596 | 120.193.695.949 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (18.867.463.152) | (124.193.695.949) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | 0 | 0 |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | 0 | 0 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 264.201.444 | 22.000.000.000 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40) | 50 | | 4.480.957.782 | 6.757.444.769 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 7.675.205.958 | 917.761.189 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 0 | 0 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61) | 70 | VIII | 12.156.163.740 | 7.675.205.958 |

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 27 tháng 03 năm 2024
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đỗ Thị Phương Lan

Nguyễn Thị Nhung

Bùi Chí Kiên

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM.**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **B 01 – DN**
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NĂM)

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giá định hoạt động liên tục)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

[01] Tên người nộp thuế: Công ty Cổ phần Môi trường Soltech Việt Nam

[02] Mã số thuế: 0106843930

[03] Địa chỉ: Số nhà 143 đường Phú Diễn,
Phường Phú Diễn

[04] Quận/Huyện: Quận Bắc Từ Liêm
[05] Tỉnh/Thành phố: Hà Nội

[06] Điện thoại:

[07] Fax:

[08] E-mail:

BCTC đã được kiểm toán:

Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|--------------|------------------------|------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+ 120 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 136.546.409.868 | 113.588.482.811 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110 = 111 + 112) | 110 | | 20.452.257.854 | 12.156.163.740 |
| 1. Tiền | 111 | VI.01 | 20.452.257.854 | 12.156.163.740 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 0 | 0 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120 = 121 + 122 + 123) | 120 | | 0 | 0 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | 0 | 0 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2) | 122 | | 0 | 0 |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 0 | 0 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130 = 131 + 132 +...+ 137 + 139) | 130 | | 36.054.120.416 | 5.001.002.654 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | VI.03.a | 12.993.467.860 | 157.550.000 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 22.783.847.696 | 4.563.591.794 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | 0 | 0 |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | 0 | 0 |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | 0 | 0 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | VI.04.a | 276.804.860 | 279.860.860 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | | 0 | 0 |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | VI.05 | 0 | 0 |
| IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149) | 140 | VI.07 | 68.174.841.543 | 86.292.579.666 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 68.174.841.543 | 86.292.579.666 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | 0 | 0 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác (150= 151 + 152 + ...+ 155) | 150 | | 11.865.190.055 | 10.138.736.751 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | VI.13.a | 407.739.621 | 228.592.165 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 8.749.493.913 | 7.834.364.323 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | VI.17.b | 2.707.956.521 | 2.075.780.263 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | 0 | 0 |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | VI.14.a | 0 | 0 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200= 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260) | 200 | | 10.163.880.042 | 6.011.081.367 |
| I- Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 +...+ 216 + 219) | 210 | | 0 | 0 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | VI.03.b | 0 | 0 |

| | | | | |
|--|------------|---------|------------------------|------------------------|
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | 0 | 0 |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | 0 | 0 |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | 0 | 0 |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | 0 | 0 |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | VI.04.b | 0 | 0 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | | 0 | 0 |
| II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227) | 220 | | 10.163.880.042 | 6.011.081.367 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223) | 221 | VI.09 | 10.163.880.042 | 6.011.081.367 |
| - Nguyên giá | 222 | | 12.030.490.455 | 7.321.698.182 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (1.866.610.413) | (1.310.616.815) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226) | 224 | VI.11 | 0 | 0 |
| - Nguyên giá | 225 | | 0 | 0 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 226 | | 0 | 0 |
| 3. Tài sản cố định vô hình (227 = 228 + 229) | 227 | VI.10 | 0 | 0 |
| - Nguyên giá | 228 | | 0 | 0 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | 0 | 0 |
| III. Bất động sản đầu tư (230 = 231 + 232) | 230 | VI.12 | 0 | 0 |
| - Nguyên giá | 231 | | 0 | 0 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 232 | | 0 | 0 |
| IV. Tài sản đang dở dài hạn (240 = 241 + 242) | 240 | VI.08 | 0 | 0 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | VI.08.a | 0 | 0 |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | VI.08.b | 0 | 0 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn (250 = 251 + ... + 255) | 250 | | 0 | 0 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | 0 | 0 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | 0 | 0 |
| 3. Đầu tư khác vào đơn vị khác | 253 | | 0 | 0 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*) | 254 | | 0 | 0 |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | 0 | 0 |
| V. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 263 + 268) | 260 | | 0 | 0 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | VI.13.b | 0 | 0 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | VI.24.a | 0 | 0 |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | 0 | 0 |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | VI.14.b | 0 | 0 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 146.710.289.910 | 119.599.564.178 |
| C - NỢ PHẢI TRẢ (300= 310 + 330) | 300 | | 97.472.581.416 | 87.194.424.509 |
| I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 + ... + 323 + 324) | 310 | | 97.472.581.416 | 87.194.424.509 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | VI.16.a | 10.777.043.863 | 17.921.826.967 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 55.715.939.370 | 45.490.944.762 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | VI.17.a | 58.072.507 | 16.776.740 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 0 | 0 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | VI.18.a | 0 | 0 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | 0 | 0 |

| | | | | |
|--|------------|--------------|-----------------------|-----------------------|
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | 0 | 0 |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | VI.20.a | 0 | 23.500.674.596 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | VI.19.a | 0 | 0 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | | 30.921.525.676 | 264.201.444 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | VI.23.a | 0 | 0 |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 0 | 0 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | 0 | 0 |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | 0 | 0 |
| II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 +...+ 342 + 343) | 330 | | 0 | 0 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | 0 | 0 |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | 0 | 0 |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | VI.18.b | 0 | 0 |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | 0 | 0 |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | 0 | 0 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | VI.20.b | 0 | 0 |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | VI.19.b | 0 | 0 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | 0 | 0 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | 0 | 0 |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | 0 | 0 |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | VI.24.b | 0 | 0 |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | VI.23.b | 0 | 0 |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | 0 | 0 |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430) | 400 | | 49.237.708.494 | 32.405.139.669 |
| I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 +...+ 421 + 422) | 410 | VI.25 | 49.237.708.494 | 32.405.139.669 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu (411 = 411a + 411b) | 411 | | 50.000.000.000 | 33.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 50.000.000.000 | 33.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | 0 | 0 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 0 | 0 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | 0 | 0 |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 0 | 0 |
| 5. Cổ phiếu quỹ (*) | 415 | | 0 | 0 |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | 0 | 0 |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | 0 | 0 |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 0 | 0 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | 0 | 0 |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 0 | 0 |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421 = 421a + 421b) | 421 | | (762.291.506) | (594.860.331) |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | (994.581.532) | (661.967.293) |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 232.290.026 | 67.106.962 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | | 0 | 0 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (430 = 431 + 432) | 430 | VI.28 | 0 | 0 |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | 0 | 0 |

| | | | | |
|--|------------|--|------------------------|------------------------|
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 432 | | 0 | 0 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 146.710.289.910 | 119.599.564.178 |

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Mai Thị Liên

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Nhung

Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2025
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Bùi Chí Kiên

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú:

- (1) Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại “Mã số” chỉ tiêu.
- (2) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).
- (3) Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì “Số cuối năm” có thể ghi là “31.12.X”; “Số đầu năm” có thể ghi là “01.01.X”.
- (4) Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số: **B 02**
– **DN**
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC Ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2024

[02] Tên người nộp thuế: Công ty Cổ phần Môi trường Soltech Việt Nam

[03] Mã số thuế: 0106843930

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VII.1 | 122.823.917.764 | 69.824.760.974 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VII.2 | 0 | 0 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | | 122.823.917.764 | 69.824.760.974 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VII.3 | 117.451.541.517 | 65.640.824.386 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 20 | | 5.372.376.247 | 4.183.936.588 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VII.4 | 4.528.559 | 362.923.056 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VII.5 | 448.428.704 | 53.906.623 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 0 | 0 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VII.8 | 0 | 0 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VII.8 | 3.592.744.997 | 3.393.837.335 |
| 10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)} | 30 | | 1.335.731.105 | 1.099.115.686 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VII.6 | 600.465 | 30.286.946 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VII.7 | 1.045.969.037 | 1.045.518.930 |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | (1.045.368.572) | (1.015.231.984) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 290.362.533 | 83.883.702 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VII.10 | 58.072.507 | 16.776.740 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | VII.11 | 0 | 0 |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | 232.290.026 | 67.106.962 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | | 0 | 0 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | | 0 | 0 |

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2025
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mai Thị Liên

Nguyễn Thị Nhung

Bùi Chí Kiên

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

(*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp) (*)

Mẫu số: **B 03**
– **DN**
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2024

[02] Tên người nộp thuế: Công ty Cổ phần Môi trường Soltech Việt Nam

[03] Mã số thuế: 0106843930

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|-------------------------|-----------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | | 113.952.889.482 | 106.237.749.873 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | | (121.357.794.444) | (99.066.607.020) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (4.463.563.266) | (4.059.451.998) |
| 4. Tiền lãi vay đã trả | 04 | | (432.925.781) | (53.906.623) |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 05 | | (237.277.631) | (30.921.897) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 3.285.699.865 | 27.505.330.498 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (23.897.193.343) | (31.255.346.495) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (33.150.165.118) | (723.153.662) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (6.211.065.000) | (60.090.000) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 0 | 0 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (1.439.183.481) | (25.000.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 1.439.183.481 | 30.000.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | 0 | 0 |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 0 | 0 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 0 | 0 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (6.211.065.000) | 4.939.910.000 |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | 17.000.000.000 | 0 |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | 0 | 0 |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 80.142.357.253 | 19.131.664.596 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (49.485.033.021) | (18.867.463.152) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | 0 | 0 |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | 0 | 0 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 47.657.324.232 | 264.201.444 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40) | 50 | | 8.296.094.114 | 4.480.957.782 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 12.156.163.740 | 7.675.205.958 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 0 | 0 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61) | 70 | VIII | 20.452.257.854 | 12.156.163.740 |

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2025
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mai Thị Liên

Nguyễn Thị Nhung

Bùi Chí Kiên

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM.

NĂNG LỰC VỀ NHÂN SỰ

Trong chiến lược phát triển dài hạn, Công ty Soltech luôn xác định nhân sự chính là nguồn lực quan trọng nhất, quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Chính vì vậy chúng tôi đặc biệt chú trọng đến nhân tố con người trong mọi lĩnh vực hoạt động. Điều này được thể hiện qua chính sách thu nhập và phúc lợi, khuyến khích người lao động cống hiến lâu dài với Công ty, gắn quyền lợi của người lao động. Đồng thời chúng tôi quy chuẩn hóa tất cả các khâu trong quy trình quản trị nhân sự từ tuyển dụng lao động và đào tạo đến khâu sử dụng lao động và đánh giá theo mô hình quản lý hiện đại nhằm không ngừng nâng cao chất lượng nhân sự. Trải qua nhiều năm kinh nghiệm, đội ngũ cán bộ, công nhân của Công ty không ngừng phấn đấu, học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề và đã hoàn thành xây dựng nhiều công trình có quy mô lớn trong nước.

| STT | Trình độ chuyên môn | Tổng số |
|-------------|-------------------------------------|-----------|
| I | Trình độ trên đại học | 02 |
| II | Kỹ sư, cao đẳng, trung cấp | 26 |
| 1 | Kỹ sư cầu đường | 05 |
| 2 | Kỹ sư kinh tế xây dựng | 02 |
| 3 | Cử nhân kinh tế và tài chính | 03 |
| 4 | Kỹ sư máy xây dựng | 03 |
| 5 | Kỹ sư xây dựng | 03 |
| 6 | Cao đẳng | 05 |
| 7 | Trung cấp | 05 |
| III. | Công nhân kỹ thuật(bậc 1-7) | 34 |
| 1 | Khảo sát đo đạc | 09 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM



Trụ sở chính: Số 143 đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
Văn phòng giao dịch: Lô E9, tòa nhà Vimenco đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
Email: soltechvietnam@gmail.com/ soltechdauthau@gmail.com
Hotline: 082.755.8866

| STT | Trình độ chuyên môn | Tổng số |
|------------|--|----------------|
| 2 | Vận hành máy xây dựng | 06 |
| 3 | Vận hành máy thi công(Máy rải, máy lu, máy xúc, máy ủi, xe vận tải, máy bơm cát,..) | 06 |
| 4 | Thợ điện | 02 |
| 5 | Công nghệ ô tô, máy | 05 |
| 6 | Lái xe con | 02 |
| 7 | Công nhân khác | 13 |
| IV | Lao động phổ thông | 25 |
| | Tổng cộng | 85 |

Ngoài đội ngũ cán bộ nói trên của công ty, chúng tôi còn có đội ngũ đông đảo các cộng tác viên dày dặn kinh nghiệm, sẵn sàng phối hợp thực hiện các dự án có yêu cầu kỹ thuật cao, tiếp thu các công nghệ mới trong thi công.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NĂM)

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

[01] Tên người nộp thuế: Công ty Cổ phần Môi trường Soltech Việt Nam

[02] Mã số thuế: 0106843930

[03] Địa chỉ: Số nhà 143 đường Phú Diễn, Phường
Phú Diễn

[04] Quận/Huyện:

[05] Tỉnh/Thành phố: Thành phố
Hà Nội

[06] Điện thoại:

[07] Fax:

[08] E-mail:

BCTC đã được kiểm toán:

Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|--------------|-----------------------|------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+ 120 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 78.802.421.671 | 136.546.409.868 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110 = 111 + 112) | 110 | | 13.483.935.254 | 20.452.257.854 |
| 1. Tiền | 111 | VI.01 | 13.483.935.254 | 20.452.257.854 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 0 | 0 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120 = 121 + 122 + 123) | 120 | | 0 | 0 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | 0 | 0 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2) | 122 | | 0 | 0 |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 0 | 0 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130 = 131 + 132 +...+ 137 + 139) | 130 | | 41.702.276.406 | 36.054.120.416 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | VI.03.a | 10.891.208.676 | 12.993.467.860 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 14.883.851.498 | 22.783.847.696 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | 0 | 0 |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | 0 | 0 |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | 0 | 0 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | VI.04.a | 15.927.216.232 | 276.804.860 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | | 0 | 0 |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | VI.05 | 0 | 0 |
| IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149) | 140 | VI.07 | 15.425.429.568 | 68.174.841.543 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 15.425.429.568 | 68.174.841.543 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | 0 | 0 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác (150= 151 + 152 + ...+ 155) | 150 | | 8.190.780.443 | 11.865.190.055 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | VI.13.a | 241.324.197 | 407.739.621 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 5.241.499.725 | 8.749.493.913 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | VI.17.b | 2.707.956.521 | 2.707.956.521 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | 0 | 0 |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | VI.14.a | 0 | 0 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200= 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260) | 200 | | 27.298.716.964 | 10.163.880.042 |
| I- Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 +....+ 216 + 219) | 210 | | 0 | 0 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | VI.03.b | 0 | 0 |

| | | | | |
|--|------------|--------------|------------------------|------------------------|
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | 0 | 0 |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | 0 | 0 |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | 0 | 0 |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | 0 | 0 |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | VI.04.b | 0 | 0 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | | 0 | 0 |
| II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227) | 220 | | 27.298.716.964 | 10.163.880.042 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223) | 221 | VI.09 | 27.298.716.964 | 10.163.880.042 |
| - Nguyên giá | 222 | | 31.096.601.566 | 12.030.490.455 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (3.797.884.602) | (1.866.610.413) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226) | 224 | VI.11 | 0 | 0 |
| - Nguyên giá | 225 | | 0 | 0 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 226 | | 0 | 0 |
| 3. Tài sản cố định vô hình (227 = 228 + 229) | 227 | VI.10 | 0 | 0 |
| - Nguyên giá | 228 | | 0 | 0 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | 0 | 0 |
| III. Bất động sản đầu tư (230 = 231 + 232) | 230 | VI.12 | 0 | 0 |
| - Nguyên giá | 231 | | 0 | 0 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 232 | | 0 | 0 |
| IV. Tài sản dang dở dài hạn (240 = 241 + 242) | 240 | VI.08 | 0 | 0 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | VI.08.a | 0 | 0 |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | VI.08.b | 0 | 0 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn (250 = 251 + ... + 255) | 250 | | 0 | 0 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | 0 | 0 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | 0 | 0 |
| 3. Đầu tư khác vào đơn vị khác | 253 | | 0 | 0 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*) | 254 | | 0 | 0 |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | 0 | 0 |
| V. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 263 + 268) | 260 | | 0 | 0 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | VI.13.b | 0 | 0 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | VI.24.a | 0 | 0 |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | 0 | 0 |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | VI.14.b | 0 | 0 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 106.101.138.635 | 146.710.289.910 |
| C - NỢ PHẢI TRẢ (300= 310 + 330) | 300 | | 56.483.062.011 | 97.472.581.416 |
| I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 +...+ 323 + 324) | 310 | | 56.483.062.011 | 97.472.581.416 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | VI.16.a | 12.774.730.457 | 10.777.043.863 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 36.004.899.770 | 55.715.939.370 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | VI.17.a | 101.525.120 | 58.072.507 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 464.025.615 | 0 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | VI.18.a | 0 | 0 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | 0 | 0 |

| | | | | |
|--|------------|--------------|-----------------------|-----------------------|
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | 0 | 0 |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | VI.20.a | 0 | 0 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | VI.19.a | 0 | 0 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | | 7.137.881.049 | 30.921.525.676 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | VI.23.a | 0 | 0 |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 0 | 0 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | 0 | 0 |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | 0 | 0 |
| II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 +...+ 342 + 343) | 330 | | 0 | 0 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | 0 | 0 |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | 0 | 0 |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | VI.18.b | 0 | 0 |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | 0 | 0 |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | 0 | 0 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | VI.20.b | 0 | 0 |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | VI.19.b | 0 | 0 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | 0 | 0 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | 0 | 0 |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | 0 | 0 |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | VI.24.b | 0 | 0 |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | VI.23.b | 0 | 0 |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | 0 | 0 |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430) | 400 | | 49.618.076.624 | 49.237.708.494 |
| I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 +...+ 421 + 422) | 410 | VI.25 | 49.618.076.624 | 49.237.708.494 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu (411 = 411a + 411b) | 411 | | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | 0 | 0 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 0 | 0 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | 0 | 0 |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 0 | 0 |
| 5. Cổ phiếu quỹ (*) | 415 | | 0 | 0 |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | 0 | 0 |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | 0 | 0 |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 0 | 0 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | 0 | 0 |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 0 | 0 |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421 =421a + 421b) | 421 | | (381.923.376) | (762.291.506) |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | (762.291.506) | (994.581.532) |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 380.368.130 | 232.290.026 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | | 0 | 0 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (430 = 431 + 432) | 430 | VI.28 | 0 | 0 |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | 0 | 0 |

| | | | | |
|--|------------|--|------------------------|------------------------|
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 432 | | 0 | 0 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 106.101.138.635 | 146.710.289.910 |

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2026
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Bùi Chí Kiên

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú:

- Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại “Mã số” chỉ tiêu.
- Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).
- Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì “Số cuối năm” có thể ghi là “31.12.X”; “Số đầu năm” có thể ghi là “01.01.X”.
- Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.

 Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM**
Ngày ký: 21/04/2026 09:58:07.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số: **B 02**
– **DN**
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC Ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: Công ty Cổ phần Môi trường Soltech Việt Nam

[03] Mã số thuế: 0106843930

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 211.066.160.364 | 122.823.917.764 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 96.358.343 | 0 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | | 210.969.802.021 | 122.823.917.764 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | | 204.993.550.534 | 117.451.541.517 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 20 | | 5.976.251.487 | 5.372.376.247 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | | 1.846.326 | 4.528.559 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | 198.400.078 | 448.428.704 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 198.400.078 | 448.428.704 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | 0 | 0 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | | 5.304.545.197 | 3.592.744.997 |
| 10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)} | 30 | | 475.152.538 | 1.335.731.105 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 502.772 | 600.465 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 195.148 | 1.045.969.037 |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 307.624 | (1.045.368.572) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 475.460.162 | 290.362.533 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | | 95.092.032 | 58.072.507 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | 0 | 0 |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | 380.368.130 | 232.290.026 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | | 0 | 0 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | | 0 | 0 |

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2026
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Bùi Chí Kiên

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

(*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.

 Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM**
Ngày ký: 21/04/2026 09:58:07.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp) (*)

Mẫu số: B 03
– DN
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: Công ty Cổ phần Môi trường Soltech Việt Nam

[03] Mã số thuế: 0106843930

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | | 205.548.504.669 | 113.952.889.482 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | | (165.449.981.141) | (121.357.794.444) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (4.864.832.193) | (4.463.563.266) |
| 4. Tiền lãi vay đã trả | 04 | | (198.400.078) | (432.925.781) |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 05 | | (58.072.507) | (237.277.631) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 4.103.441.356 | 3.285.699.865 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (22.225.338.079) | (23.897.193.343) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 16.855.322.027 | (33.150.165.118) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | 0 | 0 |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | (40.000.000) | (6.211.065.000) |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (775.000.000) | (1.439.183.481) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 775.000.000 | 1.439.183.481 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | 0 | 0 |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 0 | 0 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 0 | 0 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (40.000.000) | (6.211.065.000) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | 0 | 17.000.000.000 |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | 0 | 0 |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 124.495.690.294 | 80.142.357.253 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (148.279.334.921) | (49.485.033.021) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | 0 | 0 |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | 0 | 0 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (23.783.644.627) | 47.657.324.232 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40) | 50 | | (6.968.322.600) | 8.296.094.114 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 20.452.257.854 | 12.156.163.740 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 0 | 0 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61) | 70 | | 13.483.935.254 | 20.452.257.854 |

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2026
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Bùi Chí Kiên

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.

 Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM**
 Ngày ký: 21/04/2026 09:58:07.

NĂNG LỰC VỀ MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ

| STT | Tên thiết bị | Mã hiệu | Nước sản xuất | Số lượng | Tình trạng hoạt động |
|-----|--|--|---------------------------|----------|----------------------|
| 1 | Máy xúc thủy lực bánh xích | Komatsu 350, 200, ... | Nhật Bản | 08 | Tốt |
| 2 | Máy xúc thủy lực bánh xích | Hitachi EX200-2 | Nhật Bản | 05 | Tốt |
| 3 | Máy ủi bánh xích Komatsu | Komatsu D65, D5, ... | Nhật Bản | 12 | Tốt |
| 4 | Máy lu rung | W900D | Đức | 02 | Tốt |
| 5 | Máy lu rung | Bomag BW-121-D2 ; Hamm 2420D | Đức | 06 | Tốt |
| 6 | Máy rải Asphalt | Dynapac | Đức | 02 | Tốt |
| 7 | Máy lu rung | Hamm 2420D | Slovakia | 02 | Tốt |
| 8 | Máy lu tĩnh 3 bánh sắt | Sakai R2 | Nhật Bản | 02 | Tốt |
| 9 | Xe ô tô tải ben | ... | Trung quốc, Hàn quốc, ... | Nhiều | Tốt |
| 10 | Hệ thống máy, đường ống bơm cát, ... | Hino, Comin, ... | Nhật, Mỹ, ... | >20 | Tốt |
| 11 | Máy đo độ chặt và độ ẩm Troxler | Phục vụ thi công: Đo độ chặt nền đường, mặt đường và độ ẩm | 01 | Tốt | Mỹ |
| 12 | Các thiết bị khác : Máy toàn đạc, máy thủy bình, máy khoan phá bê tông, | | Nhiều | Tốt | |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM



Trụ sở chính: Số 143 đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch: Lô E9, tòa nhà Vimenco đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Email: soltechvietnam@gmail.com/ soltechdauthau@gmail.com

Hotline: 082.755.8866

CÁC DỰ ÁN ĐIỂN HÌNH ĐÃ THỰC HIỆN

| TT | Tên công trình | Giá trị hợp đồng | Thời gian hoàn thành | Tình trạng hoàn thành | Chủ đầu tư | Miêu tả dự án/Gói thầu |
|----|---|------------------|----------------------|-----------------------|--|------------------------------------|
| 1 | Dự án San lấp mặt bằng Khu công nghiệp Quý Ninh – Thái Bình | | Năm 2019 | 100% | Công ty Cổ phần chuyên giao công nghệ và đầu tư xây dựng CONIC | San lấp mặt bằng |
| 2 | Dự án San lấp mặt bằng Khu công nghiệp Quý Ninh – Thái Bình (phần mở rộng) | | Năm 2020 | 100% | Công ty Cổ phần chuyên giao công nghệ và đầu tư xây dựng CONIC | San lấp mặt bằng |
| 3 | Dự án Khu đô thị sinh thái Vinhomes Dream city – Văn Giang, tỉnh Hưng Yên | | Năm 2021 | 100% | Công ty Cổ phần Vinhomes | San lấp mặt bằng |
| 4 | Dự án Khu đô thị sinh thái Vinhomes Đại An – Văn Giang, tỉnh Hưng Yên | | 10/2022 | 100% | Công ty Cổ phần Vinhomes | San lấp mặt bằng |
| 5 | Các tuyến đường còn lại (phục vụ bán hàng các đợt tiếp theo: bao gồm bao gồm đào đắp khuôn đường, HT thoát nước, các lớp kết cấu đường, cống, vỉa hè... Dự án Khu đô thị sinh thái Vinhomes Dream city – Văn Giang, tỉnh Hưng Yên | | 8/2022 | 100% | Công ty Cổ phần Vinhomes | Hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM

Trụ sở chính: Số 143 đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
 Văn phòng giao dịch: Lô 9E, tòa nhà Vimenco đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
 Email: soltechvietnam@gmail.com/Soltechdauthau@gmail.com
 Hotline: 082 755 8866

| TT | Tên công trình | Giá trị hợp đồng | Thời gian hoàn thành | Tình trạng hoàn thành | Chủ đầu tư | Miêu tả dự án/Gói thầu |
|----|---|------------------|----------------------|-----------------------|---|------------------------------------|
| 6 | Các tuyến đường còn lại (phục vụ bán hàng các đợt tiếp theo: bao gồm bao gồm đào đắp khuôn đường, HT thoát nước, các lớp kết cấu đường, cống, vỉa hè... Dự án Khu đô thị sinh thái Vinhomes Đại An – Văn Giang, tỉnh Hưng Yên | | 8/2022 | 100% | Công ty Cổ phần Vinhomes | Hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông |
| 7 | Cung cấp, thi công san nền dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN số 3 | | Năm 2023 | 100% | Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển đô thị Ecoland | Hạ tầng kỹ thuật |
| 8 | Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Cầu Nghìn và tuyến đường bộ từ TP Thái Bình đi Cầu Nghìn | | Năm 2023 | 90% | Tổng Công ty IDICO – CTCP | Hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông |
| 9 | Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Cầu Nghìn – San nền lô 9 giai đoạn 1 (diện tích 5,17ha) và lô 10 giai đoạn 1 (diện tích 1,71ha) | | Năm 2024 | 90% | Tổng Công ty IDICO – CTCP | San lấp mặt bằng |
| 10 | Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Cầu Nghìn – San nền lô 9 giai đoạn 2 đợt 1 (diện tích 10,13 ha) | | Năm 2024 | 90% | Tổng Công ty IDICO – CTCP | San lấp mặt bằng |
| 11 | Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Cầu Nghìn – Bể chứa nước và trạm bơm cấp nước cho hệ thống PCCC tổng thể - Phần xây dựng | | Năm 2024 | 80% | Tổng Công ty IDICO – CTCP | Hạ tầng kỹ thuật |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM

Trụ sở chính: Số 143 đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
 Văn phòng giao dịch: Lô 9E, tòa nhà Vimeco đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
 Email: soltechvietnam@gmail.com/Soltechdauthau@gmail.com
 Hotline: 082 755 8866

| TT | Tên công trình | Giá trị hợp đồng | Thời gian hoàn thành | Tình trạng hoàn thành | Chủ đầu tư | Miêu tả dự án/Gói thầu |
|----|--|------------------|----------------------|-----------------------|--|------------------------------------|
| 12 | Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Cầu Nghìn – San nền lô 9 giai đoạn 2 đợt 2 (diện tích 10 ha) | | Năm 2024 | 10% | Tổng Công ty IDICO – CTCP | San lấp mặt bằng |
| 13 | Hợp đồng hợp tác triển khai đề tài : Nghiên cứu công nghệ cứng hóa đất bùn nạo vét để sử dụng trong san lấp mặt bằng thay thế cát” | | | | Viện Thủy Công – Viện Khoa học thủy lợi Việt Nam | Hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông |
| 14 | Hợp đồng hợp tác về phát triển công nghệ lĩnh vực nông, lâm nghiệp | | | | Khoa Nông lâm – Trường Đại học Tây Bắc | Hạ tầng kỹ thuật |
| 15 | Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị dự án – Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hợp Hưng, Vụ Bản, Nam Định | | Năm 2025 | 30% | Ban quản lý dự án đầu tư huyện Vụ Bản | Hạ tầng kỹ thuật |
| 16 | Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị dự án – Xây dựng khu dân cư tập trung xã Quang Trung, Vụ Bản, Nam Định | | Năm 2025 | 30% | Ban quản lý dự án đầu tư huyện Vụ Bản | Hạ tầng kỹ thuật |
| 17 | Cung cấp cát, thi công hạ tầng và san nền | | Năm 2025 | 90% | Công ty Cổ phần Vinhomes | San lấp mặt bằng |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM

Trụ sở chính: Số 143 đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
 Văn phòng giao dịch: Lô 9E, tòa nhà Vimenco đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
 Email: soltechvietnam@gmail.com/Soltechdauthau@gmail.com
 Hotline: 082 755 8866



| | | | | | | |
|----|---|--|----------|-----|---|---------------------------|
| 18 | Cung cấp đất, thi công hạ tầng và san nền | | Năm 2025 | 85% | Công ty cổ phần Vinhomes | San lấp hạ tầng |
| 19 | Cung cấp đất, thi công hạ tầng san nền dự án Tân Trào | | Năm 2025 | | Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng SGC | San lấp hạ tầng |
| 20 | Thi công cảnh quan cứng lô CX12, các lô cây xanh và bãi đỗ xe trong khu vực thi công san nền và HTKT gia đoạn 1 | | Năm 2025 | | Công ty TNHH xây dựng và quản lý dự án Hồ Tây | Thi công hạ tầng kỹ thuật |



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM

Trụ sở chính: Số 143 đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch: Lô 9E, tòa nhà Vimeco đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Email: soltechvietnam@gmail.com/Soltechdauthau@gmail.com

Hotline: 082 755 8866

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG

Số: 0206/HĐMB/2020/ST-CONIC

V/v: Thi công san lấp mặt bằng đạt hệ số lu lèn K95 phục vụ thi công

Công trình: Xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp Quý Ninh.

Hạng mục: Thi công san lấp mặt bằng.

Địa điểm: CCN Quý Ninh, Xã An Ninh, Xã An Quý, Huyện Quỳnh Phụ, Thái Bình

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 của Nước CHXHCNVN, Quốc hội khóa XI, thông qua ngày 14/06/2005 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006
- Căn cứ Bộ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc Hội;
- Căn cứ Bộ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội;
- Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 06 năm 2020, chúng tôi gồm:

BÊN GIAO THẦU (BÊN A): CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CONIC.

- Đại diện: **Ông Ngô Quang Tú** Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Số 1, dãy 4, khu tập thể UBND huyện Đan Phượng, ngõ 192 phố Tây Sơn, thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 0972921288
- MST: 0104184802
- Số TK: 1006902868 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội, chi nhánh Tây Hà Nội, phòng giao dịch Mỹ Đình

BÊN NHẬN THẦU (BÊN B): CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM

- Đại diện: **Ông Bùi Chí Kiên** Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Ô TT 1-5, Lô TT1, Khu tái định cư Phú Diễn, đường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 024.3788.0240
- MST: 0106843930
- Số TK: 1460201030601 tại Ngân hàng AGRIBANK – Chi nhánh Hà Nội



- Trường hợp không đạt được thoả thuận giữa các bên, việc giải quyết thống nhất được đưa đến cơ quan, tổ chức thẩm quyền giải quyết theo quy định của Pháp luật. Mọi phí tổn do bên có lỗi phải chịu.
- Hợp đồng này cũng như các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước về bảo mật.
- Hai bên cam kết thực hiện tốt các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng.
- Hợp đồng sẽ được tự động thanh lý sau khi bên A hoàn thành trách nhiệm thanh toán cho bên B và khi bên B cung cấp đủ khối lượng đất theo yêu cầu của bên A.
- Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Ngô Quang Tú

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Bùi Chí Kiên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG

Số: 0612/HĐMB/2019/ST-CONIC

V/v: Thi công san lấp mặt bằng đạt hệ số lu lèn K95 phục vụ thi công

Công trình: Xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp Quý Ninh.

Hạng mục: Thi công san lấp mặt bằng.

Địa điểm: CCN Quý Ninh, Xã An Ninh, Xã An Quý, Huyện Quỳnh Phụ, Thái Bình

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 của Nước CHXHCNVN, Quốc hội khóa XI, thông qua ngày 14/06/2005 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006
- Căn cứ Bộ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc Hội;
- Căn cứ Bộ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội;
- Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 06 tháng 12 năm 2019, chúng tôi gồm:

BÊN GIAO THẦU (BÊN A): CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CONIC.

- Đại diện: **Ông Ngô Quang Tú** Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Số 1, dãy 4, khu tập thể UBND huyện Đan Phượng, ngõ 192 phố Tây Sơn, thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 0972921288
- MST: 0104184802
- Số TK: 1006902868 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội, chi nhánh Tây Hà Nội, phòng giao dịch Mỹ Đình

BÊN NHẬN THẦU (BÊN B): CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM

- Đại diện: **Ông Bùi Chí Kiên** Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Ô TT 1-5, Lô TT1, Khu tái định cư Phú Diễn, đường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 024.3788.0240
- MST: 0106843930
- Số TK: 1460201030601 tại Ngân hàng AGRIBANK – Chi nhánh Hà Nội

- Trường hợp không đạt được thoả thuận giữa các bên, việc giải quyết thống nhất được đưa đến cơ quan, tổ chức thẩm quyền giải quyết theo quy định của Pháp luật. Mọi phí tổn do bên có lỗi phải chịu.
- Hợp đồng này cũng như các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước về bảo mật.
- Hai bên cam kết thực hiện tốt các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng.
- Hợp đồng sẽ được tự động thanh lý sau khi bên A hoàn thành trách nhiệm thanh toán cho bên B và khi bên B cung cấp đủ khối lượng đất theo yêu cầu của bên A.
- Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Ngô Quang Trí

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Bùi Chí Kiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG
Số : 1608/2021/HĐXD/VH-STVN

Công trình: Vinhomes Ocean Park 2 (Dream City Hưng Yên)
Hạng Mục: Bơm cát, san lấp
Địa điểm: Văn Giang – Hưng Yên

- Căn cứ các văn bản pháp luật liên quan của nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ nhu cầu và năng lực của Hai Bên.

Hôm nay, ngày 16 tháng 08 năm 2021 , tại Hà Nội, chúng tôi gồm:

1. Bên giao thầu: CÔNG TY CỔ PHẦN VINHOMES

- Người đại diện : Ông **Phạm Văn Khương** Chức vụ: **Phó Tổng giám đốc**
- Địa chỉ : Tòa nhà văn phòng Symphony, Đường Chu Huy Mân, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội
- Mã số thuế : 0102671977

(Sau đây gọi tắt là “**Bên A**” hoặc “**Chủ Đầu Tư**”)

2. Bên nhận thầu : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM

- Địa chỉ : Ô TT.1-5, Lô TT1, khu tái định cư Phú Diễn, đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội (nay là số nhà 143 đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội).
- Điện thoại : 091 322 1266 Email: soltecvietnam@gmail.com.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0106843930 do sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 05 năm 2015.
- Mã số thuế : 0106843930
- Tài khoản số : 19037338897881 - Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) - CN Đông Đô.
- Người đại diện : Ông **Bùi Chí Kiên** Chức vụ: **Giám đốc**

(Sau đây gọi tắt là “**Bên B**” hoặc “**Nhà Thầu**”)

Bên A/Chủ Đầu Tư và Bên B/Nhà Thầu sau đây gọi riêng là “**Bên**” và gọi chung là “**Các Bên**” hoặc “**Hai Bên**”

Hai bên thỏa thuận ký kết **Hợp đồng thi công xây dựng (“Hợp Đồng”)** này với những điều khoản sau:

ĐIỀU 1: THÀNH PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG

Hợp Đồng này bao gồm các phụ lục kèm theo Hợp Đồng và các văn bản, tài liệu khác được liệt kê dưới đây, ban hành từng thời điểm, là các bộ phận không thể tách rời của Hợp Đồng và có giá trị giải thích lẫn cho nhau:

Ký bởi: Phạm Văn Khương
Ngày ký: 16/08/2021 12:04:58

Trang 1/40
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM
Ngày ký: 16/08/2021 15:10:52

- Phụ lục C quy định về phạt, khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại và xử lý khác áp dụng đối với các vi phạm của nhà thầu xây dựng kèm theo Hợp Đồng này.
- 4.3 Thời gian thi công sẽ được điều chỉnh hoặc gia hạn nếu (i) xảy ra các trường hợp bất khả kháng nêu tại Điều 12 của Hợp Đồng; hoặc (ii) thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Bên A; hoặc (iii) Bên B phải dừng chờ công việc do thay đổi thiết kế theo yêu cầu của Bên A và nếu ảnh hưởng đến tiến độ thi công, việc điều chỉnh/gia hạn thời gian thi công phải được xác nhận bằng văn bản của đại diện do Bên A chỉ định.
Một công việc phát sinh không đương nhiên mang lại cho Bên B quyền được gia hạn thời hạn thi công.
- 4.4 Nếu Bên B biết được bất kỳ hành vi nào của nhà chức trách mà Bên B cho rằng hành vi đó có thể dẫn tới chậm trễ thời hạn thi công, thì Bên B phải thông báo ngay bằng văn bản cho Bên A biết về hành vi đó và dự kiến thời gian chậm trễ. Trong khả năng của mình, Bên B phải có những biện pháp hợp lý để đề đạt đến nhà chức trách có liên quan hoặc cấp trên của nhà chức trách nhằm chấm dứt những hành vi có thể gây trệch trễ do nhà chức trách.
Trong trường hợp Bên B không thông báo ngay bằng văn bản trong vòng 2 ngày hoặc không có những nỗ lực nêu trên thì Bên A có quyền không chấp nhận việc chậm trễ (không coi đó là nguyên nhân được phép kéo dài thời hạn thi công).
- 4.5 Trên cơ sở biện pháp thi công/ tiến độ thi công chi tiết/ biểu đồ nhân lực do Bên B lập đã được Bên A phê duyệt, theo quyết định của Bên A và thực tế tại công trường, Bên A có thể bàn giao mặt bằng cho Bên B theo từng phần. Việc Bên B không tuân thủ quyết định này cũng được coi là vi phạm Hợp Đồng, trừ trường hợp việc bàn giao mặt bằng của Bên A làm thay đổi biện pháp thi công/tiến độ chi tiết dẫn đến thay đổi hoặc kéo dài thời gian hoàn thành Công Việc nêu tại Điều 4.1.
- 4.6 Bên A có quyền xem xét việc đưa các nhà thầu khác vào thay thế và/hoặc bổ sung cho Bên B để thực hiện một phần hoặc toàn bộ Công Việc khi Bên B không đảm bảo đúng tiến độ thi công theo các giai đoạn thi công chính theo bảng tổng tiến độ đã được Bên A phê duyệt; Bên B có trách nhiệm đền bù cho Bên A các thiệt hại và/hoặc chi phí phát sinh do việc bổ sung và/hoặc thay thế nhà thầu khác.

ĐIỀU 5: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

- 5.1 Giá trị Hợp Đồng (tạm tính) là: (đã bao gồm VAT 10%)

Đơn giá chi tiết với khối lượng tạm tính theo Bảng dự toán thi công chi tiết quy định tại Phụ lục A.

- (a) Giá trị Hợp Đồng trên đã bao gồm tất cả các chi phí cần thiết liên quan bao gồm nhưng không giới hạn ở chi phí vật tư (bao gồm cả chi phí thí nghiệm, kiểm định, chi phí cấp chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy), nhân công (gồm cả tiền bảo hiểm xã hội, y tế, thuế thu nhập (nếu có), máy móc, thiết bị thi công, chi phí điều hành quản lý thi công, chi phí công trường, chi phí vận chuyển, các tiện ích (khí đốt, điện, nước, phí liên lạc, phí xử lý nước thải và chất thải), các loại thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam, phí bảo hiểm đối với các bảo hiểm mà Bên B có nghĩa vụ phải mua theo pháp luật Việt Nam và theo quy định của Hợp Đồng, và các khoản phí khác để Bên B hoàn thành Công Việc đảm bảo chất lượng và tiến độ theo yêu cầu của Bên A cũng như để sửa chữa các sai sót, hư hỏng theo Hợp Đồng này, và để thực hiện các nghĩa vụ khác của Bên B theo Hợp Đồng này.
- (b) Loại Hợp Đồng: Hợp Đồng theo đơn giá cố định (không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện Hợp Đồng).
- (c) Giá trị thanh, quyết toán được tính dựa trên khối lượng thực tế thi công trên công trình được hai Bên A và Bên B nghiệm thu nhân với đơn giá cố định của Hợp Đồng.

với điều kiện là bên thứ ba tiếp nhận đầy đủ quyền và nghĩa vụ của Bên A theo Hợp Đồng tại thời điểm chuyển nhượng, chuyển giao. Để làm rõ, trong trường hợp Bên A tái cấu trúc hoặc tổ chức lại bằng các cách khác nhau bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên, thay đổi hình thức pháp lý hoặc bằng hình thức khác thì tổ chức mới được hình thành từ việc tái cấu trúc hoặc tổ chức lại đó sẽ đương nhiên được kế thừa các quyền và nghĩa vụ của Bên A được quy định trong Phụ Lục này bao gồm nhưng không giới hạn quyền lợi bảo hành.

- 18.2 Các Bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp Đồng này, mọi trường hợp sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng phải được Hai Bên thỏa thuận và ký kết bằng văn bản.
- 18.3 Nếu giữa Hợp Đồng và các Phụ lục Hợp Đồng có nội dung khác biệt/mâu thuẫn thì nội dung của các Phụ lục Hợp Đồng được ưu tiên giải thích hoặc áp dụng.
- 18.4 Hợp Đồng này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Hợp Đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 bản. Bên B giữ 02 bản.
- 18.5 Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG
Số : 1803/2022/HĐXD/VH-ST

Công trình: Vinhomes Ocean Park 3 (KĐT Đại An)
Hạng Mục: San nền
Địa điểm: Văn Giang – Hưng Yên

- Căn cứ các văn bản pháp luật liên quan của nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ nhu cầu và năng lực của Hai Bên.

Hôm nay, ngày 18 tháng 03 năm 2022, tại Hà Nội, chúng tôi gồm:

1. BÊN GIAO THẦU: CÔNG TY CỔ PHẦN VINHOMES

Người đại diện : Ông **Phạm Văn Khương** Chức vụ: **Phó Tổng giám đốc**
Địa chỉ : Tòa nhà văn phòng Symphony, Đường Chu Huy Mân, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội
Mã số thuế : 0102671977

(Sau đây gọi tắt là “**Bên A**” hoặc “**Chủ Đầu Tư**”)

2. BÊN NHẬN THẦU: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM

Người đại diện : Ông **Bùi Chí Kiên** Chức vụ: **Giám đốc**
Địa chỉ : Số nhà 143 đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
Mã số thuế : 0106843930

Tài khoản số :19037338897881 - Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) - CN Đông Đô.

Điện thoại : 091 322 1266 Email: soltechvietnam@gmail.com.

(Sau đây gọi tắt là “**Bên B**” hoặc “**Nhà Thầu**”)

Bên A/Chủ Đầu Tư và Bên B/Nhà Thầu sau đây gọi riêng là “**Bên**” và gọi chung là “**Các Bên**” hoặc “**Hai Bên**”

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng thi công xây dựng (“Hợp Đồng”) này với những điều khoản sau:

ĐIỀU 1: THÀNH PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG

Hợp Đồng này bao gồm các phụ lục kèm theo Hợp Đồng và các văn bản, tài liệu khác được liệt kê dưới đây, ban hành từng thời điểm, là các bộ phận không thể tách rời của Hợp Đồng và có giá trị giải thích lẫn cho nhau¹:

- 1.1 Phụ lục A: Bảng Dự toán thi công chi tiết;
- 1.2 Phụ lục B: Danh mục hồ sơ, tài liệu thanh toán;
- 1.3 Phụ lục C: Quy định về phạt, khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại và xử lý khác áp dụng đối với các vi phạm của nhà thầu xây dựng;
- 1.4 Phụ lục D: Quy định về trách nhiệm của Bên B (Nhà Thầu) trong quyết toán giai đoạn và quyết toán toàn bộ Hợp Đồng;
- 1.5 Phụ lục []: Hồ sơ bản vẽ thiết kế do Bên [A] cung cấp;
- 1.6 Phụ lục []: Tiêu chuẩn kỹ thuật tham chiếu/ Danh mục Vật tư và yêu cầu kỹ thuật của Dự án;
- 1.7 Phụ lục []: Biện pháp thi công/biểu đồ nhân lực do Bên B lập và được Bên A chấp

¹ Dưới đây liệt kê một số mẫu PL phổ biến của HĐ thi công-xây dựng. Các PL này có thể điều chỉnh thêm/bớt cho phù hợp với thực tế tại thời điểm ký kết HĐ

- 4.3 Thời gian thi công sẽ được điều chỉnh hoặc gia hạn nếu (i) xảy ra các trường hợp bất khả kháng nêu tại Điều 12 của Hợp Đồng; hoặc (ii) thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Bên A; hoặc (iii) Bên B phải dừng chờ công việc do thay đổi thiết kế theo yêu cầu của Bên A và nếu ảnh hưởng đến tiến độ thi công, việc điều chỉnh/gia hạn thời gian thi công phải được xác nhận bằng văn bản của đại diện do Bên A chỉ định.
Một công việc phát sinh không đương nhiên mang lại cho Bên B quyền được gia hạn thời hạn thi công.
- 4.4 Nếu Bên B biết được bất kỳ hành vi nào của nhà chức trách mà Bên B cho rằng hành vi đó có thể dẫn tới chậm trễ thời hạn thi công, thì Bên B phải thông báo ngay bằng văn bản cho Bên A biết về hành vi đó và dự kiến thời gian chậm trễ. Trong khả năng của mình, Bên B phải có những biện pháp hợp lý để đề đạt đến nhà chức trách có liên quan hoặc cấp trên của nhà chức trách nhằm chấm dứt những hành vi có thể gây trệ hoãn do nhà chức trách.
Trong trường hợp Bên B không thông báo ngay bằng văn bản trong vòng 2 ngày hoặc không có những nỗ lực nêu trên thì Bên A có quyền không chấp nhận việc chậm trễ (không coi đó là nguyên nhân được phép kéo dài thời hạn thi công).
- 4.5 Trên cơ sở biện pháp thi công/ tiến độ thi công chi tiết/ biểu đồ nhân lực do Bên B lập đã được Bên A phê duyệt, theo quyết định của Bên A và thực tế tại công trường, Bên A có thể bàn giao mặt bằng cho Bên B theo từng phần. Việc Bên B không tuân thủ quyết định này cũng được coi là vi phạm Hợp Đồng, trừ trường hợp việc bàn giao mặt bằng của Bên A làm thay đổi biện pháp thi công/tiến độ chi tiết dẫn đến thay đổi hoặc kéo dài thời gian hoàn thành Công Việc nêu tại Điều 4.1.
- 4.6 Bên A có quyền xem xét việc đưa các nhà thầu khác vào thay thế và/hoặc bổ sung cho Bên B để thực hiện một phần hoặc toàn bộ Công Việc khi Bên B không đảm bảo đúng tiến độ thi công theo các giai đoạn thi công chính theo bảng tổng tiến độ đã được Bên A phê duyệt; Bên B có trách nhiệm đền bù cho Bên A các thiệt hại và/hoặc chi phí phát sinh do việc bổ sung và/hoặc thay thế nhà thầu khác.

ĐIỀU 5: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

- 5.1 Giá trị Hợp Đồng (giá trị hợp đồng theo đơn giá tạm tính) là:
(đã bao gồm VAT)

Đơn giá tạm tính với khối lượng tạm tính theo Bảng dự toán thi công chi tiết quy định tại Phụ lục A.

- (a) Giá trị Hợp Đồng trên đã bao gồm tất cả các chi phí cần thiết liên quan bao gồm nhưng không giới hạn ở chi phí vật tư (bao gồm cả chi phí thí nghiệm, kiểm định, chi phí cấp chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy), nhân công (gồm cả tiền bảo hiểm xã hội, y tế, thuế thu nhập (nếu có), máy móc, thiết bị thi công, chi phí điều hành quản lý thi công, chi phí công trường, chi phí vận chuyển, các tiện ích (khí đốt, điện, nước, phí liên lạc, phí xử lý nước thải và chất thải), các loại thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam, phí bảo hiểm đối với các bảo hiểm mà Bên B có nghĩa vụ phải mua theo pháp luật Việt Nam và theo quy định của Hợp Đồng, và các khoản phí khác để Bên B hoàn thành Công Việc đảm bảo chất lượng và tiến độ theo yêu cầu của Bên A cũng như để sửa chữa các sai sót, hư hỏng theo Hợp Đồng này, và để thực hiện các nghĩa vụ khác của Bên B theo Hợp Đồng này.
- (b) Loại Hợp Đồng: Hợp Đồng theo đơn giá tạm tính (đơn giá chính thức sẽ được thể hiện ở Phụ lục Hợp Đồng xây dựng).
- (c) Giá trị thanh, quyết toán được tính dựa trên khối lượng thực tế thi công trên công trình được hai Bên A và Bên B nghiệm thu nhân với đơn giá tạm tính của Hợp Đồng.
- (d) Thuế suất thuế giá trị gia tăng sẽ được áp dụng theo quy định và chính sách

- hiện. Toàn bộ các khoản thanh toán cho Nhà thầu phụ sẽ được Bên A khấu trừ vào giá trị thanh toán của Bên B ngay trong đợt thanh toán gần nhất.
- (b) Bên B chịu trách nhiệm lập và hoàn thiện hồ sơ thanh, quyết toán toàn bộ khối lượng theo Hợp Đồng, bao gồm toàn bộ phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện theo đúng quy định của Hợp Đồng và pháp luật liên quan.

ĐIỀU 17. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Bất kỳ tranh chấp nào giữa các Bên liên quan đến Hợp Đồng này trước tiên phải được giải quyết trên cơ sở thương lượng. Trong trường hợp không thể giải quyết được qua thương lượng, một trong Các Bên sẽ đưa vụ việc đến Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 18. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 18.1 Bên B cam kết và đồng ý rằng, Bên A có quyền chuyển nhượng, chuyển giao các quyền/nghĩa vụ theo Hợp Đồng này cho bên thứ ba mà không cần sự đồng ý của Bên B, với điều kiện là bên thứ ba tiếp nhận đầy đủ quyền và nghĩa vụ của Bên A theo Hợp Đồng tại thời điểm chuyển nhượng, chuyển giao. Để làm rõ, trong trường hợp Bên A tái cấu trúc hoặc tổ chức lại bằng các cách khác nhau bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên, thay đổi hình thức pháp lý hoặc bằng hình thức khác thì tổ chức mới được hình thành từ việc tái cấu trúc hoặc tổ chức lại đó sẽ đương nhiên được kế thừa các quyền và nghĩa vụ của Bên A được quy định trong Phụ Lục này bao gồm nhưng không giới hạn quyền lợi bảo hành.
- 18.2 Các Bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp Đồng này, mọi trường hợp sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng phải được Hai Bên thỏa thuận và ký kết bằng văn bản.
- 18.3 Nếu giữa Hợp Đồng và các Phụ lục Hợp Đồng có nội dung khác biệt/mâu thuẫn thì nội dung của các Phụ lục Hợp Đồng được ưu tiên giải thích hoặc áp dụng.
- 18.4 Hợp Đồng này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Hợp Đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 bản. Bên B giữ 02 bản.
- 18.5 Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG
Số : 2910/2021/HĐXD/VH-ST

Công trình: Vinhomes Ocean Park 2 (Dream City Hưng Yên)
Hạng Mục: Các tuyến đường còn lại (phục vụ bán hàng các đợt tiếp theo: bao gồm bao gồm đào đắp khuôn đường, HT thoát nước, các lớp kết cấu đường, cống, vỉa hè...)

- Căn cứ các văn bản pháp luật liên quan của nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ nhu cầu và năng lực của Hai Bên.

Hôm nay, ngày 29 tháng 10 năm 2021, chúng tôi gồm:

1. Bên giao thầu: CÔNG TY CỔ PHẦN VINHOMES

- Người đại diện : Ông **Phạm Văn Khương** Chức vụ: **Phó Tổng giám đốc**
- Địa chỉ : Tòa nhà văn phòng Symphony, Đường Chu Huy Mân, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội
- Mã số thuế : 0102671977

(Sau đây gọi tắt là “**Bên A**” hoặc “**Chủ Đầu Tư**”)

2. Bên nhận thầu: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM

- Người đại diện : Ông **Bùi Chí Kiên** Chức vụ: **Giám đốc**
- Địa chỉ : Số nhà 143 đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
- Mã số thuế : 0106843930
- Tài khoản số :19037338897881 - Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) - CN Đông Đô.
- Điện thoại : 091 322 1266 Email: soltechvietnam@gmail.com.

(Sau đây gọi tắt là “**Bên B** hoặc **Nhà Thầu**”)

Bên A/Chủ Đầu Tư và Bên B/Nhà Thầu sau đây gọi riêng là “**Bên**” và gọi chung là “**Các Bên**” hoặc “**Hai Bên**”

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng thi công xây dựng (“Hợp Đồng”) này với những điều khoản sau:

ĐIỀU 1: THÀNH PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG

Hợp Đồng này bao gồm các phụ lục kèm theo Hợp Đồng và các văn bản, tài liệu khác được liệt kê dưới đây, ban hành từng thời điểm, là các bộ phận không thể tách rời của Hợp Đồng và có giá trị giải thích lẫn cho nhau¹:

- 1.1 Phụ lục A: Bảng Dự toán thi công chi tiết;

¹ Dưới đây liệt kê một số mẫu PL phổ biến của HĐ thi công-xây dựng. Các PL này có thể điều chỉnh thêm/bớt cho phù hợp với thực tế tại thời điểm ký kết HĐ

giao mặt bằng của Bên A làm thay đổi biện pháp thi công/tiến độ chi tiết dẫn đến thay đổi hoặc kéo dài thời gian hoàn thành Công Việc nêu tại Điều 4.1.

- 4.7 Bên A có quyền xem xét việc đưa các nhà thầu khác vào thay thế và/hoặc bổ sung cho Bên B để thực hiện một phần hoặc toàn bộ Công Việc khi Bên B không đảm bảo đúng tiến độ thi công theo các giai đoạn thi công chính theo bảng tổng tiến độ đã được Bên A phê duyệt; Bên B có trách nhiệm đền bù cho Bên A các thiệt hại và/hoặc chi phí phát sinh do việc bổ sung và/hoặc thay thế nhà thầu khác.

ĐIỀU 5: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

Giá trị Hợp Đồng (tạm tính) là:

Đơn giá tạm tính với khối lượng tạm tính theo Bảng dự toán thi công chi tiết quy định tại Phụ lục A.

- (a) Giá trị Hợp Đồng trên đã bao gồm tất cả các chi phí cần thiết liên quan bao gồm nhưng không giới hạn ở chi phí vật tư (bao gồm cả chi phí thí nghiệm, kiểm định, chi phí cấp chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy), nhân công (gồm cả tiền bảo hiểm xã hội, y tế, thuế thu nhập (nếu có)), máy móc, thiết bị thi công, chi phí điều hành quản lý thi công, chi phí công trường, chi phí vận chuyển, các tiện ích (khí đốt, điện, nước, phí liên lạc, phí xử lý nước thải và chất thải), các loại thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam, phí bảo hiểm đối với các bảo hiểm mà Bên B có nghĩa vụ phải mua theo pháp luật Việt Nam và theo quy định của Hợp Đồng, và các khoản phí khác để Bên B hoàn thành Công Việc đảm bảo chất lượng và tiến độ theo yêu cầu của Bên A cũng như để sửa chữa các sai sót, hư hỏng theo Hợp Đồng này, và để thực hiện các nghĩa vụ khác của Bên B theo Hợp Đồng này. ⁵Bên A có quyền khấu trừ từ Giá trị Hợp Đồng các khoản thuế mà theo pháp luật Việt Nam Bên A có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thay cho Bên B.
- (b) Loại Hợp Đồng: Hợp Đồng tạm tính
- (c) Giá trị thanh, quyết toán được tính dựa trên khối lượng thực tế thi công trên công trình được hai Bên A và Bên B nghiệm thu nhân với đơn giá cố định của Phụ lục Hợp Đồng.
- (d) Thuế suất thuế giá trị gia tăng sẽ được áp dụng theo quy định và chính sách của Nhà nước ở từng thời điểm. Trường hợp thuế giá trị gia tăng được điều chỉnh thì giá trị Hợp đồng sẽ được điều chỉnh tương ứng

5.1 Cơ sở dự toán:

- (a) Khối lượng theo bản vẽ mời thầu do Bên A cấp.
- (b) Khối lượng phát sinh (nếu có) đã được Bên A chấp nhận.
- (c) Biện pháp thi công do Bên B lập được Bên A chấp nhận.
- (d) Định mức: Theo đúng định mức xây dựng cơ bản và định mức trong dự toán của Hợp Đồng dựa trên hồ sơ dự thầu và được Bên A chấp thuận.

5.2 Điều chỉnh giá Hợp Đồng:

- (a) Trường hợp giá của một số vật tư chính (cụ thể: Cát, đá, gạch, xi măng, cấp phối đá dăm, bê tông nhựa, bê tông thương phẩm, ống cống bê tông cốt thép đúc sẵn, xăng dầu, cốt thép) có biến động lớn về giá cả thị trường (tăng hoặc giảm) lớn hơn 5% so với đơn giá đang áp dụng của Hợp Đồng thì Bên B phải thông báo việc biến động đó cho Bên A, đồng thời đề xuất đơn giá mới áp dụng cho phần khối lượng phát sinh căn cứ trên giá thị trường để Bên A xem xét, chấp thuận.
- (b) Bên B phải trình các tài liệu chứng minh hợp lệ về sự biến động giá vật tư chính cho Bên A, bao gồm các tài liệu sau:
- (i) Bên B sẽ trình chính thức (có đóng dấu) phân tích chi tiết đơn giá vật tư

⁵ Chỉ áp dụng nếu nhà thầu là tổ đội cá nhân phải khấu trừ thuế TNCN trước khi thanh toán

công trường thì Bên A sẽ áp dụng mức phạt Bên B quy định tại Phụ Lục C của Hợp đồng này và được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng với Bên B ngay lập tức, chuyển giao công việc cho nhà thầu khác và yêu cầu Bên B chịu mọi thiệt hại phát sinh.

16.2 Nhà thầu phụ do Bên A chỉ định:

- (a) Tại bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn của Hợp Đồng, Bên A có quyền chỉ định nhà thầu cho Bên B thuê làm Nhà thầu phụ để thực hiện một số phần việc chuyên ngành có yêu cầu kỹ thuật cao hoặc khi Bên B không đáp ứng được tiến độ thực hiện Hợp Đồng sau khi Bên A đã yêu cầu. Trong trường hợp này, tùy theo quyết định của Bên A, Bên A có thể thanh toán trực tiếp cho Nhà thầu phụ mọi khoản chi phí đối với phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện. Toàn bộ các khoản thanh toán cho Nhà thầu phụ sẽ được Bên A khấu trừ vào giá trị thanh toán của Bên B ngay trong đợt thanh toán gần nhất.
- (b) Bên B chịu trách nhiệm lập và hoàn thiện hồ sơ thanh, quyết toán toàn bộ khối lượng theo Hợp Đồng, bao gồm toàn bộ phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện theo đúng quy định của Hợp Đồng và pháp luật liên quan.

ĐIỀU 17. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Bất kỳ tranh chấp nào giữa các Bên liên quan đến Hợp Đồng này trước tiên phải được giải quyết trên cơ sở thương lượng. Trong trường hợp không thể giải quyết được qua thương lượng, một trong Các Bên sẽ đưa vụ việc đến Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 18. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 18.1 Bên B cam kết và đồng ý rằng, Bên A có quyền chuyển nhượng, chuyển giao các quyền/nghĩa vụ theo Hợp Đồng này cho bên thứ ba mà không cần sự đồng ý của Bên B, với điều kiện là bên thứ ba tiếp nhận đầy đủ quyền và nghĩa vụ của Bên A theo Hợp Đồng tại thời điểm chuyển nhượng, chuyển giao. Để làm rõ, trong trường hợp Bên A tái cấu trúc hoặc tổ chức lại bằng các cách khác nhau bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên, thay đổi hình thức pháp lý hoặc bằng hình thức khác thì tổ chức mới được hình thành từ việc tái cấu trúc hoặc tổ chức lại đó sẽ đương nhiên được kế thừa các quyền và nghĩa vụ của Bên A được quy định trong Phụ Lục này bao gồm nhưng không giới hạn quyền lợi bảo hành.
- 18.2 Các Bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp Đồng này, mọi trường hợp sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng phải được Hai Bên thỏa thuận và ký kết bằng văn bản.
- 18.3 Nếu giữa Hợp Đồng và các Phụ lục Hợp Đồng có nội dung khác biệt/mâu thuẫn thì nội dung của các Phụ lục Hợp Đồng được ưu tiên giải thích hoặc áp dụng.
- 18.4 Hợp Đồng này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Hợp Đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 bản. Bên B giữ 02 bản.
- 18.5 Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG
Số : 3105/2022/HĐXD/VH-ST

Công trình: Vinhomes Đại An – Hưng Yên (Vinhomes Ocean park 3)
Hạng Mục: Tuyến đường và Cầu Vượt phục vụ bán hàng
Địa điểm: Văn Giang – Hưng Yên

- Căn cứ các văn bản pháp luật liên quan của nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ nhu cầu và năng lực của Hai Bên.

Hôm nay, ngày 31 tháng 05 năm 2022, chúng tôi gồm:

1. Bên giao thầu: CÔNG TY CỔ PHẦN VINHOMES

- Người đại diện : Ông Đào Xuân Thắng Chức vụ: **Giám đốc KTXD**
- Địa chỉ : Tòa nhà văn phòng Symphony, Đường Chu Huy Mân, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội
- Mã số thuế : 0102671977

(Sau đây gọi tắt là “Bên A” hoặc “Chủ Đầu Tư”)

2. Bên nhận thầu: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM

- Người đại diện : Ông Bùi Chí Kiên Chức vụ: **Giám đốc**
- Địa chỉ : Số nhà 143 đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
- Mã số thuế : 0106843930
- Tài khoản số :19037338897881 - Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) - CN Đông Đô.
- Điện thoại : 091 322 1266 Email: soltechvietnam@gmail.com.

(Sau đây gọi tắt là “Bên B hoặc Nhà Thầu”)

Bên A/Chủ Đầu Tư và Bên B/Nhà Thầu sau đây gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “Các Bên” hoặc “Hai Bên”

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng thi công xây dựng (“Hợp Đồng”) này với những điều khoản sau:

ĐIỀU 1: THÀNH PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG

Hợp Đồng này bao gồm các phụ lục kèm theo Hợp Đồng và các văn bản, tài liệu khác được liệt kê dưới đây, ban hành từng thời điểm, là các bộ phận không thể tách rời của Hợp Đồng và có giá trị giải thích lẫn cho nhau¹:

1.1 Phụ lục A: Bảng Dự toán thi công chi tiết;

¹ Dưới đây liệt kê một số mẫu PL phổ biến của HĐ thi công-xây dựng. Các PL này có thể điều chỉnh thêm/bớt cho phù hợp với thực tế tại thời điểm ký kết HĐ

giao mặt bằng của Bên A làm thay đổi biện pháp thi công/tiến độ chi tiết dẫn đến thay đổi hoặc kéo dài thời gian hoàn thành Công Việc nêu tại Điều 4.1.

- 4.7 Bên A có quyền xem xét việc đưa các nhà thầu khác vào thay thế và/hoặc bổ sung cho Bên B để thực hiện một phần hoặc toàn bộ Công Việc khi Bên B không đảm bảo đúng tiến độ thi công theo các giai đoạn thi công chính theo bảng tổng tiến độ đã được Bên A phê duyệt; Bên B có trách nhiệm đền bù cho Bên A các thiệt hại và/hoặc chi phí phát sinh do việc bổ sung và/hoặc thay thế nhà thầu khác.

ĐIỀU 5: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

- 5.1 Giá trị Hợp Đồng (giá trị hợp đồng tạm tính tính theo đơn giá tạm tính) là:

Đơn giá chi tiết tạm tính và khối lượng tạm tính theo Bảng dự toán thi công chi tiết quy định tại Phụ lục A.

- (a) Giá trị Hợp Đồng trên đã bao gồm tất cả các chi phí cần thiết liên quan bao gồm nhưng không giới hạn ở chi phí vật tư (bao gồm cả chi phí thí nghiệm, kiểm định, chi phí cấp chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy), nhân công (gồm cả tiền bảo hiểm xã hội, y tế, thuế thu nhập (nếu có)), máy móc, thiết bị thi công, chi phí điều hành quản lý thi công, chi phí công trường, chi phí vận chuyển, các tiện ích (khí đốt, điện, nước, phí liên lạc, phí xử lý nước thải và chất thải), các loại thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam, phí bảo hiểm đối với các bảo hiểm mà Bên B có nghĩa vụ phải mua theo pháp luật Việt Nam và theo quy định của Hợp Đồng, và các khoản phí khác để Bên B hoàn thành Công Việc đảm bảo chất lượng và tiến độ theo yêu cầu của Bên A cũng như để sửa chữa các sai sót, hư hỏng theo Hợp Đồng này, và để thực hiện các nghĩa vụ khác của Bên B theo Hợp Đồng này. ⁵Bên A có quyền khấu trừ từ Giá trị Hợp Đồng các khoản thuế mà theo pháp luật Việt Nam Bên A có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thay cho Bên B.
- (b) Loại Hợp Đồng: Hợp Đồng theo đơn giá tạm tính (đơn giá chính thức sẽ được thể hiện ở Phụ lục Hợp Đồng xây dựng).
- (c) Giá trị tạm ứng, thanh toán được tính dựa trên khối lượng thực tế thi công trên công trình được hai Bên A và Bên B nghiệm thu nhân với đơn giá tạm tính. Giá trị tạm ứng, thanh quyết toán được tính dựa trên khối lượng thực tế thi công trên công trình được hai Bên A và Bên B nghiệm thu nhân với đơn giá cố định khi có Phụ lục Hợp Đồng.
- (d) Thuế suất thuế giá trị gia tăng sẽ được áp dụng theo quy định và chính sách của Nhà nước ở từng thời điểm. Trường hợp thuế giá trị gia tăng được điều chỉnh thì giá trị Hợp đồng sẽ được điều chỉnh tương ứng

- 5.2 Cơ sở dự toán:

- (a) Khối lượng theo bản vẽ mời thầu do Bên A cấp.
(b) Khối lượng phát sinh (nếu có) đã được Bên A chấp nhận.
(c) Biện pháp thi công do Bên B lập được Bên A chấp nhận.
(d) Định mức: Theo đúng định mức xây dựng cơ bản và định mức trong dự toán của Hợp Đồng dựa trên hồ sơ dự thầu và được Bên A chấp thuận.

- 5.3 Điều chỉnh giá Hợp Đồng:

- (a) Trường hợp giá của một số vật tư chính (cụ thể: cát, CPĐD, BTXM, BTN, ... xăng dầu) có biến động lớn về giá cả thị trường (tăng hoặc giảm) lớn hơn [5%] so với đơn giá đang áp dụng của Hợp Đồng thì Bên B phải thông báo việc biến động đó cho Bên A, đồng thời đề xuất đơn giá mới áp dụng cho phần khối lượng phát sinh căn cứ trên giá thị trường để Bên A xem xét, chấp thuận.
(b) Bên B phải trình các tài liệu chứng minh hợp lệ về sự biến động giá vật tư chính

⁵ Chỉ áp dụng nếu nhà thầu là tổ đội cá nhân phải khấu trừ thuế TNCN trước khi thanh toán

16.2 Nhà thầu phụ do Bên A chỉ định:

- (a) Tại bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn của Hợp Đồng, Bên A có quyền chỉ định nhà thầu cho Bên B thuê làm Nhà thầu phụ để thực hiện một số phần việc chuyên ngành có yêu cầu kỹ thuật cao hoặc khi Bên B không đáp ứng được tiến độ thực hiện Hợp Đồng sau khi Bên A đã yêu cầu. Trong trường hợp này, tùy theo quyết định của Bên A, Bên A có thể thanh toán trực tiếp cho Nhà thầu phụ mọi khoản chi phí đối với phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện. Toàn bộ các khoản thanh toán cho Nhà thầu phụ sẽ được Bên A khấu trừ vào giá trị thanh toán của Bên B ngay trong đợt thanh toán gần nhất.
- (b) Bên B chịu trách nhiệm lập và hoàn thiện hồ sơ thanh, quyết toán toàn bộ khối lượng theo Hợp Đồng, bao gồm toàn bộ phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện theo đúng quy định của Hợp Đồng và pháp luật liên quan.

ĐIỀU 17. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Bất kỳ tranh chấp nào giữa các Bên liên quan đến Hợp Đồng này trước tiên phải được giải quyết trên cơ sở thương lượng. Trong trường hợp không thể giải quyết được qua thương lượng, một trong Các Bên sẽ đưa vụ việc đến Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 18. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 18.1 Bên B cam kết và đồng ý rằng, Bên A có quyền chuyển nhượng, chuyển giao các quyền/nghĩa vụ theo Hợp Đồng này cho bên thứ ba mà không cần sự đồng ý của Bên B, với điều kiện là bên thứ ba tiếp nhận đầy đủ quyền và nghĩa vụ của Bên A theo Hợp Đồng tại thời điểm chuyển nhượng, chuyển giao. Để làm rõ, trong trường hợp Bên A tái cấu trúc hoặc tổ chức lại bằng các cách khác nhau bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên, thay đổi hình thức pháp lý hoặc bằng hình thức khác thì tổ chức mới được hình thành từ việc tái cấu trúc hoặc tổ chức lại đó sẽ đương nhiên được kế thừa các quyền và nghĩa vụ của Bên A được quy định trong Phụ Lục này bao gồm nhưng không giới hạn quyền lợi bảo hành.
- 18.2 Các Bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp Đồng này, mọi trường hợp sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng phải được Hai Bên thỏa thuận và ký kết bằng văn bản.
- 18.3 Nếu giữa Hợp Đồng và các Phụ lục Hợp Đồng có nội dung khác biệt/mâu thuẫn thì nội dung của các Phụ lục Hợp Đồng được ưu tiên giải thích hoặc áp dụng.
- 18.4 Hợp Đồng này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Hợp Đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 bản. Bên B giữ 02 bản.
- 18.5 Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số: 2808/2023/HĐXL/TDHEcoland – Soltech

Gói thầu : Cung cấp, thi công san nền
Dự án : Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp số 03
Địa điểm : Tỉnh Hưng Yên

Hợp đồng được lập và ký vào ngày 28 tháng 08 năm 2023

Các căn cứ ký Hợp đồng:

- Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13, ngày 24/11/2015 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định một số nội dung về quản lý Dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 04 năm 2015 của Chính phủ về Hợp đồng trong xây dựng;
- Nhu cầu và khả năng của các Bên.

1. BÊN GIAO THẦU (Bên A): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TDH ECOLAND

- Địa chỉ : Văn phòng điều hành, Khu đô thị Ecopark, Xã Xuân Quan, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Điện thoại : 024 7108 6366
- Người đại diện : Ông **Hồ Nam**
- Chức vụ : Phó Tổng giám đốc
- Theo giấy ủy quyền : Số 0107/UQ-TDH ngày 01/07/2021
- Mã số thuế : 0901009128



- Tài khoản số : 0591000579579 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) – Chi nhánh Hưng Yên

2. BÊN NHẬN THẦU (Bên B): CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM

- Địa chỉ : Số 143 đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội.
- Điện thoại : 091 322 1266
- Người đại diện : Ông **Bùi Chí Kiên**
- Chức vụ : Giám đốc
- Mã số thuế : 0106843930
- Tài khoản số : 1903 7338 897 881 tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Đô

Hai Bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung công việc

- 1.1 Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện cung cấp, thi công san nền – Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp số 03.
- 1.2 Công việc được thực hiện trên cơ sở nội dung công việc được quy định tại Hợp đồng này, bản vẽ thiết kế được Bên A duyệt và thực tế công việc trên công trường.
- 1.3 Nội dung công việc chi tiết theo **Phụ lục 01 “Bảng tổng hợp giá trị hợp đồng”** đính kèm Hợp đồng này.

Điều 2: Yêu cầu về chất lượng và nghiệm thu

- 2.1. Thi công theo đúng hồ sơ “Thiết kế bản vẽ thi công” được Chủ đầu tư phê duyệt. Chất lượng thi công phải đáp ứng được yêu cầu về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng cùng các văn bản khác theo quy định của Luật xây dựng hiện hành.
- 2.2. Các loại vật liệu và vật tư lắp đặt vào công trình phải mới 100%, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật. Các loại vật tư của Bên B phải đảm bảo tuân theo yêu cầu về kỹ thuật, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ ... được quy định tại Hợp đồng, hồ sơ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật, Spec vật liệu được Chủ đầu tư phê duyệt. Bên B chịu trách nhiệm thí nghiệm kiểm tra các loại vật liệu đầu vào theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước (nếu có) và theo đúng yêu cầu của Bên A và Chủ đầu tư. Bên B phải trình toàn bộ mẫu vật liệu cho Chủ đầu tư và Bên A phê duyệt trước khi thi công.
- 2.3. Bên A sẽ thực hiện nghiệm thu theo từng bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng, từng hạng mục công trình xây dựng. Đối với bộ phận bị che khuất của công trình phải được Bên A và Chủ đầu tư nghiệm thu trước khi tiến hành các công việc tiếp theo.

nghĩa vụ bảo hành), Bên A sẽ thuê đơn vị khác thực hiện và toàn bộ chi phí phát sinh này sẽ thuộc trách nhiệm thanh toán của Bên B.

- 4.4 Trong trường hợp Bên B vi phạm Khoản 4.3 nêu trên, Bên A có quyền yêu cầu Bên B thực hiện hoàn trả các khoản chi phí phát sinh. Nếu giá trị giữ lại bảo hành không đủ thanh toán, Bên B có trách nhiệm chi trả phần còn thiếu.

Điều 5: Hình thức và giá trị Hợp đồng

5.1 Hình thức hợp đồng: **Hợp đồng đơn giá cố định**

5.2 Giá trị hợp đồng:

- a. Giá trị hợp đồng tạm tính chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng

Chi tiết theo Phụ lục 01: Bảng tổng hợp giá trị hợp đồng đính kèm.

- b. Đơn giá hợp đồng là đơn giá cố định, đã bao gồm chi phí vật tư, vật tư phụ, hóa chất, nhân công, máy móc, phụ trợ thi công, biện pháp thi công, chi phí quản lý, các loại phí theo quy định của Nhà nước, chi phí đảm bảo giao thông, đảm bảo an ninh trật tự công trường, chi phí lán trại, vệ sinh môi trường... và toàn bộ các chi phí hoàn thiện có liên quan khác để hoàn thành công việc tại hiện trường.
- c. Giá trị thực tế của Hợp đồng: là giá trị quyết toán của Hợp đồng được tính trên cơ sở khối lượng thực tế được hai Bên nghiệm thu và xác nhận tại Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình và bàn giao đưa vào sử dụng.

Điều 6: Phương thức thanh toán Hợp đồng

- 6.1 Tạm ứng hợp đồng: Sau khi ký Hợp đồng và Bên B có công văn đề nghị tạm ứng và bảo lãnh hoàn tạm ứng (theo mẫu đính kèm), biên bản bàn giao mặt bằng thi công thì Bên A sẽ tạm ứng cho Bên số tiền là **10.000.000.000 đồng** (mười tỷ đồng chẵn).

Số tiền tạm ứng này sẽ được Bên A khấu trừ trong các lần thanh toán và thu hồi hết khi đạt 80% giá trị hợp đồng.

- 6.2 Thanh toán Hợp đồng:

Việc thanh toán Hợp đồng sẽ căn cứ theo khối lượng hoàn thành giai đoạn và được Bên A nghiệm thu. Bên A thanh toán cho Bên B đến 90% giá trị khối lượng hoàn thành công việc theo Hợp đồng sau khi khấu trừ tạm ứng (nếu có). Chi tiết từng lần thanh toán được hai Bên thống nhất trên cơ sở hồ sơ nghiệm thu giai đoạn được Bên A phê duyệt và thực tế thực hiện.

Thời hạn Bên A thanh toán cho Bên B: tối đa trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Bên B đệ trình hồ sơ hợp lệ cho đợt thanh toán đó.

Chi phí chuyển khoản do Bên A chịu.

thỏa thuận trong Hợp đồng, Bên nào vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm theo các điều khoản của Hợp đồng này và quy định của pháp luật.

- 15.3. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký. Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này đều phải được thực hiện bằng văn bản và được đại diện hợp pháp Hai Bên ký kết.
- 15.4. Hợp đồng này gồm 15 điều và được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Hồ Nam

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Bùi Chí Kiên



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 7 năm 2023

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Số: **44** /HĐKT-TCT

Gói thầu: Thi công xây dựng (giai đoạn 1) Đường D1b, D1c, D3, N1a và hệ thống thoát nước; Nút giao khu công nghiệp Cầu Nghìn và tuyến đường bộ từ Tp. Thái Bình đi Cầu Nghìn tại Km2+736
Công trình: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Cầu Nghìn
Địa điểm xây dựng: Huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

GIỮA

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

VÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM

PHẦN 1: CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;
- Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng;
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Quyết định số 684/QĐ-TCT ngày 01/9/2021 của Tổng công ty IDICO về việc về việc ban hành Quy trình giám sát thi công và nghiệm thu thanh quyết toán công trình xây dựng;
- Quyết định số 426/QĐ-TCT ngày 16/4/2023 của Tổng công ty IDICO về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán hạng mục San nền Đường D1c, D3, N1a, D1b (Km1+049,48÷Km1+261,75), công trình Hệ thống hạ tầng kỹ thuật KCN Cầu Nghìn;
- Biên bản thương thảo hợp đồng (lần 1) ngày 14/6/2023 giữa Ban quản lý các dự án IDICO và Công ty cổ phần Môi trường Soltech Việt Nam;
- Biên bản thương thảo hợp đồng (lần 2) ngày 12/7/2023 giữa Ban quản lý các dự án IDICO và Công ty cổ phần Môi trường Soltech Việt Nam;
- Quyết định số 772/QĐ-TCT ngày 14/7/2023 của Tổng công ty IDICO về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Thi công xây dựng (giai đoạn 1) Đường D1b, D1c, D3, N1a và hệ thống thoát nước, Nút giao khu công nghiệp Cầu Nghìn và tuyến đường bộ từ thành phố Thái Bình đi Cầu Nghìn tại Km2+736 thuộc công trình Hệ thống hạ tầng kỹ thuật KCN Cầu Nghìn;

PHẦN 2: CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại Văn phòng Tổng công ty IDICO, chúng tôi gồm các Bên dưới đây:

1. Bên giao thầu (Bên A): Tổng công ty IDICO - CTCP

- Đại diện: Ông **Đặng Chính Trung** - Chức vụ: Tổng giám đốc
- Địa chỉ: 151A Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028 3843 8883 - Fax: 028 3931 2705
- Tài khoản: 1026176868 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn
- Mã số thuế: 0302177966

2. Bên nhận thầu (Bên B): Công ty cổ phần Môi trường Soltech Việt Nam

- Đại diện: Ông **Bùi Chí Kiên** - Chức vụ: Giám đốc

6.1.3. Bên B sẽ không được nhận lại Bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực và các trường hợp không thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Bên A phải hoàn trả cho Bên B bảo đảm thực hiện hợp đồng khi Bên B đã hoàn thành các công việc theo hợp đồng và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành.

6.2. Bảo lãnh tạm ứng:

6.2.1. Trước khi Bên A tạm ứng hợp đồng cho Bên B thì Bên B phải nộp cho Bên A bảo lãnh tạm ứng hợp đồng với giá trị tương đương giá trị tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng không hủy ngang và phải do một Ngân hàng hoặc Tổ chức tài chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật cấp và phải được Bên A chấp thuận.

6.2.2. Bảo lãnh tạm ứng có hiệu lực cho đến khi Bên A thu hồi hết tạm ứng. Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được khấu trừ tương ứng với giá trị giảm trừ tiền tạm ứng qua mỗi lần thanh toán.

Điều 7. GIÁ HỢP ĐỒNG, TẠM ỨNG VÀ THANH TOÁN

7.1. Giá hợp đồng:

7.1.1. Giá hợp đồng sau thuế:

- Giá trị hợp đồng trước thuế:
- Thuế GTGT (10%):

Giá hợp đồng chi tiết theo Phụ lục 01 kèm theo Hợp đồng này

7.1.2. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

7.1.3. Thuế GTGT sẽ được áp dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam tại thời điểm Bên B xuất hóa đơn GTGT cho Bên A.

7.1.4. Giá hợp đồng trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện công việc theo hợp đồng, bản quyền, lợi nhuận của Bên B... và tất cả các loại thuế, phí, lệ phí có liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật (bao gồm việc nộp thuế vắng lai tại địa bàn thi công dự án).

7.2. Tạm ứng:

7.2.1. Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 25% giá trị hợp đồng trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và đủ các điều kiện sau:

- Bên A nhận được Văn bản đề nghị tạm ứng, Bảo đảm thực hiện hợp đồng và Bảo lãnh tạm ứng Bên A tạm ứng theo quy định tại Điều 6 của hợp đồng [Bảo đảm thực hiện hợp đồng và Bảo lãnh tạm ứng]

- Bên B đã tập kết xe máy và chuẩn bị mặt bằng thi công tại công trường, được đại diện Bên A xác nhận.

7.2.2. Tiền tạm ứng được thu hồi ngay từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi thanh toán đạt 80% giá hợp đồng.

Điều 20. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

20.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản đã quy định trong hợp đồng này.

20.2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản.



**TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐẶNG CHÍNH TRUNG**



**GIÁM ĐỐC
Bùi Chí Kiên**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 8 năm 2024

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Số: 21 /HĐKT-TCT

Gói thầu: CN-XL02 "San nền lô 9 giai đoạn 1 (diện tích 5,17ha)
và lô 10 giai đoạn 1 (diện tích 1,71ha)"

Công trình: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Cầu Nghìn

Địa điểm xây dựng: Huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

GIỮA

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

VÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM

PHẦN 1: CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Quyết định số 238/QĐ-TCT ngày 17/3/2023 của Tổng công ty IDICO về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công hạng mục San nền lô 7, lô 8, lô 9, lô 10 thuộc công trình Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Cầu Nghìn;
- Biên bản thương thảo hợp đồng gói thầu "San nền lô 7 (diện tích 8,91ha)" và CN-XL02 "San nền lô 9 giai đoạn 1 (diện tích 5,17ha) và lô 10 giai đoạn 1 (diện tích 1,71ha)" ngày 24/7/2024 giữa Tổng công ty IDICO và Công ty cổ phần Môi trường Soltech Việt Nam;
- Quyết định số ~~774~~ /QĐ-TCT ngày ~~02/8~~ /2024 của Tổng công ty IDICO - CTCP về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu CN-XL02 "San nền lô 9 giai đoạn 1 (diện tích 5,17ha) và lô 10 giai đoạn 1 (diện tích 1,71ha)" thuộc công trình hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Cầu Nghìn,

PHẦN 2: CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày ~~02~~ tháng ~~8~~ năm 2024, tại văn phòng Tổng công ty IDICO - CTCP, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Bên giao thầu (Bên A): Tổng công ty IDICO - CTCP

- Địa chỉ trụ sở chính: 151A Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
- Địa chỉ giao dịch: Tầng 32, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028 3843 8883 - Fax: 028 3931 2705
- Số tài khoản: 1026176868 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), chi nhánh Đông Sài Gòn
- Mã số thuế: 0302177966
- Đại diện: Ông **Đặng Chính Trung** - Chức vụ: Tổng giám đốc

2. Bên nhận thầu (Bên B): Công ty cổ phần Môi trường Soltech Việt Nam

- Địa chỉ: Số 143 đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
 - Điện thoại: 0982 699276 - 0913 211266
 - Tài khoản số: 19037338897881 tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Techcombank CN Đông Đô.
 - Mã số thuế: 0106843930
 - Đại diện: Ông **Bùi Chí Kiên** - Chức vụ: Tổng giám đốc
- Bên A và Bên B được gọi riêng là Bên và gọi chung là các Bên.

báo, Bên A (tùy theo lựa chọn, quyết định của Bên A) có thể: Tự tiến hành công việc hoặc thuê bên thứ ba sửa chữa và Bên B phải chịu mọi chi phí thực tế thực hiện sửa chữa, Bên B vẫn phải chịu trách nhiệm tiếp tục nghĩa vụ của mình đối với công trình theo hợp đồng và thanh toán cho Bên A các chi phí để sửa chữa sai sót hay hư hỏng trong thời hạn do Bên A thông báo.

5.5. Những nghĩa vụ chưa được hoàn thành:

Sau khi đã cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao; mỗi bên sẽ phải chịu trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ vẫn chưa được thực hiện tại thời điểm đó. Hợp đồng vẫn được coi là có hiệu lực đối với nội dung và phạm vi của những nghĩa vụ chưa được hoàn thành.

Điều 6. BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

6.1. Trong vòng 07 ngày kể từ ngày ký hợp đồng Bên B phải nộp Bảo đảm thực hiện hợp đồng tương đương 05% giá hợp đồng cho Bên A. Bảo đảm thực hiện hợp đồng là bảo đảm vô điều kiện, không hủy ngang và phải do một Ngân hàng hoặc Tổ chức tài chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật cấp và phải được Bên A chấp thuận.

6.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có giá trị và hiệu lực đến khi Bên B đã thực hiện hoàn thành toàn bộ công việc theo hợp đồng, được Bên A nghiệm thu đưa vào sử dụng và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành. Nếu các Điều Khoản của Bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hạn và Bên B chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng thì vào thời điểm 15 ngày trước ngày hết hạn, Bên B sẽ phải gia hạn giá trị của Bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.

6.3. Bên B sẽ không được nhận lại Bảo đảm thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Bên B từ chối thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực và các trường hợp không thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết.

- Sau 10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và Bên A đã bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công cho Bên B mà Bên B không triển khai thi công tại hiện trường hoặc Bên B dừng thi công quá 07 ngày mà không có văn bản chấp thuận của Bên A thì Bên A có quyền gửi thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng và Bên B sẽ không được nhận lại Bảo đảm thực hiện hợp đồng

- Bên B không gia hạn Bảo đảm thực hiện hợp đồng khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng.

- Các trường hợp không thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết.

6.4. Bên A phải hoàn trả cho Bên B bảo đảm thực hiện hợp đồng khi Bên B đã hoàn thành các công việc theo hợp đồng và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành.

Điều 7. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG, TẠM ỨNG VÀ THANH QUYẾT TOÁN HỢP ĐỒNG

7.1. Giá trị hợp đồng:

7.1.1. Giá trị hợp đồng sau thuế:

Trong đó:

- Giá trị trước thuế:
- Thuế GTGT (10%):

7.1.2. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định, riêng chi phí bù lún trong thời gian thi công là khoán trọn gói.

7.1.3. Thuế GTGT sẽ được áp dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam tại thời điểm Bên B xuất hóa đơn GTGT cho Bên A.

7.1.4. Giá trị hợp đồng trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện hoàn thành công việc theo hợp đồng, lợi nhuận của Bên B và tất cả các loại thuế, phí liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật. Giá hợp đồng không bao gồm chi phí thí nghiệm xây dựng.

7.2. Tạm ứng hợp đồng: Không tạm ứng.

7.3. Thanh quyết toán hợp đồng:

7.3.1. Thanh toán khối lượng trong giai đoạn thi công:

Hàng kỳ, sau khi Bên B vận chuyển cát đến vị trí san lấp với khối lượng mỗi đợt đạt tối thiểu 20.000m³ cát rời, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B giá trị khối lượng được đại diện Bên A xác nhận như sau:

- Giá trị khối lượng thanh toán (=) {Khối lượng cát rời vận chuyển đến vị trí san lấp (:) 1,22 (x) Đơn giá công việc đắp cát theo hợp đồng (x) 75%} + Thuế GTGT tại thời điểm xuất hóa đơn.

a) Hồ sơ thanh toán:

- Văn bản đề nghị thanh toán (bản gốc).

- Biên bản xác nhận khối lượng cát rời bơm đến vị trí san lấp giữa Bên B và đại diện Bên A, kèm theo các tài liệu:

+ Hợp đồng nguyên tắc mua bán cát giữa mỏ với công ty cung cấp cát (bản chính hoặc sao y công chứng).

+ Hợp đồng mua bán cát giữa công ty cung cấp cát với Bên B (bản chính hoặc sao y công chứng).

- Bảng giá trị thanh toán được Bên B và Bên A xác nhận.

- Hóa đơn GTGT Bên B xuất cho Bên A gửi vào hộp thư: hddt@idico.com.vn và kinhhte-dauthau@idico.com.vn.

b) Thời hạn thanh toán: Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ theo quy định tại mục a Khoản 7.3.1 Điều này.

7.3.2. Thanh toán khối lượng hoàn thành:

Hàng kỳ, sau khi có khối lượng được Bên A nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu công việc, nghiệm thu giai đoạn, có hồ sơ đề nghị thanh toán, kèm theo tài liệu chứng minh khối lượng đã thực hiện đạt chất lượng theo yêu cầu của Bên A, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đến 90% giá trị khối lượng thực hiện được nghiệm thu (bao

Điều 21. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

21.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản đã quy định trong hợp đồng này.

21.2. Hợp đồng được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 02 bản.

21.3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sau khi Bên A đã nhận được Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng.

ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC



[Handwritten signature]

Dạng Chính Trung

ĐẠI DIỆN BÊN B
TỔNG GIÁM ĐỐC



[Handwritten signature]

Bùi Chí Kiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 9 năm 2024

**HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**
Số: 08 /HĐKT-TCT

Phần việc: San nền lô 9 - Giai đoạn 2, đợt 1 (diện tích 10,13ha)

Gói thầu: CN-XL03 “San nền lô 9 giai đoạn 2 (diện tích 20,13ha)”

Công trình: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Cầu Nghìn

Địa điểm xây dựng: Huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

GIỮA

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

VÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM

PHẦN 1: CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Quyết định số 238/QĐ-TCT ngày 17/3/2023 của Tổng công ty IDICO về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công hạng mục San nền lô 7, lô 8, lô 9, lô 10 thuộc công trình Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Cầu Nghìn;
- Biên bản thương thảo hợp đồng phần việc San nền lô 9 - Giai đoạn 2, đợt 1 (diện tích 10,13ha) thuộc gói thầu CN-XL03 “San nền lô 9 - Giai đoạn 2 (diện tích 20,13ha)”, công trình Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Cầu Nghìn ngày 28/8/2024 giữa Tổng công ty IDICO - CTCP và Công ty cổ phần Môi trường Soltech Việt Nam;
- Quyết định số **860** /QĐ-TCT ngày **05/9** /2024 của Tổng công ty IDICO - CTCP về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu phần việc San nền lô 9 - Giai đoạn 2, đợt 1 (diện tích 10,13ha) thuộc gói thầu CN-XL03 “San nền lô 9 - Giai đoạn 2 (diện tích 20,13ha)” thuộc công trình hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Cầu Nghìn,

PHẦN 2: CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày **05** tháng **9** năm 2024, tại văn phòng Tổng công ty IDICO - CTCP, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Bên giao thầu (Bên A): Tổng công ty IDICO - CTCP

- Địa chỉ trụ sở chính: 151A Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

- Địa chỉ giao dịch: Tầng 32, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

- Điện thoại: 028 3843 8883

- Fax: 028 3931 2705

- Số tài khoản: 1026176868 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), chi nhánh Đông Sài Gòn

- Mã số thuế: 0302177966

- Đại diện: Ông **Đặng Chính Trung**

- Chức vụ: Tổng giám đốc

2. Bên nhận thầu (Bên B): Công ty cổ phần Môi trường Soltech Việt Nam

- Địa chỉ: Số 143 đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 0982 699276 - 0913 211266

- Tài khoản số: 19037338897881 tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Techcombank CN Đông Đô.

- Mã số thuế: 0106843930

- Đại diện: Ông **Bùi Chí Kiên**

- Chức vụ: Tổng giám đốc

Bên A và Bên B được gọi riêng là Bên và gọi chung là các Bên.

Các Bên tại đây thống nhất thỏa thuận như sau:

6.4. Bên A phải hoàn trả cho Bên B bảo đảm thực hiện hợp đồng khi Bên B đã hoàn thành các công việc theo hợp đồng và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành.

Điều 7. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG, TẠM ỨNG VÀ THANH QUYẾT TOÁN HỢP ĐỒNG

7.1. Giá trị hợp đồng:

7.1.1. Giá trị hợp đồng sau thuế:

Trong đó:

- Giá trị trước thuế:
- Thuế GTGT (10%):

7.1.2. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định, riêng chi phí bù lún trong thời gian thi công là khoán trọn gói.

7.1.3. Thuế GTGT sẽ được áp dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam tại thời điểm Bên B xuất hóa đơn GTGT cho Bên A.

7.1.4. Giá trị hợp đồng trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện hoàn thành công việc theo hợp đồng, lợi nhuận của Bên B và tất cả các loại thuế, phí liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật. Giá hợp đồng không bao gồm chi phí thí nghiệm xây dựng.

7.2. Tạm ứng hợp đồng: Không tạm ứng.

7.3. Thanh quyết toán hợp đồng:

7.3.1. Thanh toán khối lượng trong giai đoạn thi công:

Hàng kỳ, sau khi Bên B vận chuyển cát đến vị trí san lấp với khối lượng mỗi đợt đạt tối thiểu 20.000m³ cát rời, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B giá trị khối lượng được đại diện Bên A xác nhận như sau:

- Giá trị khối lượng thanh toán (=) {Khối lượng cát rời vận chuyển đến vị trí san lấp (:) 1,22 (x) Đơn giá công việc đắp cát K 0,85 theo hợp đồng (x) 75%} + Thuế GTGT tại thời điểm xuất hóa đơn.

a) Hồ sơ thanh toán:

- Văn bản đề nghị thanh toán (bản gốc).
- Biên bản xác nhận khối lượng cát rời vận chuyển đến vị trí san lấp giữa Bên B và đại diện Bên A, kèm theo các tài liệu:

+ Hợp đồng nguyên tắc mua bán cát giữa mỏ với công ty cung cấp cát (bản chính hoặc sao y công chứng).

+ Hợp đồng mua bán cát giữa công ty cung cấp cát với Bên B (bản chính hoặc sao y công chứng).

- Bảng giá trị khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thi công được Bên B và Bên A xác nhận.

- Hóa đơn GTGT Bên B xuất cho Bên A gửi vào hộp thư: hddt@idico.com.vn và kinhte-dauthau@idico.com.vn.

Điều 21. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

21.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản đã quy định trong hợp đồng này.

21.2. Hợp đồng được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 02 bản.

21.3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sau khi Bên A đã nhận được Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng.

ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Chính Trung

ĐẠI DIỆN BÊN B
TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Chí Kiên



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Số: 29 /HĐKT-TCT

Gói thầu: (CN-XL09) - Bể chứa nước và trạm bơm cấp nước cho hệ thống
PCCC tổng thể - Phần xây dựng

Công trình: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Cầu Nghìn

GIỮA

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

VÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM

PHẦN 1: CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Quyết định số 1284/QĐ-TCT ngày 17/11/2023 của Tổng công ty về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Cầu Nghìn, dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Cầu Nghìn;
- Quyết định số 510/QĐ-TCT ngày 16/5/2024 của Tổng công ty về việc phê duyệt dự toán hạng mục Bể chứa nước và trạm bơm cấp nước cho hệ thống PCCC tổng thể thuộc công trình Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Cầu Nghìn;

Biên bản thương thảo hợp đồng gói thầu (CN-XL09) - Bể chứa nước và trạm bơm cấp nước cho hệ thống PCCC tổng thể - Phần xây dựng thuộc công trình hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Cầu Nghìn ngày 19/8/2024 giữa Tổng công ty IDICO và Công ty cổ phần Môi trường Soltech Việt Nam;

- Quyết định số 875/QĐ-TCT ngày 10/9/2024 của Tổng công ty IDICO về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu (CN-XL09) - Bể chứa nước và trạm bơm cấp nước cho hệ thống PCCC tổng thể - Phần xây dựng, công trình Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Cầu Nghìn,

PHẦN 2: CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại Văn phòng Tổng công ty IDICO, chúng tôi gồm các Bên dưới đây:

1. Bên giao thầu (Bên A): Tổng công ty IDICO - CTCP

- Địa chỉ trụ sở chính: 151A Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

- Địa chỉ giao dịch: Tầng 32, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

- Điện thoại: 028 3843 8883

- Fax: 028 3931 2705

- Số tài khoản: 1026176868 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), chi nhánh Đông Sài Gòn

- Mã số thuế: 0302177966

- Đại diện: Ông **Đặng Chính Trung**

- Chức vụ: Tổng Giám đốc

2. Bên nhận thầu (Bên B): Công ty cổ phần Môi trường Soltech Việt Nam

- Địa chỉ: Số nhà 143 đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

- Số tài khoản: 19037338897881 - Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) - CN Đông Đô

- Mã số thuế: 0106843930

- Đại diện: Ông **Bùi Chí Kiên**

- Chức vụ: Tổng Giám đốc



6.1.1. Bên B nộp Bảo đảm thực hiện hợp đồng tương đương 05% giá hợp đồng cho Bên A trong vòng 05 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng là bảo đảm vô điều kiện, không hủy ngang và phải do một Ngân hàng hoặc Tổ chức tài chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật cấp và phải được Bên A chấp thuận.

6.1.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có giá trị và hiệu lực đến khi Bên B đã thực hiện hoàn thành toàn bộ công việc theo hợp đồng, được Bên A nghiệm thu đưa vào sử dụng và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành. Nếu các Điều Khoản của Bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hạn và Bên B chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng thì vào thời điểm 15 ngày trước ngày hết hạn, Bên B sẽ phải gia hạn giá trị của Bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.

6.1.3. Bên B sẽ không được nhận lại Bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực và các trường hợp không thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Bên A phải hoàn trả cho Bên B bảo đảm thực hiện hợp đồng khi Bên B đã hoàn thành các công việc theo hợp đồng và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành.

6.2. Bảo lãnh tạm ứng:

6.2.1. Trước khi Bên A tạm ứng hợp đồng cho Bên B thì Bên B phải nộp cho Bên A bảo lãnh tạm ứng hợp đồng với giá trị tương đương giá trị tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng là bảo lãnh không hủy ngang và không có điều kiện (Bên A được trả tiền khi Bên A có yêu cầu) và phải do một Ngân hàng hoặc Tổ chức tài chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật cấp và phải được Bên A chấp thuận.

6.2.2. Bảo lãnh tạm ứng có hiệu lực cho đến khi Bên A thu hồi hết tạm ứng. Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được khấu trừ tương ứng với giá trị giảm trừ tiền tạm ứng qua mỗi lần thanh toán.

Điều 7. GIÁ HỢP ĐỒNG, TẠM ỨNG VÀ THANH TOÁN

7.1. Giá hợp đồng:

7.1.1. Giá trị hợp đồng sau thuế:

Trong đó:

- Giá trị trước thuế:
- Thuế GTGT (10%):

7.1.2. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

7.1.3. Thuế GTGT sẽ được áp dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam tại thời điểm Bên B xuất hóa đơn GTGT cho Bên A.

7.1.4. Giá trị hợp đồng trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện hoàn

b) Tùy vào mức độ nghiêm trọng của hành vi Hối Lộ và tùy quyết định của Bên A, phạt Bên B một khoản tiền bằng 50.000.000 VNĐ (năm mươi triệu đồng)/lần vi phạm và/hoặc chấm dứt hợp đồng ngay lập tức mà không phải chịu bất cứ một khoản phạt hay bồi thường nào và Bên B phải bồi thường cho Bên A các khoản thiệt hại phát sinh (nếu có) do việc chấm dứt hợp đồng này, hoàn trả cho Bên A các khoản tiền Bên A đã tạm ứng (nếu có) cho Bên B và chịu các chế tài phạt khác quy định tại hợp đồng khi hợp đồng bị chấm dứt do lỗi vi phạm của Bên B.

c) Đưa Bên B vào danh sách các nhà thầu cần phải kiểm soát khi tham gia các gói thầu cung cấp dịch vụ/hàng hóa/xây dựng khác hoặc không được tham gia chào thầu các gói thầu cung cấp dịch vụ/hàng hóa/xây dựng do Bên A làm chủ đầu tư.

d) Chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra nếu hành vi Hối Lộ có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự.

20.3. Miễn trừ: Bên B sẽ miễn trừ cho Bên A mọi trách nhiệm liên quan nếu hành vi Hối Lộ của Bên B vi phạm pháp luật Việt Nam và phải bồi thường cho Bên A các thiệt hại phát sinh, bao gồm cả các thiệt hại do phát sinh chi phí hành chính, chi phí luật sư và các chi phí khác để xử lý các vấn đề liên đới đến hành vi Hối Lộ của Bên B.

Điều 21. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

21.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản đã quy định trong hợp đồng này.

21.2. Hợp đồng được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 02 bản.

21.3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sau khi Bên A đã nhận được Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng.

ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC


Đặng Chính Trung

ĐẠI DIỆN BÊN B
TỔNG GIÁM ĐỐC


Bùi Chí Kiên

T.C.P
★
H.N.H



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2024

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG

(Số: 44 /HĐKT-TCT)

CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU CÔNG NGHIỆP CÀU NGHÌN

GÓI THẦU

SAN NỀN LÔ 9 GIAI ĐOẠN 2 (DIỆN TÍCH 20,13HA)

PHẦN VIỆC

SAN NỀN LÔ 9 - GIAI ĐOẠN 2, ĐỢT 2 (DIỆN TÍCH 10HA)

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

GIỮA

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

VÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2024

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG

(Số: 44 /HĐKT-TCT)

CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU CÔNG NGHIỆP CÀNG NGHÌN

GÓI THẦU

SAN NỀN LÔ 9 GIAI ĐOẠN 2 (DIỆN TÍCH 20,13HA)

PHẦN VIỆC

SAN NỀN LÔ 9 - GIAI ĐOẠN 2, ĐỢT 2 (DIỆN TÍCH 10HA)

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

GIỮA

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

VÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VÀ NHÀ THẦU

Hôm nay, ngày 04. tháng 12. năm 2024, tại văn phòng Tổng công ty IDICO - CTCP, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư:

- Tên giao dịch: **Tổng công ty IDICO - CTCP**
- Đại diện bởi: Ông **Đặng Chính Trung** - Chức vụ: Tổng giám đốc
- Địa chỉ trụ sở chính: 151A Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
- Địa chỉ giao dịch: Tầng 32, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
- Tài khoản: 1026176868 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), chi nhánh Đông Sài Gòn
- Mã số thuế: 0302177966
- Đăng ký kinh doanh: Số 0302177966 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp (thay đổi lần thứ 7) ngày 11/8/2022.
- Điện thoại: 028 3843 8883 - Fax: 028 3931 2705

2. Nhà thầu:

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần Môi trường Soltech Việt Nam**
- Đại diện bởi: Ông **Bùi Chí Kiên** - Chức vụ: Tổng giám đốc
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 143 đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Địa chỉ giao dịch: Tầng 25, Tòa nhà Vimeco Phạm Hùng, Lô E9 Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
- Tài khoản: 19037338897881 tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Techcombank CN Đông Đô.
- Mã số thuế: 0106843930
- Đăng ký kinh doanh: Số 0106843930 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp (thay đổi lần thứ 6) ngày 25/04/2024
- Điện thoại: 082.755.8866

Hai bên cùng thống nhất ký Hợp đồng thi công xây dựng này của gói thầu CN-XL03 “San nền lô 9 giai đoạn 2 (diện tích 20,13ha)” - Phần việc San nền lô 9 - Giai đoạn 2, đợt 2 (diện tích 10ha) thuộc công trình Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Cầu Nghìn (“Hợp đồng”) với các điều khoản và điều kiện như sau:

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ban hành ngày 24/11/2015;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ban hành ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;


| ĐIỀU KHOẢN CHUNG | | ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ |
|------------------|-------|---|
| | 9.4.b | <p>Thanh toán khối lượng hoàn thành</p> <p>a) Hàng kỳ (số đợt thanh toán tối đa 03 đợt), sau khi được nghiệm thu khối lượng hoàn thành, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu đến 90% giá trị khối lượng thực hiện được nghiệm thu (bao gồm giá trị thanh toán khối lượng trong giai đoạn thi công).</p> <p>b) Hồ sơ thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thanh toán (bản gốc); - Hồ sơ chất lượng, hồ sơ khối lượng và bản vẽ hoàn công theo ô lưới 10m x 10m do Nhà thầu lập và được đại diện Chủ đầu tư kiểm tra xác nhận. Kèm theo các tài liệu: <ul style="list-style-type: none"> + Bảng đối chiếu khối lượng giao nhận giữa công ty cung cấp cát với Nhà thầu (bản sao của Nhà thầu); + Hóa đơn GTGT của công ty cung cấp cát xuất cho Nhà thầu (bản sao của Nhà thầu); - Bảng giá trị khối lượng hoàn thành được Chủ đầu tư và Nhà thầu xác nhận; - Hóa đơn GTGT của Nhà thầu xuất cho Chủ đầu tư gửi vào hộp thư: hddt@idico.com.vn và kinhte-dauthau@idico.com.vn. Nhà thầu gửi kèm Bảng kê thông tin hoàn thành nghĩa vụ thuế của kỳ thanh toán theo mẫu tại Bảng 3 kèm theo Hợp đồng. |
| | 9.4.c | Thời hạn thanh toán: 7 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo quy định của Hợp đồng. |
| | 9.5 | <p>Quyết toán Hợp đồng:</p> <p>a) Sau khi gói thầu hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và hồ sơ quyết toán được Chủ đầu tư phê duyệt, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu đến 97% giá trị quyết toán.</p> <p>b) Hồ sơ quyết toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị quyết toán (bản gốc); - Hồ sơ chất lượng, hồ sơ khối lượng và bản vẽ hoàn công theo ô lưới 10m x 10m do Nhà thầu lập và được đại diện Chủ đầu tư kiểm tra xác nhận; - Bảng giá trị quyết toán hợp đồng được Chủ đầu tư và Nhà thầu xác nhận; - Hóa đơn GTGT của Nhà thầu xuất cho Chủ đầu tư gửi vào hộp thư: hddt@idico.com.vn và kinhte-dauthau@idico.com.vn. Nhà thầu gửi kèm Bảng kê thông tin hoàn thành nghĩa vụ thuế của kỳ thanh toán theo mẫu tại Bảng 3 kèm theo Hợp đồng. <p>c) Thời hạn thanh toán: 10 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ quyết toán hợp lệ theo quy định của Hợp đồng.</p> |
| | 9.6 | <p>Thanh toán bảo hành:</p> <p>Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị quyết toán còn lại cho Nhà thầu 10 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được bản gốc chứng thư bảo lãnh bảo hành công trình hợp lệ theo quy định của Hợp đồng này, đồng thời Nhà thầu gửi Chủ đầu tư Bảng kê thông tin hoàn thành nghĩa vụ thuế của kỳ quyết toán của Nhà thầu theo mẫu tại Bảng 3 kèm theo Hợp đồng.</p> |

| ĐIỀU KHOẢN CHUNG | | | ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ |
|------------------|-----------------------|------|--|
| 25 | Hiệu lực của hợp đồng | 25.2 | Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và sau khi Chủ đầu tư đã nhận được Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng. |

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
TỔNG GIÁM ĐỐC


Đặng Chính Trung

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
TỔNG GIÁM ĐỐC


Bùi Chí Kiên



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG HỢP TÁC

Số: 100320/HĐHT/ST-VTC

V/v hợp tác triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu của đề tài “Nghiên cứu công nghệ cứng hoá đất bùn nạo vét để sử dụng trong san lấp mặt bằng thay thế cát”

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ban hành ngày 24/11/2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

- Căn cứ Bộ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ban hành ngày 14/06/2005 có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;

- Căn cứ vào tình hình thực tế năng lực và nhu cầu của hai bên;

- Dựa trên tinh thần trung thực và thiện chí hợp tác của các bên;

Hôm nay, ngày 10 tháng 03 năm 2020, tại Viện Thủy Công, chúng tôi gồm có:

1. BÊN A: VIỆN THỦY CÔNG

Đại diện : Ông Ngô Anh Quân Chức vụ: - Phó Viện trưởng;
- Chủ nhiệm đề tài.

Địa chỉ : Số 3, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại : 0243 5632821.

Mã số thuế : 0102963320.

Tài khoản số : 125.1000.0361.867 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đô – Hà Nội.

2. BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM

Đại diện : Ông Bùi Chí Kiên Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Số 143 đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Điện thoại : 0913 221266

Mã số thuế : 0106843930

Tài khoản số : 19037338897881 - Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) - CN Đông Đô

Cùng thỏa thuận ký hợp đồng hợp tác triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu của đề tài “Nghiên cứu công nghệ cứng hóa đất bùn nạo vét để sử dụng trong san lấp mặt bằng thay thế cát” vào thực tế để xây dựng các dự án/công trình san lấp mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật khi có nhu cầu với các điều kiện và điều khoản sau đây:



- Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng được giải quyết trước hết qua thương lượng, hoà giải, nếu hoà giải không thành việc tranh chấp sẽ được giải quyết tại Toà án có thẩm quyền.

Điều 11. Hiệu lực Hợp đồng

- Hợp đồng chấm dứt khi hết thời hạn hợp đồng theo quy định tại Điều 3 Hợp đồng này, khi Các Bên đã hoàn thành các quyền và nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này, trừ trường hợp bị chấm dứt trước theo sự thỏa thuận bằng văn bản của Các Bên hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. Khi kết thúc Hợp đồng, hai bên sẽ làm biên bản thanh lý hợp đồng.

- Bất kỳ thông báo hoặc trao đổi khác hoặc thông tin liên lạc giữa Các Bên theo Hợp Đồng này sẽ được lập thành văn bản và gửi qua fax hoặc thư bảo đảm cho mỗi Bên có liên quan đến địa chỉ đã được ghi trong Hợp Đồng này. Việc thông báo phải được xác nhận là đã nhận và sẽ có hiệu lực khi có biên nhận hoặc máy fax báo đã chuyển thành công.

- Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

PHÓ VIỆN TRƯỞNG



ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

Bùi Chí Kiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vụ Bản, ngày 03 tháng 12 năm 2024

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
Số: 2611/2024/HĐ-TCXD

GÓI THẦU: Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị dự án Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hợp Hưng, huyện Vụ Bản (Đồng Thuận Khả Chính, Đồng Sóng Đồng Lạc)

GIỮA

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vụ Bản

VÀ

Công ty cổ phần môi trường SOLTECH Việt Nam

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VÀ NHÀ THẦU

Hôm nay, ngày 03 tháng 12 năm 2024 tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vụ Bản, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Đại diện Chủ đầu tư:

Tên giao dịch: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vụ Bản

Đại diện là: Ông Nguyễn Anh Đức Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Thị trấn Gôi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định

Tài khoản: 9552.2.8098717. Tại kho bạc nhà nước tỉnh Nam Định

Mã số thuế: 0601223145

Và bên kia là:

2. Nhà thầu:

Tên giao dịch: Công ty cổ phần môi trường SOLTECH Việt Nam

Đại diện là: Ông Bùi Chí Kiên Chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ: Số nhà 143 đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tài khoản: 19037338897881 Tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank - CN Đông Đô)

Mã số thuế: 0106843930

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng thi công xây dựng của Gói thầu Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị dự án Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hợp Hưng, huyện Vụ Bản (Đồng Thuận Khả Chính, Đồng Sóng Đồng Lạc) như sau:

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Trường hợp Chủ đầu tư cần Nhà thầu hoàn thành trước ngày hoàn thành dự kiến, Chủ đầu tư phải yêu cầu Nhà thầu đề xuất các chi phí phát sinh nhằm đẩy nhanh tiến độ. Nếu Chủ đầu tư chấp nhận các chi phí mà Nhà thầu đề xuất thì ngày hoàn thành dự kiến sẽ được điều chỉnh cho phù hợp và được Chủ đầu tư, Nhà thầu xác nhận.

Nếu các chi phí phát sinh do Nhà thầu đề xuất để đẩy nhanh tiến độ được Chủ đầu tư chấp thuận thì giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh và các chi phí phát sinh sẽ được xem là một thay đổi của hợp đồng.

8.6. Khắc phục tiến độ chậm trễ

Khi tiến độ đã bị chậm hơn so với tiến độ thi công như các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng của công việc đó mà không phải do những nguyên nhân đã nêu trong khoản 8.4 Điều này, khi đó Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu trình một bản tiến độ thi công được sửa đổi để thực hiện tiến độ hoàn thành, trong thời gian yêu cầu.

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

9.1. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh

9.2. Giá hợp đồng:

Chi tiết giá hợp đồng được nêu trong Phụ lục [Giá hợp đồng, tạm ứng, thanh toán].

Giá hợp đồng trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện công việc theo hợp đồng, bản quyền, lợi nhuận của Nhà thầu, Thuế GTGT 10% và tất cả các loại thuế, phí khác liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật.

Giá hợp đồng chỉ được điều chỉnh theo quy định tại Điều 10 [Điều chỉnh giá hợp đồng].

9.3. Tạm ứng:

Không áp dụng

9.4. Thanh toán [quy định tại **ĐKCT**]

Giá hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh: Việc thanh toán được chia thành nhiều lần (tối thiểu là 2 lần và tối đa 10 lần) theo đề nghị của Nhà thầu trên cơ sở khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu nhân với đơn giá đã điều chỉnh theo Điều 10 [Điều chỉnh đơn giá, khối lượng công việc, một số nội dung khác trong hợp đồng và giá hợp đồng xây dựng] và theo kế hoạch vốn bố trí cho dự án (Nguồn thu tiền sử dụng đất tại khu dân cư tập trung xã Hợp Hưng, huyện Vụ Bản (Đồng Thuận Khả Chính, Đồng Sóng Đồng Lạc) và các nguồn vốn hợp pháp khác)).

9.5. Thời hạn thanh toán

a) Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 20 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Nhà thầu [quy định tại **ĐKCT**].

- Số lượng hồ sơ quyết toán hợp đồng là 07 bộ.

25.2. Thanh lý hợp đồng

Thời gian tiến hành thanh lý hợp đồng là 45 ngày nhưng không quá 60 ngày.

Điều 26. Hiệu lực của hợp đồng

26.1. Hợp đồng này bao gồm 44 trang, và 01 phụ lục kèm theo được lập thành 08 bản bằng tiếng Việt có hiệu lực pháp lý như nhau.

Chủ đầu tư sẽ giữ 06 bản bằng tiếng Việt.

Nhà thầu sẽ giữ 02 bản.

26.2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sau khi Chủ đầu tư đã nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Điều 5 Hợp đồng.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



**GIÁM ĐỐC
NGUYỄN ANH ĐỨC**

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU



**TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Chí Kiên**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vụ Bản, ngày 08 tháng 01 năm 2025

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Số: 0801/2025/HĐ-TCXD

**GÓI THẦU: Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị dự án
Xây dựng khu dân cư tập trung xã Quang Trung, huyện Vụ Bản**

GIỮA

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vụ Bản

VÀ

Công ty cổ phần môi trường SOLTECH Việt Nam

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VÀ NHÀ THẦU

Hôm nay, ngày 08 tháng 01 năm 2025 tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vụ Bản, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Đại diện Chủ đầu tư:

Tên giao dịch: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vụ Bản

Đại diện là: Ông Nguyễn Anh Đức Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Thị trấn Gôi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định

Tài khoản: 9552.2.8098715. Tại kho bạc nhà nước tỉnh Nam Định

Mã số thuế: 0601223145

Và bên kia là:

2. Nhà thầu:

Tên giao dịch: Công ty cổ phần môi trường SOLTECH Việt Nam

Đại diện là: Ông Bùi Chí Kiên Chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ: Số nhà 143 đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tài khoản: 98 9999 86868 Tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Bắc Từ Liêm

Mã số thuế: 0106843930

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng thi công xây dựng của Gói thầu Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị dự án Xây dựng khu dân cư tập trung xã Quang Trung, huyện Vụ Bản như sau:

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

với các thỏa thuận trong hợp đồng, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của Nhà thầu gây ra;

- Do Chủ đầu tư không hoặc chậm thanh toán vốn theo quy định của hợp đồng.

8.5. Đẩy nhanh tiến độ

Trường hợp Chủ đầu tư cần Nhà thầu hoàn thành trước ngày hoàn thành dự kiến, Chủ đầu tư phải yêu cầu Nhà thầu đề xuất các chi phí phát sinh nhằm đẩy nhanh tiến độ. Nếu Chủ đầu tư chấp nhận các chi phí mà Nhà thầu đề xuất thì ngày hoàn thành dự kiến sẽ được điều chỉnh cho phù hợp và được Chủ đầu tư, Nhà thầu xác nhận.

Nếu các chi phí phát sinh do Nhà thầu đề xuất để đẩy nhanh tiến độ được Chủ đầu tư chấp thuận thì giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh và các chi phí phát sinh sẽ được xem là một thay đổi của hợp đồng.

8.6. Khắc phục tiến độ chậm trễ

Khi tiến độ đã bị chậm hơn so với tiến độ thi công như các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng của công việc đó mà không phải do những nguyên nhân đã nêu trong khoản 8.4 Điều này, khi đó Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu trình một bản tiến độ thi công được sửa đổi để thực hiện tiến độ hoàn thành, trong thời gian yêu cầu.

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

9.1. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh

9.2. Giá hợp đồng:

Chi tiết giá hợp đồng được nêu trong Phụ lục [Giá hợp đồng, tạm ứng, thanh toán].

Giá hợp đồng trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện công việc theo hợp đồng, bản quyền, lợi nhuận của Nhà thầu, Thuế GTGT 10% và tất cả các loại thuế, phí khác liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật.

Giá hợp đồng chỉ được điều chỉnh theo quy định tại Điều 10 [Điều chỉnh giá hợp đồng].

9.3. Tạm ứng:

Không áp dụng

9.4. Thanh toán [quy định tại ĐKCT]

Giá hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh: Việc thanh toán được chia thành nhiều lần (tối thiểu là 2 lần và tối đa 10 lần) theo đề nghị của Nhà thầu trên cơ sở khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu nhân với đơn giá đã điều chỉnh theo Điều 10 [Điều chỉnh đơn giá, khối lượng công việc, một số nội dung khác trong hợp đồng và giá hợp đồng xây dựng] và theo kế hoạch vốn bố trí cho dự án (Nguồn thu tiền sử dụng đất tại khu dân cư tập trung xã Quang Trung, huyện Vụ Bản và các nguồn vốn hợp pháp khác).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG
Số : 0303/2025/HĐXD/VH-SOL

Công trình: Xây dựng khu đô thị mới tại khu vực quận Dương Kinh và huyện Kiến Thụy
Hạng Mục: Cung cấp cát thi công hạ tầng và san nền

Địa điểm: Phường Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh và xã Đông Phương, xã Đại Đồng, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng

- Căn cứ các văn bản pháp luật liên quan của nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ nhu cầu và năng lực của Hai Bên.

Hôm nay, ngày 03 tháng 03 năm 2025, chúng tôi gồm:

1. Bên giao thầu (Bên A/ Chủ đầu tư): CÔNG TY CỔ PHẦN VINHOMES
Mã số DN : 0102671977

Địa chỉ : Tòa nhà văn phòng Symphony, Đường Chu Huy Mân, Khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại : [...] Fax/Mail: [...]

Người đại diện : Bà Mai Thu Thủy Chức vụ: Phó TGD Khối hỗ trợ

(Sau đây gọi tắt là “**Bên A**” hoặc “**Chủ Đầu Tư**”)

2. Bên nhận thầu: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM

Địa chỉ : Số 143 đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 0827558866 Fax: []

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số/Giấy chứng nhận đầu tư số: 0106843930

Số tài khoản : 19037338897881

Tại ngân hàng : TMCP Kỹ thương Việt Nam – Techcombank – CN Đông Đô

Mã số thuế : 0106843930

Người đại diện : Ông Bùi Chí Kiên Chức vụ: Tổng Giám đốc

(Sau đây gọi tắt là “**Bên B**” hoặc “**Nhà Thầu**”)

Bên A/Chủ Đầu Tư và Bên B/Nhà Thầu sau đây gọi riêng là “**Bên**” và gọi chung là “**Các Bên**” hoặc “**Hai Bên**”

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng thi công xây dựng (“Hợp Đồng”) này với những điều khoản sau:

ĐIỀU 1: THÀNH PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG

Hợp Đồng này bao gồm các phụ lục kèm theo Hợp Đồng và các văn bản, tài liệu khác được liệt kê dưới đây, ban hành từng thời điểm, là các bộ phận không thể tách rời của Hợp Đồng và có giá trị giải thích lẫn cho nhau:

- 1.1 Phụ lục A: Bảng Dự toán thi công chi tiết;
- 1.2 Phụ lục B: Danh mục hồ sơ, tài liệu thanh toán;
- 1.3 thuận bằng văn bản;
- 1.4 Phụ lục []: Bảng tiến độ thi công chi tiết do Bên B lập và được Bên A chấp thuận;
- 1.5 Phụ lục []: Quy định về vận chuyển rác thải xây dựng
- 1.6 Phụ lục C: Quy định về phạt, khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại và xử lý khác áp dụng đối với các vi phạm của nhà thầu xây dựng;
- 1.7 Phụ lục D: Quy định về trách nhiệm của Bên B (Nhà Thầu) trong quyết toán giai đoạn và quyết toán toàn bộ Hợp Đồng;
- 1.8 Phụ lục E: Các mẫu bảo lãnh
- 1.9 Phụ lục []: Hồ sơ bản vẽ thiết kế do Bên [...] cung cấp;

Trang 1/51

bớt bất kỳ nghĩa vụ, trách nhiệm nào của Bên B liên quan đến khối lượng, chất lượng, quy cách kỹ thuật mà Bên B phải tuân thủ theo quy định của Hợp Đồng.

ĐIỀU 4: THỜI GIAN - TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

- 4.1 Thời gian Bên B thi công, hoàn thành, bàn giao Công Việc cho Bên A:
Bắt đầu thi công ngày 17/02/2025;
Kết thúc thi công các phân khu: Phân khu 1 ngày 10/03/2025, Phân khu 2 ngày 10/04/2025, Phân khu 3 ngày 22/05/2025, Phân khu 4 ngày 25/06/2025.
(Chi tiết theo yêu cầu của BQLXD tại công trường).
Thời gian thi công đã bao gồm thời gian chuẩn bị công trường, và bao gồm tất cả các ngày lễ, thứ bảy và chủ nhật.
- 4.2 Trong vòng 05 ngày kể từ ngày ký Hợp Đồng, Bên B có trách nhiệm trình Ban quản lý xây dựng của Bên A ("**BQLXD**") phê duyệt bảng tiến độ thi công chi tiết từng phân đoạn/ biện pháp thi công/biểu đồ nhân lực. Bên B phải tuân thủ bảng tiến độ thi công đã được BQLXD phê duyệt và báo cáo tiến độ thi công theo Điều 7.2(j) Hợp Đồng này. Tiến độ thi công chi tiết/biện pháp thi công/biểu đồ nhân lực được BQLXD duyệt là bộ phận không thể tách rời của Hợp Đồng và là cơ sở để Bên A kiểm soát tiến độ thi công của Bên B, áp dụng các hình thức phạt nêu tại Điều 10 và Phụ lục C quy định về phạt, khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại và xử lý khác áp dụng đối với các vi phạm của nhà thầu xây dựng kèm theo Hợp Đồng này.
- 4.3 Thời gian thi công sẽ được điều chỉnh hoặc gia hạn nếu (i) xảy ra các trường hợp bất khả kháng nêu tại Điều 12 của Hợp Đồng; hoặc (ii) thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Bên A; hoặc (iii) Bên B phải dừng chờ công việc do thay đổi thiết kế theo yêu cầu của Bên A và nếu ảnh hưởng đến tiến độ thi công, việc điều chỉnh/gia hạn thời gian thi công phải được xác nhận bằng văn bản của đại diện do Bên A chỉ định.
Một công việc phát sinh không đương nhiên mang lại cho Bên B quyền được gia hạn thời hạn thi công.
- 4.4 Nếu Bên B biết được bất kỳ hành vi nào của nhà chức trách mà Bên B cho rằng hành vi đó có thể dẫn tới chậm trễ thời hạn thi công, thì Bên B phải thông báo ngay bằng văn bản cho Bên A biết về hành vi đó và dự kiến thời gian chậm trễ. Trong khả năng của mình, Bên B phải có những biện pháp hợp lý để đề đạt đến nhà chức trách có liên quan hoặc cấp trên của nhà chức trách nhằm chấm dứt những hành vi có thể gây trệch trễ do nhà chức trách.
Trong trường hợp Bên B không thông báo ngay bằng văn bản trong vòng 2 ngày hoặc không có những nỗ lực nêu trên thì Bên A có quyền không chấp nhận việc chậm trễ (không coi đó là nguyên nhân được phép kéo dài thời hạn thi công).
- 4.5 Trên cơ sở biện pháp thi công/ tiến độ thi công chi tiết/ biểu đồ nhân lực do Bên B lập đã được Bên A phê duyệt, theo quyết định của Bên A và thực tế tại công trường, Bên A có thể bàn giao mặt bằng cho Bên B theo từng phần. Việc Bên B không tuân thủ quyết định này cũng được coi là vi phạm Hợp Đồng, trừ trường hợp việc bàn giao mặt bằng của Bên A làm thay đổi biện pháp thi công/tiến độ chi tiết dẫn đến thay đổi hoặc kéo dài thời gian hoàn thành Công Việc nêu tại Điều 4.1.
- 4.6 Bên A có quyền xem xét việc đưa các nhà thầu khác vào thay thế và/hoặc bổ sung cho Bên B để thực hiện một phần hoặc toàn bộ Công Việc khi Bên B không đảm bảo đúng tiến độ thi công theo các giai đoạn thi công chính theo bảng tổng tiến độ đã được Bên A phê duyệt; Bên B có trách nhiệm đền bù cho Bên A các thiệt hại và/hoặc chi phí phát sinh do việc bổ sung và/hoặc thay thế nhà thầu khác.

ĐIỀU 5: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

- 5.1 Giá trị Hợp Đồng (tạm tính) là:

Đơn giá chi tiết với khối lượng tạm tính theo Bảng dự toán thi công chi tiết quy định tại Phụ lục A.

Trang 4/51

việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên, thay đổi hình thức pháp lý hoặc bằng hình thức khác thì tổ chức mới được hình thành từ việc tái cấu trúc hoặc tổ chức lại đó sẽ đương nhiên được kế thừa các quyền và nghĩa vụ của Bên A được quy định trong Phụ Lục này bao gồm nhưng không giới hạn quyền lợi bảo hành.

- 18.2 Các Bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp Đồng này, mọi trường hợp sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng phải được Hai Bên thỏa thuận và ký kết bằng văn bản.
- 18.3 Nếu giữa Hợp Đồng và các Phụ lục Hợp Đồng có nội dung khác biệt/mâu thuẫn thì nội dung của các Phụ lục Hợp Đồng được ưu tiên giải thích hoặc áp dụng.
- 18.4 Hợp Đồng này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Hợp Đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 bản. Bên B giữ 02 bản.
- 18.5 Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

-----***-----

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA

Số: 2806/2025/HĐMB/VH-ST

Hôm nay, ngày 28 tháng 06 năm 2025, tại Hà Nội, chúng tôi gồm:

Bên A – Bên Mua : CÔNG TY CỔ PHẦN VINHOMES

- Mã số DN : 0102671977
- Địa chỉ : Tòa nhà văn phòng Symphony, đường Chu Huy Mân, Khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Người đại diện : Bà **Mai Thu Thủy** Chức vụ: **Phó TGD Khối hỗ trợ**
theo giấy Ủy quyền 016.1/2024/GUQ-CNVHM

Bên B – Bên Bán : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM

- Mã số DN : 0106843930
- Địa chỉ : Số nhà 143 đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại : 0827.55.88.66 Fax/Mail: soltechvietnam@gmail.com
- Người đại diện : Ông **Bùi Chí Kiên** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Hai bên thống nhất ký Hợp đồng mua bán hàng hóa (“**Hợp Đồng**”) với các điều khoản sau:

Điều 1: ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG

- Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán các hàng hoá với giá bán, quy cách, chất lượng, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn được liệt kê tại Phụ lục 1 của Hợp Đồng này (“**Hàng Hóa**”). Giá bán Hàng Hóa không thay đổi suốt thời gian thực hiện Hợp Đồng này trừ trường hợp được Bên A chấp thuận.
- Căn cứ vào nhu cầu sử dụng Hàng Hóa tại từng thời điểm, Bên A sẽ phát hành Đơn Hàng (theo mẫu tại Phụ lục 02 của Hợp Đồng này) để mua Hàng Hóa từ Bên B với số lượng và chủng loại cụ thể. Bên B được coi là chấp thuận Đơn Hàng nếu Bên B: (i) có văn bản chấp thuận Đơn Hàng gửi Bên A; [hoặc (ii) không có văn bản trả lời Bên A trong thời hạn hai (02) ngày kể từ ngày nhận được Đơn Hàng từ Bên A, trong trường hợp này Đơn Hàng coi như được ký kết và có giá trị pháp lý ràng buộc hai Bên].

Điều 2: GIAO NHẬN HÀNG HÓA

2.1 Thời gian, phương thức và địa điểm giao nhận Hàng Hóa

Thời gian và phương thức giao hàng, địa điểm giao nhận Hàng Hóa: Theo quy định tại Đơn Hàng của Bên A.

2.2 Hồ sơ tài liệu giao hàng:

Trừ khi, Đơn Hàng có quy định khác, tại thời điểm giao hàng, Bên B phải cung cấp cho Bên A các hồ sơ, tài liệu giao hàng, gồm có:

- Bản gốc Hoá đơn tài chính hợp lệ.
- Bản gốc Biên bản bàn giao Hàng Hóa có xác nhận của hai bên.

2.3 Bàn giao:

- Nếu có hư hỏng xảy ra sau ngày bàn giao Hàng Hóa do lỗi Bên B hoặc Nhà sản xuất mà Bên A không thể phát hiện ra tại thời điểm bàn giao hoặc Hàng Hóa không đáp ứng chất lượng, tiêu chuẩn, quy cách, tài liệu được quy định tại Phụ lục 1 của Hợp Đồng và Đơn Hàng của Bên A thì Bên B có trách nhiệm thay thế số Hàng Hóa bị lỗi, hư hỏng này trong thời hạn Bên A yêu cầu.
- Kể cả sau khi đã ký Biên Bản Bàn Giao, nếu có nhu cầu, Bên A có thể trả lại một phần Hàng Hoá nhưng không được vượt quá [10%] trị giá của Đơn Hàng.
- Bên B có nghĩa vụ trực tiếp (hoặc mời chuyên gia/nhà sản xuất bằng chi phí của mình) hỗ trợ Bên A trong việc kiểm tra, giám sát việc lắp đặt đưa Hàng Hóa vào sử dụng và có trách nhiệm xác nhận Hàng Hóa đã hoàn thành lắp đặt đúng kỹ thuật, tiêu chuẩn của Nhà sản xuất¹.

lại trong thời hạn 3 ngày kể từ khi Sự Kiện Bất Khả Kháng xảy ra về việc i- đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và trong khả năng cho phép để đề phòng, khắc phục hoặc giảm bớt thiệt hại, gây ra việc chậm trễ thực hiện nghĩa vụ trong Hợp Đồng này, ii- dự kiến kế hoạch khắc phục và iii- biện pháp giải quyết.

- 6.3 Trừ khi có ý kiến khác của Bên A bằng văn bản, Bên B vẫn phải thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này theo hoàn cảnh thực tế cho phép.
- 6.4 Trong trường hợp một Sự Kiện Bất Khả Kháng kéo dài hơn 30 ngày, bất kỳ Bên nào cũng có thể, bằng một thông báo bằng văn bản gửi Bên kia, đơn phương chấm dứt Hợp Đồng này.

Điều 7: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 7.1 Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng bằng văn bản nếu Bên B:
 - a) Vi phạm theo quy định tại Điều 5.2(d) của Hợp Đồng.
 - b) Bị phá sản hoặc giải thể hoặc bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tạm ngừng hoạt động.
- 7.2 Bên A cũng có quyền chấm dứt Hợp Đồng này vào bất cứ lúc nào theo quyết định của Bên A, bằng cách thông báo cho Bên B về việc được chấm dứt Hợp Đồng. Việc chấm dứt này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ bảy (07) kể từ ngày Bên B nhận được thông báo của Bên A.
- 7.3 Hợp Đồng này được chấm dứt khi các Bên hoàn thành nghĩa vụ hoặc như quy định tại Điều 6.4.

Điều 8: THỎA THUẬN VỀ PHÁP NHÂN GIAO DỊCH

- 8.1. Bên A theo Hợp Đồng này được hiểu là bao gồm Bên A và các chi nhánh của Bên A đã thành lập hoặc mới thành lập trong thời hạn hiệu lực của Hợp Đồng này.
- 8.2. Bên B sẽ xuất hóa đơn tài chính theo chỉ định của Bên A.

Điều 9: CÁC THỎA THUẬN KHÁC

- 9.1. Hợp Đồng này được điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam. Mọi trường hợp sửa đổi bổ sung phải được hai bên thỏa thuận và ký kết bằng Phụ lục Hợp Đồng.
- 9.2. Các bên không được tiết lộ thông tin trong Hợp đồng này cho bên thứ 3 mà chưa được sự đồng ý của bên còn lại, trừ trường hợp có yêu cầu bởi Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- 9.3. Bên B (hoặc những người liên quan bên B) không được hối lộ và/hoặc hứa hẹn đưa các khoản hối lộ, quà tặng bằng tiền hoặc hiện vật (gọi chung là "Hối Lộ") cho bất kỳ người nào thuộc Bên A. Nếu phát hiện người bên A có hành vi đòi Hối Lộ thì Bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A tại: Hotline: 0988428787; Email: gopy@vingroup.net. Nếu Bên B vi phạm Quy định về Hối Lộ thì tùy vào mức độ nghiêm trọng, Bên B bị phạt một khoản tiền tương đương **150.000.000 VNĐ đối với một hành vi Hối Lộ** và Bên A sẽ tiến hành các thủ tục theo Hợp đồng này /Quy định pháp luật. Bên A được miễn trừ mọi trách nhiệm liên quan hành vi Hối Lộ của Bên B.
- 9.4. Bên A có quyền chuyển các quyền/nghĩa vụ theo Hợp Đồng này cho bên thứ ba, với điều kiện không gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của Bên B theo Hợp Đồng này.
- 9.5. Bất kỳ tranh chấp nào trước tiên phải được giải quyết trên cơ sở thương lượng hòa giải. Trong trường hợp không thể giải quyết, vụ việc có thể được đưa đến [Toà án có thẩm quyền] để giải quyết theo quy định của pháp luật.
- 9.6. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

-----***-----

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA

Số: 1809/2025/HĐMB/SGC-ST

Hôm nay, ngày 18 tháng 09 năm 2025, tại Hà Nội, chúng tôi gồm:

Bên A – Bên Mua : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SGC

- Mã số DN : 4201946958
- Địa chỉ : Lô LKP 41-42, Đường 2A, Khu đô thị biển An Viên, Phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Người đại diện: Ông **Phạm Văn Khương** Chức vụ: **Tổng giám đốc**

Bên B – Bên Bán : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM

- Mã số DN : 0106843930
- Địa chỉ : Số nhà 143 đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 0827.55.88.66 Fax/Mail: soltechvietnam@gmail.com
- Số tài khoản : Số nhà 143 đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội
- Người đại diện: Ông **Bùi Chí Kiên** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Hai bên thống nhất ký Hợp đồng mua bán hàng hóa (“Hợp Đồng”) với các điều khoản sau:

Điều 1: ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG

- 1.1. Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán các hàng hoá với giá bán, quy cách, chất lượng, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn được liệt kê tại Phụ lục 1 của Hợp Đồng này (“**Hàng Hóa**”). Giá bán Hàng Hóa không thay đổi suốt thời gian thực hiện Hợp Đồng này trừ trường hợp được Bên A chấp thuận.
- 1.2. Căn cứ vào nhu cầu sử dụng Hàng Hóa tại từng thời điểm, Bên A sẽ phát hành Đơn Hàng (theo mẫu tại Phụ lục 02 của Hợp Đồng này) để mua Hàng Hóa từ Bên B với số lượng và chủng loại cụ thể. Bên B được coi là chấp thuận Đơn Hàng nếu Bên B: (i) có văn bản chấp thuận Đơn Hàng gửi Bên A; [hoặc (ii) không có văn bản trả lời Bên A trong thời hạn hai (02) ngày kể từ ngày nhận được Đơn Hàng từ Bên A, trong trường hợp này Đơn Hàng coi như được ký kết và có giá trị pháp lý ràng buộc hai Bên].

Điều 2: GIAO NHẬN HÀNG HÓA

2.1 Thời gian, phương thức và địa điểm giao nhận Hàng Hóa

Thời gian và phương thức giao hàng, địa điểm giao nhận Hàng Hóa: Theo quy định tại Đơn Hàng của Bên A.

2.2 Hồ sơ tài liệu giao hàng:

Trừ khi, Đơn Hàng có quy định khác, tại thời điểm giao hàng, Bên B phải cung cấp cho Bên A các hồ sơ, tài liệu giao hàng, gồm có:

- a) *Bản gốc Hoá đơn tài chính hợp lệ.*
- b) *Bản gốc Biên bản bàn giao Hàng Hóa có xác nhận của hai bên.*

2.3 Bàn giao:

- a) Nếu có hư hỏng xảy ra sau ngày bàn giao Hàng Hóa do lỗi Bên B hoặc Nhà sản xuất mà Bên A không thể phát hiện ra tại thời điểm bàn giao hoặc Hàng Hóa không đáp ứng chất lượng, tiêu chuẩn, quy cách, tài liệu được quy định tại Phụ lục 1 của Hợp Đồng và Đơn Hàng của Bên A thì Bên B có trách nhiệm thay thế số Hàng Hóa bị lỗi, hư hỏng này trong thời hạn Bên A yêu cầu.
- b) Kể cả sau khi đã ký Biên Bản Bàn Giao, nếu có nhu cầu, Bên A có thể trả lại một phần Hàng Hóa nhưng không được vượt quá [10%] trị giá của Đơn Hàng.

- c) Bên B có nghĩa vụ trực tiếp (hoặc mời chuyên gia/nhà sản xuất bằng chi phí của mình) hỗ trợ Bên A trong việc kiểm tra, giám sát việc lắp đặt đưa Hàng Hóa vào sử dụng và có trách nhiệm xác nhận Hàng Hóa đã hoàn thành lắp đặt đúng kỹ thuật, tiêu chuẩn của Nhà sản xuất¹.

Điều 3: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1 Phương thức thanh toán và Bảo lãnh

3.1.1 Phương thức thanh toán: Đồng Việt Nam theo hình thức chuyển khoản.

3.1.2 Tiến độ thanh toán: Trừ khi Đơn Hàng có quy định khác, Bên A thanh toán cho Bên B [100]% Giá Trị Đơn Hàng như sau:

a) Tạm ứng: Không áp dụng

b) Thanh toán: Thanh toán **100%** Giá Trị Đơn Hàng sau khi khấu trừ toàn bộ Tiền Tạm Ứng trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày Hai bên ký Biên bản bàn giao Hàng Hóa và Bên A nhận được các tài liệu sau từ Bên B gồm²:

(i) Giấy đề nghị thanh toán – bản gốc

(ii) Hoá đơn tài chính hợp lệ – bản gốc.

(iii) Biên bản bàn giao hàng hóa có xác nhận của hai bên – bản gốc.

(iv) Biên bản nghiệm thu có xác nhận của Ban quản lý xây dựng (dựa vào khối lượng chấm xe)

(v) Các kết quả thí nghiệm, kiểm định chất lượng, chứng nhận hợp quy chứng nhận Hàng Hóa đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng theo quy định của Hợp Đồng và pháp luật (đối với Hàng Hóa có yêu cầu phải thí nghiệm, kiểm định chất lượng, chứng nhận hợp quy.

(vi) Bảng tổng hợp giá trị đề nghị thanh toán thể hiện các nội dung: Giá trị vật tư, thiết bị nhập về công trình theo Hợp Đồng, giá trị khối lượng phát sinh ngoài Hợp Đồng (nếu có), giá trị được thanh toán theo quy định của Hợp Đồng và các khoản khấu trừ tiền tạm ứng/các khoản khấu trừ khác (nếu có), giá trị còn được thanh toán.³

3.1.3 Bảo đảm thực hiện Hợp Đồng: Không áp dụng

Điều 4: BẢO HÀNH: Không áp dụng

Điều 5: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

5.1 Quyền và trách nhiệm của Bên A:

a) Thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Hợp Đồng này hoặc thỏa thuận bổ sung.

b) Trường hợp Bên A chậm thanh toán cho Bên B thì phải trả tiền phạt chậm thanh toán được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng áp dụng cho khách hàng cá nhân lãi suất trả sau do Ngân hàng BIDV công bố tính tại thời điểm thanh toán trên số tiền chậm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, và mức phạt tối đa không quá 8% phần Giá Trị Đơn Hàng bị thanh toán chậm.

5.2 Quyền và trách nhiệm của Bên B

a) Cung cấp các Hàng Hóa đúng số lượng, chất lượng, chủng loại theo quy định của Hợp Đồng và Đơn Hàng. Có Nghĩa vụ cung cấp đầy đủ các thông tin/chứng từ/tài liệu liên quan đến Hàng Hóa cung cấp cho Bên A và các thông tin liên quan khác; đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của những thông tin, tài liệu đó.

b) Bên B phải cam kết về nguồn gốc pháp lý, chịu toàn bộ trách nhiệm pháp lý về nguồn gốc của khoáng sản, chịu trách nhiệm toàn bộ nghĩa vụ thuế về khai thác khoáng sản phải nộp và phải cung cấp đầy đủ các hồ sơ pháp lý khác thay thế gồm: (i) Giấy phép khai thác khoáng sản; (ii) Hóa đơn thương mại hợp lệ đầu vào.

c) Trong trường hợp Bên B vi phạm tiến độ giao Hàng Hóa (kể cả tiến độ giao Hàng Hóa, bổ sung, thay thế), Bên B phải nộp phạt với mức 0,5% tổng Giá Trị Đơn Hàng cho một ngày chậm trễ, bồi thường mọi thiệt hại phát sinh cho Bên A, và mức phạt tối đa không quá 8% Giá Trị Đơn Hàng.

³ Áp dụng trong trường hợp hàng giao nhiều đợt/ khối lượng hàng giao theo thực tế/ có các khoản giảm trừ trong giá trị thanh toán.

- d) Nếu hàng hóa bị hư hỏng hoặc không đạt chất lượng (là hư hỏng xảy ra trước ngày giao hàng, hoặc hư hỏng xảy ra sau ngày giao hàng nhưng do lỗi Bên B hoặc Nhà sản xuất mà Bên A không thể phát hiện ra tại thời điểm giao nhận hàng), Bên B, bằng chi phí của mình, thay thế số hàng hư hỏng này cho Bên A trong thời hạn Bên A yêu cầu và thanh toán cho Bên A một khoản phạt tương đương 8% giá trị của lô hàng giao cùng ngày. Trong trường hợp việc thay thế/ sửa chữa/ khắc phục làm tiến độ thực hiện Hợp đồng bị chậm so với kế hoạch, Bên A có quyền áp dụng thêm các hình thức phạt đối với Bên B.
- e) Nếu Bên B chậm giao hàng quá [15] ngày (tính cộng dồn) và/hoặc Bên B vi phạm nghiêm trọng bất kỳ quy định nào của Hợp Đồng, thì Bên A, có quyền chấm dứt một phần hoặc toàn bộ Hợp Đồng này. Trong trường hợp này, Bên B phải hoàn lại các khoản tiền đã nhận, nộp tiền phạt với mức phạt bằng 8% Giá Trị Đơn Hàng và bồi thường mọi thiệt hại phát sinh cho Bên A.
- f) Bên B phải duy trì biện pháp an ninh để ngăn chặn các yếu tố phá hoại từ hệ thống thông tin của mình ảnh hưởng đến Bên A. Khi cần truy cập Hạ tầng Công nghệ thông tin của Bên A, Bên B phải gửi danh sách người cần cấp quyền để Bên A xem xét chấp thuận, đồng thời đảm bảo tuân thủ yêu cầu của Bên A.
- g) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Hợp Đồng này và theo thỏa thuận của các bên tại từng thời điểm.

Điều 6: BẤT KHẢ KHÁNG

- 6.1 Những sự kiện sau được coi là Sự Kiện Bất Khả Kháng: Bao lụt, động đất, chiến tranh, hỏa hoạn, sự thay đổi của chính sách, pháp luật của nhà nước hoặc các sự kiện khách quan khác.
- 6.2 Trong trường hợp xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng, không bên nào phải chịu trách nhiệm về việc không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Hợp Đồng này, với điều kiện: thông báo cho bên còn lại trong thời hạn 3 ngày kể từ khi Sự Kiện Bất Khả Kháng xảy ra về việc i- đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và trong khả năng cho phép để đề phòng, khắc phục hoặc giảm bớt thiệt hại, gây ra việc chậm trễ thực hiện nghĩa vụ trong Hợp Đồng này, ii- dự kiến kế hoạch khắc phục và iii- biện pháp giải quyết.
- 6.3 Trừ khi có ý kiến khác của Bên A bằng văn bản, Bên B vẫn phải thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này theo hoàn cảnh thực tế cho phép.
- 6.4 Trong trường hợp một Sự Kiện Bất Khả Kháng kéo dài hơn 30 ngày, bất kỳ Bên nào cũng có thể, bằng một thông báo bằng văn bản gửi Bên kia, đơn phương chấm dứt Hợp Đồng này.

Điều 7: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 7.1 Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng bằng văn bản nếu Bên B:
- a) Vi phạm theo quy định tại Điều 5.2(d) của Hợp Đồng.
- b) Bị phá sản hoặc giải thể hoặc bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tạm ngừng hoạt động.
- 7.2 Bên A cũng có quyền chấm dứt Hợp Đồng này vào bất cứ lúc nào theo quyết định của Bên A, bằng cách thông báo cho Bên B về việc được chấm dứt Hợp Đồng. Việc chấm dứt này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ bảy (07) kể từ ngày Bên B nhận được thông báo của Bên A.
- 7.3 Hợp Đồng này được chấm dứt khi các Bên hoàn thành nghĩa vụ hoặc như quy định tại Điều 6.4.

Điều 8: THỎA THUẬN VỀ PHÁP NHÂN GIAO DỊCH

- 8.1. Bên A theo Hợp Đồng này được hiểu là bao gồm Bên A và các chi nhánh của Bên A đã thành lập hoặc mới thành lập trong thời hạn hiệu lực của Hợp Đồng này.
- 8.2. Bên B sẽ xuất hóa đơn tài chính theo chỉ định của Bên A.

Điều 9: CÁC THỎA THUẬN KHÁC

- 9.1. Hợp Đồng này được điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam. Mọi trường hợp sửa đổi bổ sung phải được hai bên thỏa thuận và ký kết bằng Phụ lục Hợp Đồng.
- 9.2. Các bên không được tiết lộ thông tin trong Hợp đồng này cho bên thứ 3 mà chưa được sự đồng ý của bên còn lại, trừ trường hợp có yêu cầu bởi Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- 9.3. Bên B (hoặc những người liên quan bên B) không được hối lộ và/hoặc hứa hẹn đưa các khoản hối lộ, quà tặng bằng tiền hoặc hiện vật (gọi chung là “**Hối Lộ**”) cho bất kỳ người nào thuộc Bên A. Nếu phát hiện người bên A có hành vi đòi Hối Lộ thì Bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A tại: Hotline:.....; Email: gopy@sgc.net.vn. Nếu Bên B vi phạm Quy định về Hối Lộ thì tùy vào mức độ nghiêm trọng, Bên B bị phạt một khoản tiền tương đương **150.000.000 VNĐ đối với một hành vi Hối Lộ** và Bên A sẽ tiến hành các thủ tục theo Hợp đồng này /Quy định pháp luật. Bên A được miễn trừ mọi trách nhiệm liên quan hành vi Hối Lộ của Bên B.
- 9.4. Bên A có quyền chuyển các quyền/nghĩa vụ theo Hợp Đồng này cho bên thứ ba, với điều kiện không gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của Bên B theo Hợp Đồng này.
- 9.5. Bất kỳ tranh chấp nào trước tiên phải được giải quyết trên cơ sở thương lượng hòa giải. Trong trường hợp không thể giải quyết, vụ việc có thể được đưa đến [Toà án có thẩm quyền] để giải quyết theo quy định của pháp luật.
- 9.6. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
XÂY DỰNG SGC**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Hương

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG
SOLTECH VIỆT NAM**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Chí Kiên

An

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG

Số: ..641./2025/HĐXD/HT-SOLTECH

Gói thầu: Thi công cảnh quan cứng lô CX12, các lô cây xanh, khe xanh và bãi đỗ xe trong khu vực thi công san nền và HTKT giai đoạn 1

Dự án: Khu đô thị mới tại xã Hoàng Quang và Hoàng Long, thành phố Thanh Hóa

Địa điểm: Phường Nguyệt Viên, Tỉnh Thanh Hóa

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;
- Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì Công trình xây dựng;
- Căn cứ Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ chào giá của nhà thầu (nếu có) và các biên bản làm việc giữa Hai Bên;
- Căn cứ Thông báo trúng thầu số: 307/2025.HT ngày 03/10/2025;
- Căn cứ khả năng và nhu cầu của Hai Bên.

Hôm nay, ngày ..03 tháng ...11... năm 2025, đại diện các Bên gồm có:

I. BÊN GIAO THẦU: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN HỒ TÂY

- Địa chỉ : Tầng 1, số 27 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 - Điện thoại : 02437474700
 - Số tài khoản : 1261481570 tại Ngân hàng BIDV- Chi nhánh Ba Đình
 - Mã số thuế : 0110331893
 - Người đại diện : Ông Phạm Trung Hiếu Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Sau đây gọi tắt là “Bên A”**

II. BÊN NHẬN THẦU: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM

- Địa chỉ : 143 đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 082.755.8866
- Số tài khoản : 19037338897881 tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - CN Đông Đô
- Mã số thuế : 0106843930
- Người đại diện : Bùi Chí Kiên Chức vụ: Tổng giám đốc

Sau đây gọi tắt là “Bên B”

Bên giao thầu, bên nhận thầu sau đây sẽ được gọi riêng là “Bên”, hoặc gọi chung là “Các Bên” hoặc “Hai Bên”.

Hai Bên đã thoả thuận và thống nhất ký Hợp đồng gồm các nội dung chính sau:

Điều 1. Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên

Hồ sơ của Hợp đồng này và thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu như sau:

- 1.1. Văn bản Hợp đồng này và các phụ lục kèm theo (bao gồm cả các phụ lục sửa đổi, bổ sung trong quá trình thực hiện Hợp đồng);
- 1.2. Hồ sơ mời thầu/ Hồ sơ yêu cầu/ Hồ sơ mời chào giá;
- 1.3. Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được Chủ đầu tư duyệt, các chỉ dẫn kỹ thuật;
- 1.4. Hồ sơ dự thầu/ Hồ sơ đề xuất/ Hồ sơ chào giá được duyệt bao gồm Bản tiến độ chi tiết, biện pháp thi công được duyệt;
- 1.5. Quy trình và Quy định xử lý vi phạm đối với nhà thầu (Phụ lục C);
- 1.6. Bản cam kết tuân thủ đạo đức kinh doanh;
- 1.7. Các tài liệu khác (nếu có).

Điều 2. Các định nghĩa và diễn giải

Các từ và cụm từ (được định nghĩa và diễn giải) sẽ có ý nghĩa như diễn giải sau đây và được áp dụng cho **Hợp đồng** này trừ khi ngữ cảnh đòi hỏi diễn đạt từ một ý nghĩa khác:

- 2.1. **“Bên giao thầu”** (viết tắt là Bên A) là CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN HỒ TÂY như đã nói đến trong phần các Bên tham gia Hợp đồng;
- 2.2. **“Dự án”** là Dự án Khu đô thị mới tại xã Hoàng Quang và Hoàng Long, thành phố Thanh Hóa;
- 2.3. **“Chủ đầu tư”** là Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Bất động sản Eurowindow Light City;
- 2.4. **“Nhà tư vấn”/“Tư vấn”** bao gồm: Tư vấn giám sát thi công xây dựng;
- 2.5. **“Giám sát của Bên A”** là các cán bộ kỹ thuật của Chủ đầu tư và/hoặc của Bên A;
- 2.6. **“Bên nhận thầu”/“Nhà thầu”** (viết tắt là Bên B) là nhà thầu được nêu ở phần các Bên tham gia Hợp đồng và những người kế thừa hợp pháp của Nhà thầu mà không phải là bất kỳ đối tượng nào do người đó uỷ quyền;
- 2.7. **“Nhà thầu phụ”** là nhà thầu ký Hợp đồng với Nhà thầu để thi công một phần công việc của Nhà thầu theo Hợp đồng này và được Bên giao thầu chấp thuận;
- 2.8. **“Hợp đồng”** là Hợp đồng này được ký kết giữa Bên giao thầu và Bên nhận thầu và các phụ lục, văn bản, tài liệu đính kèm, sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.
- 2.9. **“Bản vẽ thiết kế”** là tất cả các bản vẽ, bảng tính toán và thông tin kỹ thuật của công trình do Bên A cấp cho Bên B hoặc do Bên B lập đã được Bên A chấp thuận.
- 2.10. **“Chỉ dẫn kỹ thuật”** (thuyết minh kỹ thuật) là tập hợp các chỉ tiêu, yêu cầu kỹ thuật dựa trên các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật được quy định cho Dự án và bất kỳ sửa đổi hoặc bổ sung cho các chỉ tiêu, tiêu chuẩn kỹ thuật đó;
- 2.11. **“Bên”** là Bên A hoặc Bên B tùy theo ngữ cảnh (yêu cầu) diễn đạt.
- 2.12. **“Ngày”** được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch;
- 2.13. **“Ngày làm việc”** là ngày dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật;
- 2.14. **“Thiết bị nhà thầu”** là toàn bộ thiết bị máy móc, phương tiện, công cụ dụng cụ, xe cộ và các tài sản, trang thiết bị khác của Nhà thầu để thực hiện công việc trong Hợp đồng.

Huy

- 2.15. **“Công việc”** là việc thi công xây dựng thuộc **Gói thầu: “Thi công cảnh quan cứng lô CX12, các lô cây xanh, khe xanh và bãi đỗ xe trong khu vực thi công san nền và HTKT giai đoạn 1”** cho Dự án như quy định tại Điều 4 của Hợp đồng.
- 2.16. **“Bất khả kháng”** được định nghĩa tại Điều 17 [Bất Khả kháng].
- 2.17. **“Luật”** là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn có liên quan.
- 2.18. **“Công trường”** là địa điểm Bên A giao cho Bên B để thực hiện công việc nêu tại Điều 4 của Hợp đồng.
- 2.19. **“Điều chỉnh”** là sự thay đổi (điều chỉnh) phạm vi công việc, Chỉ dẫn kỹ thuật, Bản vẽ thiết kế, Giá Hợp đồng hoặc Tiến độ thi công khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A;

Điều 3. Các quy định chung

3.1. Luật và ngôn ngữ

Hợp đồng chịu sự điều tiết của hệ thống pháp luật của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Ngôn ngữ giao dịch là Tiếng Việt.

3.2. Nhượng lại

Bên B không được chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng này hoặc bất cứ phần lợi ích hoặc quyền lợi trong Hợp đồng mà không được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A.

3.3. Việc bảo quản và cung cấp tài liệu

Tài liệu nghiệm thu của Bên B phải được Bên B cất giữ cẩn thận, trừ khi và cho tới khi được Bên A chấp thuận và tiếp nhận bàn giao.

Những tài liệu cấu thành nên Hợp đồng là quan hệ thống nhất giải thích tương hỗ cho nhau, nhưng nếu có điểm nào không rõ ràng hoặc không thống nhất thì Bên B có trách nhiệm trao đổi và thống nhất với Bên A trước khi thực hiện.

Điều 4. Khối lượng, phạm vi và yêu cầu công việc

4.1. Phạm vi công việc

Nhà thầu sẽ thực hiện việc các công việc thuộc **Gói thầu: “Thi công cảnh quan cứng lô CX12, các lô cây xanh, khe xanh và bãi đỗ xe trong khu vực thi công san nền và HTKT giai đoạn 1”**, Dự án : Khu đô thị mới tại xã Hoàng Quang và Hoàng Long, thành phố Thanh Hóa theo đúng bản vẽ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật và các sửa đổi, bổ sung được Chủ đầu tư phê duyệt trên cơ sở giá Hợp đồng theo Điều 5 [Loại Hợp đồng, Giá trị Hợp đồng, Tạm ứng và thanh toán], bao gồm các phạm vi công việc:

+ Hoàn thiện sân đường, bãi đỗ xe, vườn hoa, bồn hoa, cầu cảnh quan, nhà bảo vệ, sơn kẻ vạch bãi xe, móng thiết bị trò chơi, móng thiết bị công viên, móng thiết bị tập Gym, móng biển bảng các loại...

+ Không bao gồm: Cảnh quan cây xanh, cung cấp và thi công lát đá, bó via đá, ME cảnh quan, thiết bị trò chơi, thùng rác, điểm nhấn dự án khu CX12, biển bảng các loại.

4.2. Yêu cầu công việc

Công việc do Nhà thầu thực hiện phải đảm bảo chất lượng, tiến độ theo đúng Bản vẽ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật, biện pháp thi công được duyệt và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các Khoản từ 4.2.1 đến 4.2.9 dưới đây và Nhà thầu sẽ sửa chữa

mọi sai sót nếu do lỗi của Nhà thầu gây ra:

- 4.2.1. Thi công xây dựng công trình như được mô tả trong tài liệu Hợp đồng và các tài liệu theo thứ tự ưu tiên quy định tại Điều 1;
- 4.2.2. Đảm bảo cung cấp đầy đủ tất cả các lao động, quản lý, thiết bị và vật tư cần thiết để thực hiện Công việc ngoại trừ trường hợp đặc biệt được quy định trong Hợp đồng;
- 4.2.3. Thiết lập các quy trình, các hệ thống quản lý, báo cáo đầy đủ nhằm kiểm soát chất lượng và tiến độ của Công việc một cách chặt chẽ và cung cấp cho Bên A đầy đủ các thông tin để có thể đánh giá tiến độ thực tế của Công việc một cách độc lập;
“Bên B thiết lập hệ thống quản lý chất lượng và tiến độ (bao gồm biểu đồ tiến độ, nhật ký điện tử, báo cáo ngày/tuần/tháng) để kiểm soát công việc; báo cáo định kỳ cho Bên A theo biểu mẫu thống nhất.”
- 4.2.4. Thi công lắp đặt xây dựng tất cả các công trình tạm và duy trì tất cả các hạng mục đó một cách an toàn và hiệu quả cho việc thực hiện Công việc cho đến khi chúng được đưa ra khỏi công trường hoặc hoàn trả theo yêu cầu của Hợp đồng;
- 4.2.5. Tuyển dụng, đào tạo, tổ chức, quản lý và giám sát Nhà thầu phụ của Bên B và nhân lực của Bên B trên công trường phục vụ cho Công việc, đảm bảo rằng họ được chỉ dẫn về phương pháp làm việc thích hợp, quy định an toàn lao động và các quy định khác của pháp luật có liên quan;
- 4.2.6. Cung cấp, quản lý và quy định việc đi lại trong khu vực công trường; việc đến và đi từ công trường một cách an toàn và có trật tự đối với nhân lực của Bên B bao gồm: lao động tại hiện trường, nhân viên quản lý và giám sát, nhân viên quản lý công trường, nhân sự của các nhà cung cấp, Nhà thầu phụ của Bên B;
- 4.2.7. Cung cấp tất cả các thiết bị và dịch vụ khác cần thiết để đạt được nghiệm thu công trình theo Hợp đồng;
- 4.2.8. Luôn luôn thực hiện Công việc một cách an toàn; tuân thủ nội quy, quy định về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ trên công trường do Bên A ban hành.
- 4.2.9. Bên B phải đáp ứng yêu cầu về khối lượng, chất lượng và quy cách kỹ thuật như sau:
 - a) Khối lượng:
 - Bên B chịu trách nhiệm cung cấp toàn bộ vật tư, thiết bị, nhân lực, máy móc và chịu trách nhiệm thi công toàn bộ phần Công việc theo Điều 4 của Hợp đồng này, theo bản vẽ thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật được Bên A duyệt.
 - Máy móc, thiết bị thi công do Bên B đưa vào công trình phải có đăng ký, đăng kiểm, bảo hiểm trách nhiệm dân sự với Bên thứ 3 đảm bảo an toàn vận hành theo quy định của pháp luật và không được ít hơn số lượng máy móc trong biện pháp thi công được Bên A phê duyệt.
 - Toàn bộ vật tư, thiết bị đảm bảo chất lượng và tính pháp lý do các nhà sản xuất và/hoặc cơ quan chuyên ngành có thẩm quyền xác nhận (đối với các thiết bị đo đếm thì phải có giấy tờ, tem kiểm định do trung tâm đo lường có thẩm quyền cấp, đối với các vật tư, thiết bị Phòng cháy chữa cháy (PCCC) phải có giấy tờ, tem kiểm định do Cảnh sát PCCC cấp).
 - Các tính năng và chỉ tiêu kỹ thuật, nguồn gốc xuất xứ của vật tư, vật liệu tuân thủ đúng theo yêu cầu của Hồ sơ thiết kế, Hồ sơ dự thầu, Hợp đồng và các quy định của pháp luật.
 - Khối lượng thực hiện sẽ là khối lượng thực tế thi công hoàn thành được Bên A và Nhà tư vấn chấp thuận, nghiệm thu.

b) Khối lượng phát sinh:

- Khối lượng phát sinh là khối lượng các công việc theo yêu cầu của Bên A hoặc các công việc do thay đổi/bổ sung thiết kế được Bên A phê duyệt. Bên B phải đệ trình khối lượng và giá phát sinh (nếu có) trong vòng 07 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư ban hành các thiết kế thay đổi để Bên A xem xét phê duyệt, Bên B có nghĩa vụ phải thi công các công việc phát sinh song song với quá trình đệ trình giá phát sinh. Trường hợp Bên B từ chối thi công các công việc phát sinh này thì Bên A sẽ thuê đơn vị khác thực hiện.
- Giá trị của phần phát sinh tăng (hay giảm) được xác định theo Mục 7.2 [Phương pháp điều chỉnh giá Hợp đồng].

c) Chất lượng:

- Bên B bảo đảm thi công theo đúng Bản vẽ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật, biện pháp thi công được Bên A phê duyệt, đảm bảo chất lượng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam. Các yêu cầu kỹ thuật cụ thể quy định trong yêu cầu kỹ thuật hoặc kèm theo trong Hợp đồng, Hồ sơ mời thầu và Hồ sơ dự thầu.
- Việc thi công xây dựng phải tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Ban hành về Quản lý chất lượng và bảo trì Công trình xây dựng và các văn bản pháp luật có liên quan, sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.
- Chất lượng các công việc được thi công theo đúng trình tự, biện pháp tổ chức, kỹ thuật thi công được Bên A phê duyệt.

d) Vật tư:

- Vật tư đưa vào công trình phải đảm bảo đúng chủng loại được duyệt, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có chứng chỉ đảm bảo chất lượng theo yêu cầu Hợp đồng, quy định pháp luật và được Bên A và Nhà Tư vấn chấp thuận.
- Vật tư của Bên B đưa về công trình phải được Bên A và Tư vấn nghiệm thu trước khi đưa vào thi công. Đối với những vật tư cần lấy mẫu thí nghiệm thì phải tiến hành lấy mẫu ngay khi vật tư về công trường, sau khi có kết quả thí nghiệm đạt yêu cầu thì Bên B mới được phép đưa vật tư vào thi công.
- Khi vật tư đã được Bên B đưa vào thi công, Bên A và/hoặc Tư vấn vẫn có quyền kiểm tra ngẫu nhiên, nếu kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu của Hợp đồng thì Bên B phải tháo dỡ, di chuyển những vật tư đó ra khỏi công trường trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của Bên A và/hoặc Tư vấn và thay thế toàn bộ phần vật tư, thiết bị đã lắp đặt vào công trình bằng vật tư đạt chất lượng. Toàn bộ chi phí tháo dỡ, thay thế do Bên B chịu, đồng thời phải bồi thường toàn bộ thiệt hại gây ra (nếu có) cho Bên A. Tiến độ thi công của Bên B sẽ không được gia hạn.

Điều 5. Loại Hợp đồng, Giá trị Hợp đồng, Tạm ứng và thanh quyết toán

5.1. Loại Hợp đồng và hình thức thanh toán:

5.1.1. Loại Hợp đồng:

- Hợp đồng theo đơn giá cố định (trừ các trường hợp được điều chỉnh giá theo quy định tại Điều 7 của Hợp đồng). Giá trị thanh toán, quyết toán được xác định theo khối lượng thi công thực tế được nghiệm thu.

5.1.2. Hình thức thanh toán:

- Thanh toán bằng chuyển khoản 100% qua ngân hàng.

email. Trong các trường hợp đó, nếu ngày có liên quan là ngày chủ nhật hoặc ngày lễ của Việt Nam thì các thông báo, đề nghị, yêu cầu thanh toán hoặc thư từ giao dịch v.v. nêu trên sẽ được xem là được Bên kia nhận vào ngày làm việc tiếp theo.

Điều 20. Xử lý các tranh chấp

- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, khi có những vấn đề vướng mắc hoặc phát sinh, Bên A và B phải kịp thời thông báo cho nhau biết và chủ động cùng nhau thương lượng hoặc hòa giải để giải quyết trên nguyên tắc đảm bảo quyền lợi của mỗi Bên.
- Khi tranh chấp hai Bên không thể giải quyết được thông qua thương lượng hoặc hòa giải, hoặc bất kỳ Bên nào không muốn thương lượng, hòa giải, trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng mà không thể hòa giải hoặc thương lượng, các Bên sẽ gửi vấn đề tranh chấp tới một Trung tâm Trọng tài có thẩm quyền tại Việt Nam để xử lý tranh chấp theo các quy tắc tổ tụng Trọng tài Việt Nam hoặc tại Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật. Phán quyết của trọng tài hoặc phán quyết của tòa án là cuối cùng và bắt buộc đối với cả hai Bên. Các chi phí về giám định và lệ phí liên quan do Bên thua kiện chịu.
- Trong thời gian chờ đợi phán quyết của Trọng tài hoặc Tòa án, Bên B vẫn phải chịu trách nhiệm thi công công trình theo đúng tiến độ đề ra, không vì lí do tranh chấp mà trì trệ hoặc chậm trễ công việc đối với thi công công trình. Nếu không thực hiện quy định trên thì Bên B phải bồi thường cho Bên A theo quy định của Hợp đồng về chậm trễ về tiến độ hoàn thành công trình.
- Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.
- Trong quá trình giải quyết tranh chấp, các Bên vẫn tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, trừ khi có thỏa thuận khác.
- Cơ quan giải quyết: Trọng tài Thương mại Việt Nam hoặc Tòa án có thẩm quyền tại Hà Nội.
- Trước khi khởi kiện hoặc trọng tài, hai bên bắt buộc thương lượng và lập biên bản hòa giải trong vòng 15 ngày.

Điều 21. Thanh lý Hợp đồng

21.1. Thanh lý Hợp đồng

- a) Hợp đồng được thanh lý trong trường hợp:
 - Các Bên hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo Hợp đồng đã ký;
 - Hợp đồng bị chấm dứt theo quy định của Điều 15 [Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên B], Điều 11 [Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A] của Hợp đồng.
- b) Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày các Bên tham gia Hợp đồng hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng.

21.2. Chấm dứt trách nhiệm của Bên A

Bên A sẽ không chịu trách nhiệm với Bên B về bất cứ việc gì và vấn đề gì theo Hợp đồng hoặc liên quan đến Hợp đồng sau khi thanh lý Hợp đồng.

Điều 22. Hiệu lực của Hợp đồng

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm ký kết Hợp đồng

- Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở pháp lý mà Bên A, Bên B và các Bên liên quan có nghĩa vụ thực hiện.
- Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở để giải quyết tranh chấp giữa các Bên. Các tranh chấp phát sinh ngoài Hợp đồng sẽ được giải quyết trên cơ sở các quy định, của pháp luật có liên quan.

Điều 23. Điều khoản chung

- Hai Bên cam kết thực hiện đúng những điều đã quy định trong Hợp đồng này. Các vấn đề còn lại không đề cập trong Hợp Đồng này sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành tại Việt Nam.
- Hợp đồng này được lập thành 06 bản gốc, có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 03 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Trung Hiếu

ĐẠI DIỆN BÊN B



TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Chí Kiên

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẰNG ĐỘC QUYỀN GIẢI PHÁP HỮU ÍCH

Số: 3157

Tên giải pháp hữu ích: GÀU MÁY XÚC CÓ GẮN LƯỖI PHAY TRỘN

Chủ Bằng độc quyền: Viện Thủy công (VN)
Số 3, Ngõ 95, Chùa Bộc, Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội

Tác giả: 1. Ngô Anh Quân (VN)
2. (Danh sách kèm theo)

Số đơn: 2-2021-00312

Ngày nộp đơn: 29/07/2021

Số điểm yêu cầu bảo hộ: 01

Số trang mô tả: 17

Cấp theo Quyết định số: 20247w/QĐ-SHTT, ngày: 14/04/2023

Có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm tính từ ngày nộp đơn (Hiệu lực bảo hộ cần duy trì hàng năm).



**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



VN 03157

Trần Lê Hồng

BẢNG ĐỘC QUYỀN GIẢI PHÁP HỮU ÍCH SỐ: 3157

Danh sách các Tác giả tiếp theo:

2. Đỗ Viết Thắng (VN)



(12) **BẢN MÔ TẢ GIẢI PHÁP HỮU ÍCH THUỘC BẰNG ĐỘC QUYỀN
GIẢI PHÁP HỮU ÍCH**

(19) **Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (VN)
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ**

(11)



2-0003157

(51) **E02D 3/12**
2020.01

(13) **Y**

(21) 2-2021-00312

(22) 29/07/2021

(45) 25/05/2023 422

(43) 25/03/2022 408

(73) Viện Thủy công (VN)

Số 3, Ngõ 95, Chùa Bộc, Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội

(72) Ngô Anh Quân (VN); Đỗ Viết Thắng (VN).

(54) **GÀU MÁY XÚC CÓ GẮN LƯỠI PHAY TRỘN**

(57) Sáng chế đề cập đến gàu máy xúc có gắn lưỡi phay trộn được lắp vào tay gàu thủy lực của máy xúc, gàu máy xúc có gắn lưỡi phay trộn bao gồm thân gàu (1), bên trong có bố trí cơ cấu phay trộn (2) được dẫn động quay nhờ cơ cấu truyền động (3) hoạt động nhờ bơm thủy lực của máy xúc. Trong đó, thân gàu (1) bao gồm lỗ xuyên (15) có dạng hình chữ nhật được tạo ra ở phía sau của thân gàu (1). Cơ cấu phay trộn (2) là vừa là phương tiện cắt vừa là phương tiện khuấy được bố trí bên trong thân gàu (1), ở phía trước và chia lỗ xuyên (15) thành hai phần bằng nhau; cơ cấu phay trộn (2) bao gồm trục khuấy (21), các lưỡi phay trộn (22) được gắn theo cách có thể tháo lắp vào các tấm giá (23) của trục khuấy (21). Cơ cấu truyền động (3) bao gồm động cơ thủy lực (31) có thể truyền chuyển động quay đến trục khuấy (21) thông qua xích và đĩa xích trục khuấy (24). Động cơ thủy lực (31) là nguồn động lực để lưỡi phay trộn (22) quay với tốc độ khác nhau theo sự thay đổi tốc độ bơm thủy lực của máy xúc, nhờ đó lưỡi phay trộn (22) có thể quay quanh trục khuấy (21) bên trong thân gàu (1) lắp trên tay gàu thủy lực của máy xúc để bùn đất có thể trộn nông hoặc trộn sâu tùy thuộc vào yêu cầu của từng công trình.



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẰNG ĐỘC QUYỀN GIẢI PHÁP HỮU ÍCH

Số: 3158

Tên giải pháp hữu ích: ĐỀ BAO CÓ LỖI BÙN HÓA CỨNG

Chủ Bằng độc quyền: Viện Thủy công (VN)
Số 3, Ngõ 95, Chùa Bộc, Trung Liet, Đống Đa, Hà Nội

Tác giả:
1. Ngô Anh Quân (VN)
2. (Danh sách kèm theo)

Mã đơn: 2-2021-00311

Ngày nộp đơn: 29/07/2021

Mã điểm yêu cầu bảo hộ: 01

Số trang mô tả: 08

Áp theo Quyết định số: 21835w/QĐ-SHTT, ngày: 19/04/2023

Hiệu lực: Có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm tính từ ngày nộp đơn (Hiệu lực bảo hộ cần duy trì hàng năm).



KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Trần Lê Hồng



VN 2-0003158

BẰNG ĐỘC QUYỀN GIẢI PHÁP HỮU ÍCH SỐ: 3158

Danh sách các Tác giả tiếp theo:

2. Đỗ Việt Thắng (VN)
3. Nguyễn Tiên Trung (VN)
4. Trần Văn Quân (VN)
5. Trần Chí Thành (VN)
6. Nguyễn Hữu Năm (VN)



(12) **BẢN MÔ TẢ GIẢI PHÁP HỮU ÍCH THUỘC BẢNG ĐỘC QUYỀN
GIẢI PHÁP HỮU ÍCH**

(19) **Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (VN)
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ**

(11)



2-0003158

(51) **E02B 3/12**
2020.01

(13) **Y**

(21) 2-2021-00311

(22) 29/07/2021

(45) 25/05/2023 422

(43) 25/03/2022 408

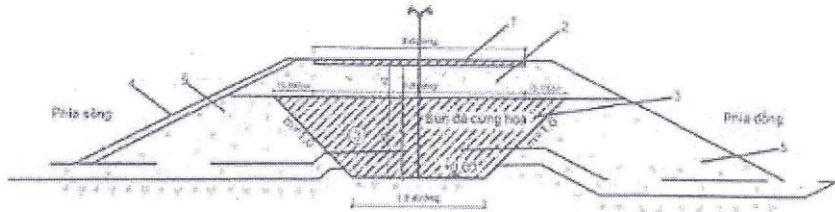
(73) Viện Thủy công (VN)

Số 3, Ngõ 95, Chùa Bộc, Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội

(72) Ngô Anh Quân (VN); Đỗ Việt Thắng (VN); Nguyễn Tiến Trung (VN); Trần Văn Quân (VN); Trần Chí Thành (VN); Nguyễn Hữu Năm (VN).

(54) **ĐÊ BAO CÓ LỖI BÙN HÓA CỨNG**

(57) Giải pháp hữu ích đề xuất bờ bao, đê bao có lỗi bùn hóa cứng bao gồm: lớp thứ nhất là lớp mặt đường được đổ bê tông để làm đường giao thông, lớp thứ hai là lớp đất nền đường, lớp thứ ba là lớp bùn đã cứng hóa, bờ bao, đê bao có lỗi bùn hóa cứng còn có lớp gia cố mái bảo vệ thân bờ bao, đê bao.



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VỤ BẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4139/QĐ-UBND

Vụ Bản, ngày 22 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu
Gói thầu: Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị dự án
Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hợp Hưng, huyện Vụ Bản
(Đông Thuần Khả Chính, Đông Sóng Đông Lạc)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VỤ BẢN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn
nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ kế hoạch
và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và
mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 24/4/2023 của HĐND tỉnh
Nam Định về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng khu dân cư tập
trung xã Hợp Hưng, huyện Vụ Bản (Đông Thuần Khả Chính, Đông Sóng Đông
Lạc);

Căn cứ Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh
Nam Định về việc phê duyệt dự án: Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hợp
Hưng, huyện Vụ Bản (Đông Thuần Khả Chính, Đông Sóng Đông Lạc);

Căn cứ Quyết định số 3372/QĐ-UBND ngày 01/10/2024 của UBND
huyện Vụ Bản về việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở
dự án: Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hợp Hưng, huyện Vụ Bản (Đông
Thuần Khả Chính, Đông Sóng Đông Lạc);

Căn cứ Quyết định số 2154/QĐ-UBND ngày 17/10/2024 của UBND tỉnh
Nam Định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Xây dựng khu
dân cư tập trung xã Hợp Hưng, huyện Vụ Bản (Đông Thuần Khả Chính, Đông
Sóng Đông Lạc);

Căn cứ Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 21/10/2024 của UBND
huyện Vụ Bản về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán và giá gói thầu: Xây dựng
khu dân cư tập trung xã Hợp Hưng, huyện Vụ Bản (Đông Thuần Khả Chính,
Đông Sóng Đông Lạc);



Căn cứ Quyết định số 3491/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 của UBND huyện Vụ Bản về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu: Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị dự án Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hợp Hưng, huyện Vụ Bản (Đồng Thuận Khả Chính, Đồng Sóng Đồng Lạc);

Xét nội dung báo cáo đánh giá E-HSDT gói thầu: Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị dự án Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hợp Hưng, huyện Vụ Bản (Đồng Thuận Khả Chính, Đồng Sóng Đồng Lạc) số 18.11/2024/BCĐG EHSĐT ngày 18/11/2024 do Công ty cổ phần xây dựng và tư vấn xây dựng Nam Định lập;

Xét biên bản thương thảo hợp đồng giữa Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vụ Bản và Công ty cổ phần môi trường Soltech Việt Nam ngày 21/11/2024;

Theo đề nghị của Hội đồng BTHT GPMB huyện Vụ Bản tại Tờ trình số 550/TTr-HĐGPMB ngày 12/11/2024 và Báo cáo thẩm định số 797/BC-TCKH ngày 14/11/2024 của phòng Tài chính - Kế hoạch về báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị dự án Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hợp Hưng, huyện Vụ Bản (Đồng Thuận Khả Chính, Đồng Sóng Đồng Lạc).

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị dự án Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hợp Hưng, huyện Vụ Bản (Đồng Thuận Khả Chính, Đồng Sóng Đồng Lạc), với một số nội dung sau:

1. Tên gói thầu: Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị dự án Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hợp Hưng, huyện Vụ Bản (Đồng Thuận Khả Chính, Đồng Sóng Đồng Lạc).

2. Đơn vị trúng thầu: Công ty cổ phần môi trường Soltech Việt Nam.

- Địa chỉ nhà thầu: Số nhà 143 đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Mã số đăng ký kinh doanh nhà thầu: 0106843930.

3. Giá trị đề nghị trúng thầu: 23.582.566.952 đồng.

4. Giá trị đề nghị trúng thầu làm tròn: 23.582.566.000 đồng

5. Nguồn vốn: Nguồn thu tiền sử dụng đất tại khu dân cư tập trung xã Hợp Hưng, huyện Vụ Bản (Đồng Thuận Khả Chính, Đồng Sóng Đồng Lạc) và các nguồn vốn hợp pháp khác.

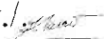
6. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh.

7. Thời gian thực hiện hợp đồng: 220 ngày.


8. Danh sách nhà thầu phụ: Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và thương mại Minh Tuệ và Công ty cổ phần thương mại thiết bị an toàn Tứ Linh

Điều 2. Giao cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vụ Bản căn cứ vào kết quả phê duyệt tại Điều 1 tổ chức ký hợp đồng với đơn vị trúng thầu và chỉ đạo thực hiện gói thầu đảm bảo chất lượng, tiến độ, đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện Vụ Bản, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. 

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND huyện;
- Như điều 3;
- Lưu: VP. 


KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Chi



MỘT SỐ HÌNH ẢNH CÁC DỰ ÁN



Network: 8 Oct 2023 at 16:51:58 GMT+7

Local: 8 Oct 2023 at 16:51:58 GMT+7

N 20° 50' 6.465", E 106° 2' 51.236"

Hung Yên

H. Ân Thi

Việt Nam

X. Xuân Trúc

Remark: Soltech - ecoland



8 Th10, 2023 07:23:36

Đề

Quỳnh Phụ

Thái Bình







Network: 8 Oct 2023 at 07:41:55 GMT+7
Local: 8 Oct 2023 at 07:41:55 GMT+7
N 20° 50' 7.970", E 106° 2' 47.893"
Hưng Yên
H. Ân Thi
Việt Nam
X. Xuân Trúc



6 Oct 2023 at 06:23:58
Hưng Yên
H. Ân Thi
Việt Nam
X. Xuân Trúc
Soltech





CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SOLTECH VIỆT NAM

 Trụ sở chính: Số 143 đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

 VPGD: Tòa nhà Vimeco Phạm Hùng, Lô E9, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hotline: 0827.558.866

 Email: soltechvietnam@gmail.com/soltechdauthau@gmail.com